Chia Sẻ

3 & 4
2015 (356)

Nội san thông tin Tỉnh Dòng Thánh Phanxicô Việt Nam. Bình An và Thiện Hảo - Pax et Bonum

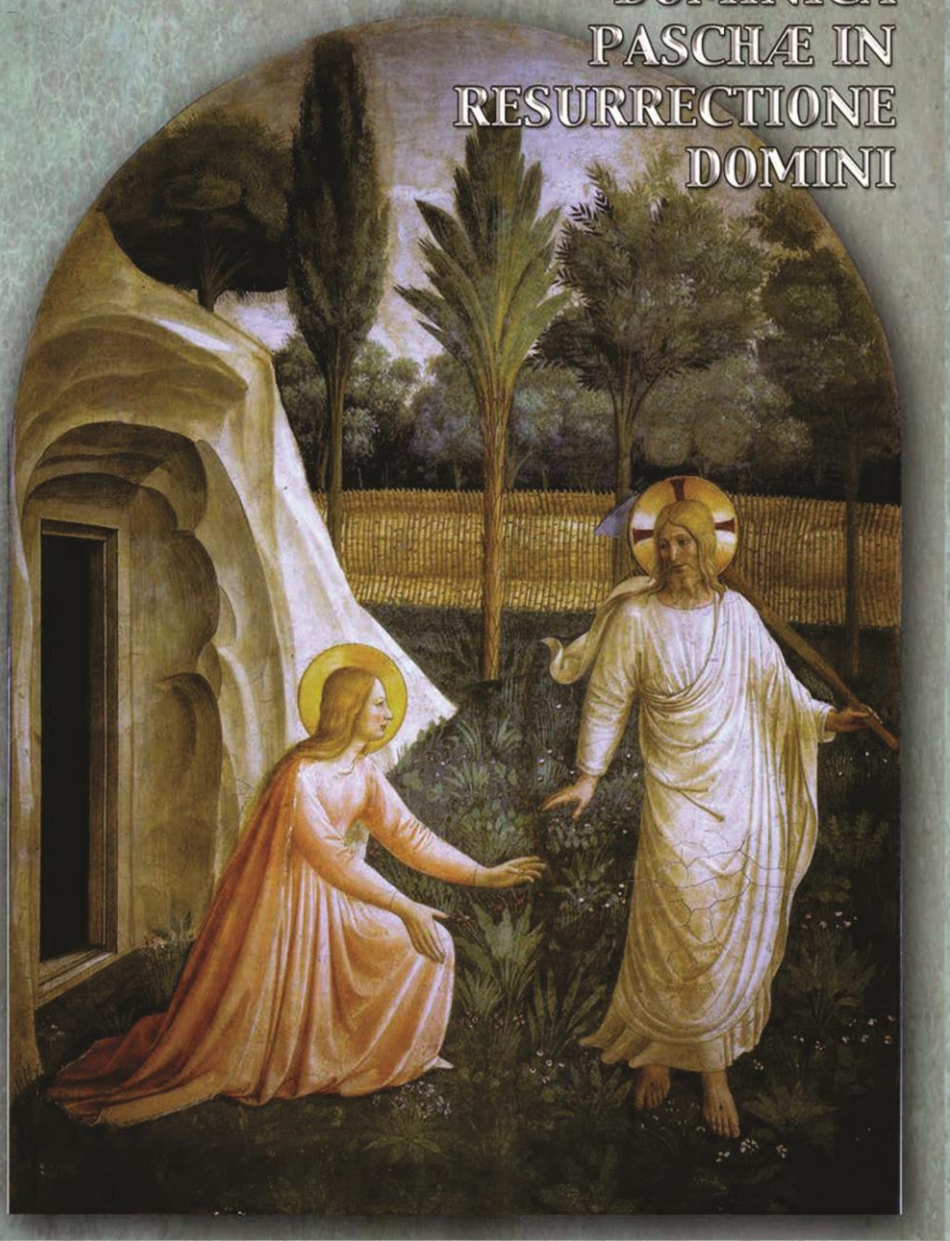

- Khiêm nhường như sự thật và phục vụ nơi Thánh Phanxicô Atxidi Tr. 22
- Nguyễn Hồng Giáo Nguyễn Hồng Giáp Tr. 36
- Tình Yêu Thứ Nhất và Duy Nhất Tr. 21
- 25 Năm Linh Mục Gioan TC Nguyễn Phước Tr. 48

Lịch gửi bài

Tháng	Cộng đoàn – Điểm	Ban Ngành	GĐ. PS
05 & 06 - 2015	Vĩnh Phước, Đồng Dài, Sathầy Thủ Đức, Cồn Én, Hòa Hội, Hà Nội	Huấn Luyện	CPS
	Suối Dầu, Đakao, Xuân Sơn, Cù Lao Giêng, Bình Giả, Gia Hòa	Thường Huấn	CLARA–FMM

Nội Dung:

Thư Tổng Phục Vụ 03

Tin Tỉnh Dòng 07

Tin Hội Dòng 10

Tin Nhà

- *Tin CĐ Xuân Sơn* 16

Trang Thường Huấn

- *Triết lý con kiến* 17
- *Hệ thống nhận thức* 18

Chia Sẻ Trong Chia Sẻ

- *Tình yêu thức nhất và duy nhất* 21
- *Khiêm nhường như sự thật và phục vụ nơi Thánh Phanxicô* 22
- *Một vài cảm nhận tĩnh tâm tiến chức* 25
- *Vòng hoa mùa chay* 27
- *Những con đường của thần học tự nhiên* 29
- *Nguyễn Hồng Giáo-Nguyễn Hồng Giáp* 36
- *Ngọn đèn chầu* 39
- *Thần tượng* 41
- *Cha Guy Maria Nguyễn Hồng Giáo* 43
- *Xông hương nến phục sinh như thế nào?* 45
- *Giảng lễ 25 năm Lm Gioan TC Nguyễn Phước* 48
- *Lễ Vọng Phục Sinh B* 50
- *Mừng vui lên* 52

Trang PSTT và GTPS

- *Một chút tâm tình của người phục vụ* 59
- *Bài học yêu thương* 60
- *Con chiên lạc* 61
- *Trợ Úy đích thực là ai?* 62

Trang Thơ 66

Thông báo các lớp nhạc Quê Hương 68

Những ngày ghi nhớ 73

Thư
ANH TỔNG PHỤC VỤ

"NÀY BÀ, SAO BÀ KHÓC? BÀ TÌM AI?"

(*Ga* 20,15)

Anh Em thân mến,
Xin Chúa ban bình an cho anh em!

Một trong những trình thuật cảm động nhất về biến cố Phục Sinh mà chúng ta có được đó là việc bà Ma-ri-a Mác-đa-la làm chứng cho biết về các biến cố xoay quanh cái chết, việc mai táng và sự bí nhiệm của ngôi mộ trống (*Ga* 20,1-18). Chính bà, và có thể hầu hết nhóm những phụ nữ cũng đã đi theo Chúa Giê-su, thức dậy từ sáng sớm ngày thứ ba, "lúc trời còn đang tối" (*Ga* 20,1), và đi ra viếng mộ. Tuy không thấy có bất cứ động lực nào thúc đẩy thực hiện cuộc hành trình đau thương này, có thể là bà và các chị bạn chỉ muốn khóc thương Chúa Giê-su, là Vị Thầy và là người bạn đã mất. Đến gần ngôi mộ, bà hoảng hốt khi thấy tảng đá lấp lối vào ngôi mộ đã lăn ra một bên. Bà liền chạy về gặp ông Phê-rô và "người môn đệ Đức Giê-su thương mến" đang ẩn trốn để báo cho các ông biết là xác Đức Giê-su đã bị đem đi khỏi mộ và "Chúng tôi chẳng biết họ để Người ở đâu" (*Ga* 20,2). Sự biến mất xác Đấng chịu đóng đinh làm cho bà Ma-ri-a Mác-đa-la giao động, một sự biến mất làm cho bà bị sốc, đầy hoang mang và bị thử thách, và không những chỉ có bà mà cả ông Phê-rô và các môn đệ nữa.

Trình thuật tiếp tục nói đến việc ông Phê-rô và "người môn đệ kia" đi đến ngôi mộ trống. Không giống như những người kia, ông Phê-rô không chút do dự hay đứng chờ ngoài mộ và đắn đo suy nghĩ ý nghĩa các sự kiện. Ông vào thẳng trong mộ và chỉ nhìn thấy những băng vải để ở đó và khăn che đầu Đức Giê-su. Ngoài những băng vải, không có bất cứ dấu vết nào về cái xác. Ngôi mộ cô tịch và trống rỗng. Khi "người môn đệ kia" đi vào ngôi mộ, ông cũng chỉ nhìn thấy những gì như ông Phê-rô đã nhìn thấy. Tuy nhiên, bài trình thuật tiếp tục và nói với chúng ta rằng: "Ông đã thấy và đã tin" (*Ga* 20,1-8). Ông đã nhìn thấy những gì mà ông Phê-rô và cả bà Ma-ri-a Mác-đa-la đã không nhìn thấy? Điều đó sẽ được làm sáng tỏ ở chương sau của Tin Mừng theo thánh Gio-an (x. *Ga* 21,7). "Người môn đệ kia" đứng ở ngoài như là người môn đệ kiểu mẫu, người môn đệ tin tưởng tuyệt đối vào Đức Giê-su, vào Đấng Mê-si-a đã được hứa. Niềm tin ông có được là nhờ ông đã sống gần gũi với Đức Giê-su, đã sống thân mật với Thầy, một sự thân mật mà hết thảy chúng ta đều được mời gọi.

Một lần nữa, chúng ta trở lại với con người của bà Ma-ri-a Mác-đa-la, một trong những người môn đệ đã kiên vững đứng kề bên Đức Giê-su trong các biến cố khủng khiếp của cuộc khổ nạn thập giá. Không như ông Phê-rô và các ông khác, bà đã không chạy trốn khỏi những biến cố sỉ nhục và chế giễu của thập giá. Bà đứng gần bên và nhìn xem cùng với hai bà Ma-ri-a khác của Tin Mừng, Mẹ Đức Giê-su và chị Mẹ Người cũng tên là Ma-ri-a. Như thế, bà Ma-ri-a Mác-đa-la được xem như người có đức tin mạnh mẽ, niềm cảm xúc sâu sắc, một người phụ nữ biết nhận ra nơi con người Đức Giê-su mầu nhiệm bộc lộ cho thấy Thiên Chúa đang hoạt động trên thế giới. Chính bà đã đứng ở ngoài, gần bên ngôi mộ mà khóc về cái chết của Chúa, và khóc vì Chúa xa vắng trong đời sống bà và đời sống của các môn đệ khác. Tuy nhiên, khi cái xác của người chết còn hiện diện, thì còn chút niềm an ủi vì biết cái xác để ở đâu và nơi người ta có thể tới để khóc thương sự mất mát và có can đảm tưởng nhớ đến người quá cố. Ngôi mộ trống cho thấy là không còn cơ may để khóc thương và tưởng nhớ.

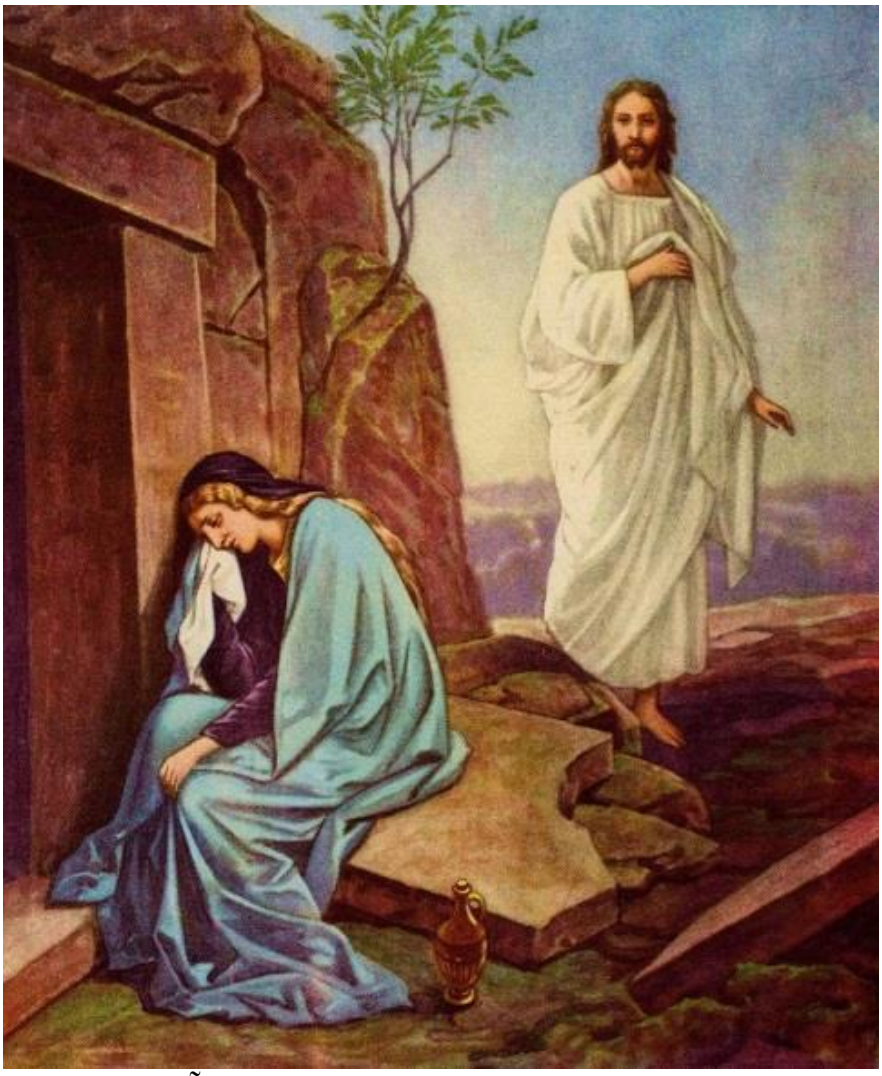

Ngay khi đứng khóc kề bên ngôi mộ, bà Ma-ri-a Mác-đa-la vẫn không rời mắt nhìn ngôi mộ. Có lẽ bà vẫn còn nuôi hy vọng lại được nhìn ngắm thân xác đầy thương tích và bị giập gẫy của Thầy và là Chúa của bà. Có lẽ bà vẫn không bỏ nuôi hy vọng lại được nhìn thấy Đức Giê-su trong đời sống bà, và không phải chỉ vào thời gian xa sau ngày sống lại khi đến ngày tận thế. Có lẽ bà Maria Mác-đa-la đại diện cho lòng can đảm và sự nhiệt thành của kẻ không để dáng vẻ của sự thất bại và đổ vỡ, sự bối rối và sự trống rỗng của sự mất mát và của ngôi mộ lấy đi sự tin cậy mà bà đã đặt nơi Đức Giê-su.

Biến cố Phục sinh, sự hiện ra của Đức Giê-su trong Tin Mừng của Thánh Gio-an, không bao giờ chỉ được trải nghiệm đơn độc một mình. Như khi đứng gần bên mộ mà khóc, bà Ma-ri-a Mác-đa-la cúi xuống và nhìn thấy hai thiên thần đứng ở nơi mà họ đã đặt xác Đức Giê-su. Ngôi mộ trống không bao lâu, lại được lấp đầy bởi sự hiện diện của Thiên Chúa, dưới hình thức của hai thiên thần. Các ngài bắt đầu đối thoại với bà, nhằm giúp bà khám phá ra ý nghĩa của nỗi u buồn và nỗi sợ hãi của mình: "Người ta đã lấy mất Chúa tôi rồi, và tôi không biết họ để người ở đâu" (*Ga* 20,13). Qua sự khám phá nỗi u buồn và nỗi sợ hãi của mình mà bà có thể quay lại nhìn thấy Chúa Giê-su đứng đó, mặc dù bà không nhận ra là Ngài đang đứng cạnh bà. Đức Giê-su

không giữ im lặng nhưng Ngài ôm lấy bà đang đau khổ và khóc thương. Ngài mở ra cho bà một không gian nhằm bày tỏ những khó khăn và sự bối rối lo âu của bà. Như Đức Giê-su đã làm đối với các môn đệ đầu tiên của Ngài, bây giờ Ngài cũng mời gọi Ma-ri-a gọi tên "Đấng" mà bà đang tìm kiếm. Đức tin không phải là vấn đề ghi nhớ các lý thuyết hay các nguyên tắc nhưng đúng hơn là đi đến với sự hiện diện của một con người, Đức Giê-su. Như Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đic-tô XVI và Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô đã nhắc nhở chúng ta: Đức tin đòi phải có cuộc gặp gỡ cá vị với Thiên Chúa Hằng Sống của sự sống là chính Đức Giê-su (x. *Thiên Chúa là Tình Yêu*; *Niềm vui của Tin Mừng*). Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô nói: "Chúa không làm thất vọng những ai chấp nhận sự liều lĩnh này" và "Mỗi khi chúng ta bước một bước đến gần Đức Giê-su, chúng ta hiểu ra rằng Ngài đang ở đó, đang mở rộng vòng tay chờ đón chúng ta" (*Niềm vui của Tin Mừng*, số 3).

Cha Thánh Phan-xi-cô, Đấng sáng lập Dòng cũng đã trải nghiệm điều mà bà Ma-ri-a Mác-đa-la và các môn đệ khác đã trải nghiệm. Chính cuộc gặp gỡ vui mừng hân hoan này với Chúa của sự sống làm cho Phan-xi-cô tràn ngập niềm vui và trào dâng niềm hân hoan luôn mãi như trong *Thư gởi các tín hữu* ngài viết:

"Ôi thật là điều thánh thiện, an ủi khi có một người bạn trăm năm đẹp đẽ và kỳ diệu. Ôi thật là điều thánh thiện và đáng quí mến, khi có một Người Anh và một Người Con hiền lành, khiêm hạ, an hòa, ngọt ngào, đáng mến và đáng ước ao trên hết mọi sự đã thí mạng sống mình cho đoàn chiên và đã cầu xin cùng Chúa Cha cho chúng ta" (*2TTh* 55-56).

Cuộc gặp gỡ vui mừng hân hoan này là cuộc gặp gỡ của Ma-ri-a trong Tin Mừng Phục Sinh. Bà đã tỏ ra sẵn sàng chấp nhận sự liều lĩnh để tin cậy Chúa Giê-su phục sinh và hiểu rằng Ngài đang ở đó chờ đợi bà, chờ đợi thời khắc bà lại được tự do, tự do thoát khỏi sự sợ hãi, sự nao núng, sự nghi ngờ và bất cứ chướng ngại nào; tự do để cho Đức Giê-su ôm bà vào lòng và dẫn đưa bà tiến lên Nước Thiên Chúa. Câu trả lời của bà Ma-ri-a cho câu hỏi của Đức Giê-su thật rõ ràng: "Lạy Đức Chúa, chính Ngài là Đấng con yêu mến hết lòng hết dạ, hết linh hồn và hết sức con" (x. *Đnl* 6,5). Tức khắc, bà Ma-ri-a được mang căn tính là người môn đệ. Đức Giê-su ủy thác ngay cho bà nhiệm vụ làm người môn đệ truyền giáo, được sai đi chia sẻ cho thế giới phúc lành của Chúa.

Thưa anh em, chính nhờ cuộc gặp gỡ cá vị với Chúa của sự sống đã phục sinh là Đức Giê-su, mà cuộc đời của bà Ma-ri-a Mác-đa-la đã được biến đổi. Thật hiển nhiên bà là người phụ nữ có đức tin sâu sắc và kiên định. Chính nhờ đức tin ấy, bà Ma-ri-a đã có thể vượt qua phạm vi kinh nghiệm thông thường, đang khi phải đương đầu với những sức mạnh xa lạ của sự chết và sự vô nghĩa, đồng thời tái khám phá ra sự hiện diện sống động, yêu thương và trung tín của Đức Giê-su, Chúa thương mến của bà. Đức tin đã cho bà – và có thể cung cấp cho chúng ta – có được lòng can đảm cần thiết để đương đầu với sự dữ, sự bất công, kinh nghiệm bất nhân của sự áp chế chính trị và xã hội, và thậm chí của chính cái chết, và tại đó công bố trước Thiên Chúa và nhân loại rằng tình yêu vượt thắng mọi sự dữ, sự tha thứ vượt thắng mọi thù hận, và niềm hy vọng vượt thắng mọi mối đe doạ và sợ hãi. Tin vào sự phục sinh đưa chúng ta đến với con người Đức Giê-su, đến với việc canh tân mối tương quan của chúng ta với Người, như thế lột trần sự ác, cái chết và cảm thức của sự cô lập của quyền lực nhằm chiếm đoạt niềm hy vọng, tình yêu và niềm vui của chúng ta. Đức tin đưa chúng ta vượt qua bên kia phạm vi mà tại đó chúng ta có thể nhận biết, kiềm chế và ngay cả cố gắng kiểm soát mọi sự và những biến cố đang xảy ra quanh chúng ta và ngay bên trong chính cuộc sống của chúng ta. Chính nhờ cảm nghiệm về con người Đức

Giê-su – tin vào Người – mà chân trời của chúng ta trải rộng vượt qua những giới hạn của không gian và thời gian. "Mỗi khi chúng ta cố gắng trở về nguồn (là Chúa Giê-su) và khôi phục lại sự tươi trẻ của Tin Mừng, những đại lộ mới sẽ xuất hiện, những nẻo đường sáng tạo mới sẽ mở ra…" (*Evangelii gaudium*, số 11). Đây là quyền năng của tình yêu, quyền năng ấy được giải thoát nhờ sự kiện phục sinh.

Như bà Ma-ri-a Mác-đa-la, như thánh Phan-xi-cô, thánh Cla-ra và vô vàn các thánh nam nữ phan sinh trước chúng ta, trong năm *Đời sống thánh hiến* này, chúng ta hãy nhắc nhớ nhau trong tư cách là những anh em và là những Anh Em Hèn Mọn rằng chúng ta đã được mời gọi đến cùng một đức tin, sự kiên trung và đến dự phần vào sứ vụ phúc âm hoá của Đức Giê-su. Chúng ta được mời gọi rao giảng những gì chính chúng ta đã làm chứng và đang làm chứng trong cuộc sống của chúng ta, đó là Đức Giê-su Ki-tô vẫn đang sống. Ngài đã trỗi dậy từ cõi chết! Tình yêu, lòng thương xót và niềm hy vọng đã chiến thắng ngay trong sự tăm tối! Alleluia! Chính vì sự Phục Sinh của Đức Giê-su mà chúng ta có thể nắm bắt được lối sống Phúc Âm, lối sống lưu động, sống đời thánh hiến của chúng ta như những con người của Tin Mừng, những sứ giả của sự hoà giải, và của những người mang ánh sáng và sự sống đến bất cứ nơi nào mà Đức Giê-su dẫn chúng ta đến.

Chúng ta đừng sợ hãi, đừng băn khoăn lo lắng, đừng hối tiếc. Thiên Chúa đang đặt để chúng ta trên một cuộc hành trình hướng tới tương lai, một cuộc hành trình diễn ra trong và qua Thần Khí của Thiên Chúa, Đấng là Tổng Phục Vụ của Hội Dòng. Bất chấp những gì xảy ra mà Hội Dòng đang phải đương đầu vào lúc này, chúng ta được mời gọi chỉ tìm kiếm khuôn mặt của Thiên Chúa, tình yêu và ý định của Ngài đối với đời sống chúng ta. "Đây là niềm khao khát thường hằng của tâm hồn chúng ta, tiêu chuẩn cơ bản qui hướng hành trình của bạn, dù trong những bước nhỏ của đời sống hằng ngày hay trong những quyết định quan trọng nhất" (Bê-nê-dic-tô XVI, *Ngày thế giới đời sống thánh hiến*, 2-2-2013). Chính sự khao khát thường hằng này khiến bà Ma-ri-a Mác-đa-la nhận ra giọng nói của Chúa trong khu vườn của cuộc tạo dựng mới. Cùng một sự khát khao thường hằng này mà anh em và tôi phải tìm kiếm để nuôi dưỡng và gìn giữ sống động trong lòng chúng ta và giữa anh em chúng ta.

Ước gì tất cả chúng ta đi vào tinh thần của Tổng Tu Nghị 2015 với cùng một niềm khát khao cháy bỏng này, để nhận ra khuôn mặt của Thiên Chúa và để mời gọi nhau, mời gọi tất cả nhân loại và tất cả tạo thành hầu nhận ra và cử hành sự sống tuôn trào từ Đấng Phục Sinh.

Cầu chúc tất cả anh em một lễ Phục Sinh phúc lành và hạnh phúc!

Xin gởi lời chào đặc biệt đến các Chị Cla-ra và các Chị Vô Nhiễm!

Hiệp thông trong tình huynh đệ.

Roma, ngày 22- 3 - 2015

Fr. Michael Anthony Perry, OFM

Tổng Phục Vụ và Tôi Tớ

tin từ Văn Phòng Tỉnh Dòng

BẢN TIN TỈNH DÒNG

Lễ truyền chức linh mục và phó tế

9 giờ sáng ngày 12/4/2015, Chủ Nhật thứ II Phục Sinh, Lòng Chúa Thương Xót, tại Hội trường thánh Phanxicô trong khuôn viên tu viện Phanxicô, số 42 Đình Phong Phú, P. Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Tp. HCM, Tỉnh Dòng Thánh Phanxicô Việt Nam đã tổ chức thánh lễ truyền chức Phó tế cho 2 tu sĩ: Phêrô Trần Thanh Bình, Antôn Nguyễn Anh Tôn và truyền chức Linh mục cho 8 tu sĩ Phó tế: Phêrô Trần Thanh Bảo, Phaolô Nguyễn Xuân Diệu, Phêrô Trần Ngọc Niên, Gioan B. Đoàn Minh Sáng, Phêrô Hoàng Cao Thái, Phaolô Trần Anh Tuấn, Giuse Trần Hữu Từ và Antôn Nguyễn Trung Trực.

Đức Cha Phaolô Bùi Văn Đọc, Tổng Giám mục Giáo phận Sài Gòn, đã chủ lễ truyền chức phó tế và linh mục cùng với đoàn đồng tế khoảng 70 linh mục, gồm các linh mục đến từ nhiều giáo phận, các hội dòng khác nhau, và các anh em linh mục trong Tỉnh dòng. Tham dự thánh lễ có các tu sĩ nam nữ của các hội dòng, các anh chị em Phan Sinh Tại Thế, anh em Cựu Phan Sinh, các thân nhân, bạn hữu của các tiến chức, các ân nhân trong Hội Bảo Trợ Ơn Gọi Phan Sinh, đại diện các giáo xứ.

"Xin dùng con như khí cụ bình an của Chúa" là câu ý lực mà các tân chức hôm nay đã chọn như một lời nhắc nhở cho họ khi đón nhận sứ vụ mới. Mục tử là người được Thiên Chúa tuyển chọn và giao phó cho sứ vụ làm chứng cho Đức Kitô Phục Sinh, loan báo niềm vui Phục Sinh và sự bình an của Chúa đến cho những người đang đau khổ.

Các phần diễn nghĩa của nghi thức truyền chức, bài Giáo huấn của Đức Giám mục, và các bài thánh ca được các thầy Học viện và các em Tìm hiểu thể hiện với giọng hát trẻ trung và đầy nhiệt huyết, cũng như các khâu chuẩn bị chu đáo của Ban tổ chức và anh em Học viện đã tạo cho ngày lễ truyền chức được cử hành trang nghiêm, thánh thiện và đầy ý nghĩa.

Cuối thánh lễ, một đại diện các tân chức bày tỏ lòng biết ơn đối với Đức Cha, các linh mục đồng tế, các tu sĩ nam nữ, các anh em trong Tỉnh dòng, các anh chị em Phan Sinh Tại Thế, thân nhân, bạn hữu, các ân nhân trong Hội Bảo Trợ Ơn Gọi Phan Sinh Việt Nam, và mọi người đến tham dự, bằng cách này hay cách khác đã cầu nguyện, nâng đỡ, và đồng hành với các tân chức trong suốt thời gian qua.

Sau thánh lễ, mọi người cùng chung vui với các tân chức tại khuôn viên của tu viện. Nguyện

chúc cho các tân chức luôn thấm nhuần tinh thần là *"khí cụ bình an của Chúa"* trong sứ vụ mới, người mục tử chăn dắt đoàn chiên của Chúa.

Lễ Mừng Thọ

Vào 10 giờ sáng, ngày 06/04/2015, anh em trong cộng đoàn Du Sinh đã tổ chức lễ mừng thọ 90 tuổi và mừng 68 năm khấn dòng cho cha Phaolô Nguyễn Văn Hồ. Anh Phó Giám tỉnh Giuse Vũ Liên Minh và một số anh em thuộc các cộng đoàn khác đã đến chúc mừng và chia vui với cha Phaolô và cộng đoàn Du Sinh. Chúng ta hãnh diện và vui mừng hiệp thông với cha để tạ ơn Chúa về ân huệ rất đặc biệt Chúa ban cho cha và qua cha, cho Tỉnh dòng.

Khóa họp các Phụ trách

Ngày 9-10/4/2015, Tỉnh dòng đã tổ chức khóa họp dành cho những anh đảm nhận vai trò Phụ trách Cộng đoàn, khóa họp được tổ chức tại nhà Tĩnh tâm Đamianô, số 42 Đình Phong Phú, quận 9, TP. HCM. Số tham dự viên là 37 anh em.

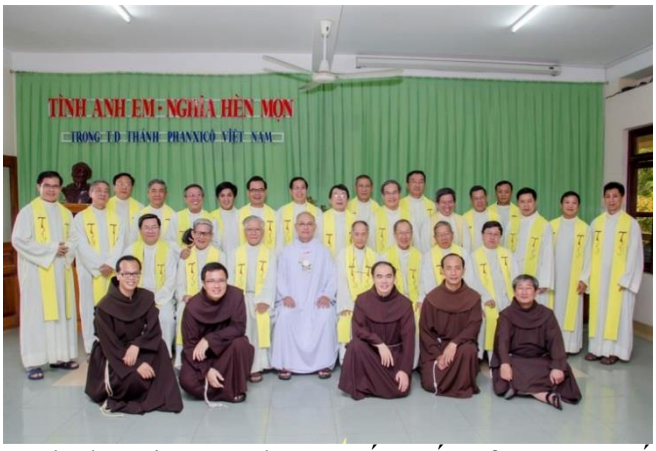

Buổi họp thứ nhất được diễn ra chiều thứ Năm, sau lễ tang của cha Guy Marie Nguyễn Hồng Giáo. Buổi làm việc đầu tiên đề cập đến tinh thần lãnh đạo với tựa đề "Quyền bính dưới ánh sáng các giáo huấn của Đức Giáo hoàng Phanxicô" do anh Phanxicô X. Vũ Phan Long trình bày. Cũng trong buổi chiều, anh Giám tỉnh Inhaxiô Nguyễn Duy Lam đã chia sẻ và thông tin về các hoạt động trong đời sống Tỉnh dòng.

Ngày thứ 2, các tham dự viên đã chia thành 4 nhóm để thảo luận. Sau đó, các nhóm họp lại và ban thư ký trình bày phần ý kiến của nhóm cho hội nghị. Sau phần trình bày của các tổ, anh Giám tỉnh đã soi sáng những thắc mắc và những kiến nghị của các tổ đã nêu ra. Vào buổi chiều cuối cùng, ban thư ký của hội nghị trình bày bản tổng hợp từ các kết quả làm việc của các nhóm trước khi anh em thống nhất một bản ghi nhớ, như là kết quả của gần hai ngày làm việc. Khóa họp kết thúc lúc 5 giờ chiều ngày 10/4/2015.

Lễ tang cha Guy Marie Nguyễn Hồng Giáo, OFM

Vào lúc 21 giờ 30 ngày thứ Hai 6/4/2015, cha Guy Marie Nguyễn Hồng Giáo đã tạ thế tại tu viện Phanxicô thuộc Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Đến 10 giờ sáng ngày 7/4/2015, anh Phụ trách tu viện Thủ Đức, Giuse Nguyễn Tiến Dũng đã chủ sự nghi thức tẩn liệm và Thánh lễ cầu nguyện cho cha Guy Marie. Tham dự nghi thức và thánh lễ có một số linh mục trong giáo phận, anh em trong cộng đoàn Thủ Đức, anh em Học viện, anh em tại các cộng đoàn Đakao, Cầu Ông Lãnh, cùng với bà con thân nhân của cha Guy Marie. Nghi thức tẩn liệm được cử hành trong bầu khí trầm lắng, phảng phất cảm xúc buồn của sự ra đi của người thân, nhưng cũng tràn đầy niềm hy vọng của ngày lễ Phục Sinh.

Thánh lễ An táng cho cha Guy Marie Nguyễn Hồng Giáo được cử hành vào 8 giờ sáng thứ Năm, ngày 9/4/2015, tại Hội Trường Thánh Phanxicô, nằm trong khuôn viên của tu viện Phanxicô, thuộc Quận 9, TP. HCM. Đức cha Phaolô Nguyễn Thái Hợp, Giám mục Giáo phận Vinh đã chủ sự Thánh lễ cùng với Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Khảm, Giám mục Giáo phận Mỹ Tho, các cha Tổng Đại diện,

Hội Dòng, anh chị em PSTT và GTPS, anh em Cựu Phan Sinh, cùng nhiều giáo dân đến từ nhiều giáo xứ: Thánh Linh, Thánh Tâm, Đakao, Cầu Ông Lãnh, Bình Giã,....Tất cả mọi người đến đây với tư cách là người đồng nghiệp, người học trò, người thân, bạn hữu, để bày tỏ lòng quý mến, thương tiếc và cầu nguyện cho cha Guy Marie là vị tu sĩ linh mục đã có nhiều thao thức cho công việc đào tạo đời sống các tu sĩ tại Việt Nam, cộng tác tích cực với các Đấng bản quyền của Giáo hội địa phương để xây dựng một đời sống đạo phù hợp với hoàn cảnh khó khăn sau những năm 1975.

các cha Hạt trưởng, các cha Giám đốc các Đại chủng viện, các Học viện, cha Chủ tịch Liên hiệp Bề trên Thượng cấp Việt Nam, và đông đảo các linh mục thuộc các giáo phận: Sài Gòn, Xuân Lộc, Vinh, Bà Rịa, các anh em linh mục trong Tỉnh dòng,... Số linh mục đến dâng lễ an táng có khoảng hơn 200 vị. Ngoài ra, các Bề trên các Hội dòng, các tu sĩ nam nữ của các

Sau Thánh lễ, đông đảo anh chị em thân nhân, tu sĩ và linh mục đã tiễn đưa thi hài cha Guy Marie ra nơi hóa táng tại Phúc An Viên quận 9.

Khóa tĩnh tâm chuẩn bị cho các tiến chức linh mục và phó tế

Để giúp anh em chuẩn bị đón nhận hồng ân thánh chức, anh thư kí huấn luyện, cũng là anh đặc trách các anh tiến chức, Giuse Vũ Liên Minh, đã chọn địa điểm trung tâm Don Bosco K'Long là nơi anh em lên núi để gặp gỡ Thiên Chúa. Chủ đề của tuần tĩnh tâm tiến chức "Mục Tử như lòng Chúa muốn". 3 giờ chiều ngày Chúa nhật 8/3, anh em đã có mặt đông đủ và nhận phòng. 19 giờ 30' cùng ngày, anh em đã sốt sắng khai mạc tuần tĩnh tâm bằng giờ chầu Thánh Thể.

Anh Nicolas Vũ Ngọc Hải đến từ miền truyền giáo Tây nguyên, đã chia sẻ với anh em ba ngày. Các bài chia sẻ của anh dựa trên kinh nghiệm của nhiều linh mục trong dòng cũng như bên giáo phận. Đồng thời, anh cũng chia sẻ những kinh nghiệm của cá nhân anh về công việc truyền giáo tại Cồn Én và Pleiku, tuy vất vả nhưng cũng không thiếu niềm vui và những thành quả. Điểm nhấn trong các bài chia sẻ của anh, đó là anh đề nghị cho các anh em tiến chức một hình ảnh của vị mục tử hôm nay: Người linh mục là sứ giả loan báo Tin Mừng, là người làm chứng, và là thừa tác viên cuộc sống.

Hai ngày còn lại anh Anselm Nguyễn Hải Minh giúp chia sẻ với các bài được anh rút ra từ đề tài "Moses' Journey of Leadership" của Fr. Charles Connroy, MSC. Đây là một bài nghiên cứu về vai trò lãnh đạo của ông Moses trong sách Xuất hành. Tác giả cho biết không ai phủ nhận tài năng lãnh đạo của ông Moses về phương diện con người nhưng ông cũng chỉ ra cho thấy sự yếu đuối và những nghịch cảnh khiến ông Moses nhiều lần muốn thoái thác sứ vụ lãnh đạo Dân mà Chúa đã trao phó. Qua bài chia sẻ này, anh Hải Minh mong muốn anh em hãy học tấm gương của ông Moses để trước hết đọc lại cuộc đời mình dù biết rằng thân phận con người là yếu đuối và khả năng có giới hạn nhưng khi biết cộng tác với Thiên Chúa, chính Người sẽ làm cho những giới hạn đó trở thành những sức mạnh vượt ngoài mong ước của con người.

Anh em đã kết thúc tuần tĩnh tâm trong bình an và thánh thiện vào 4 giờ chiều ngày thứ sáu 13/3 bằng giờ chầu thánh thể tạ ơn.

Cuộc họp của Văn Phòng Huấn luyện và Học vấn

Văn phòng Thư ký Huấn luyện & Học vấn Tỉnh Dòng đã tổ chức phiên họp khoáng đại định kỳ về huấn luyện và học vấn của Tỉnh dòng vào **7h30 sáng, thứ bảy, ngày 28 tháng 2 năm 2015**, tại Nhà Tĩnh Tâm Đamianô, Cộng đoàn Phanxicô Thủ Đức, 42 Đình Phong Phú, P. Tăng Nhơn Phú B, Q. 9, Tp. Hồ Chí Minh. Đến tham dự có 20 anh em, gồm có anh Giám tỉnh Inhaxiô Nguyễn Duy Lam, anh Giuse Vũ Liên Minh, Thư ký Huấn luyện và Học vấn (chủ tọa buổi họp), các anh em làm công tác huấn luyện tại các giai đoạn huấn luyện, các anh làm công tác điều hành và nhân viên của Học viện Phanxicô và Thư viện.

Nội dung đề nghị cho buổi họp:

Phần 1: *Chia sẻ của anh Giám Tỉnh*

Phần 2: *Báo cáo huấn luyện và học vấn học kỳ I niên khoá 2014-2015*

Tìm hiểu, Thỉnh viện, Tập viện, Khấn tạm, Học viện, Tiến chức, Thường huấn, Du học, Thư viện. (dựa vào bản báo cáo mà các anh hữu trách đã gửi cho Văn Phòng Thư ký Huấn luyện và Học vấn vào cuối năm 2014)

Phần 3: *Báo cáo công việc của hai tổ chuyên môn*

Phần 4: *Đào tạo nhân sự cho Tỉnh dòng: du học, tu học (anh em khấn tạm được gửi đi thụ huấn tại các tỉnh dòng khác), tu nghiệp, hướng nghiệp.*

Anh em đã chia sẻ, thảo luận trong tinh thần cởi mở, chân thành lượng giá và tìm ra những cách thức phù hợp nhằm giúp cho công tác huấn luyện và học vấn của Tỉnh Dòng ngày càng có chất lượng hơn. Buổi họp đã kết thúc vào buổi chiều cùng ngày.

BẢN TIN HỘI DÒNG

Khóa Hội Thảo Đại Kết Tại Viên - Áo

Ủy Ban Đối Thoại Đại Kết của Dòng đã hoàn thành hoạt động cổ võ cuối cùng cho khóa họp. Khóa họp này kéo dài từ ngày 16-21/02, với cuộc hội thảo về Đối Thoại Đại Kết tại Học Viện Nghiên Cứu Đại Kết (ISE), bên cộng đoàn San Francesco della Vigna ở thủ đô Viên (Áo). Chủ đề được lựa chọn cho khóa hội thảo này: "Chủ Nghĩa Đại Kết trong viễn tưởng đối thoại liên tôn". Các thành phần tham dự gồm các thành viên của Ủy Ban, một số

sinh viên và giáo viên trường ISE.

Đại diện Ban Đối Thoại của Hội đồng Giám mục Ý và Học Viện Thần Học Verona cũng

được mời tham dự. Chúng tôi rất vui có sự hiện diện anh Silves tro Bejan OFM Conv. Chúng tôi ân cần đón tiếp các cộng đoàn địa phương, anh Stefano Cavalli OFM, Trưởng khoa của viện ISE (là một phần của phân khoa Thần học tại trường PUA) và anh Antonio Swapping OFM, Giám tỉnh Tỉnh dòng Venice.

Chủ đề được chọn có ý nghĩa nhấn mạnh đến nhu cầu cho việc đối thoại giữa những cộng đoàn Kitô giáo của chúng ta với các tôn giáo và các nền văn hóa khác để tạo nên sự khả tín hơn. Đối với chúng ta không thể có đối thoại liên tôn nếu không có đối thoại các anh em Kitô giáo với nhau. Qua những báo cáo và những suy tư trong suốt khóa hội thảo, chúng tôi đã được đào sâu sự hiểu biết về sự đa dạng và phong phú của các Giáo hội Đông phương và những Giáo hội xuất phát từ phong trào cải cách của Martin Luther.

Chúng tôi, những anh em trong Ủy Ban này bắt đầu chia sẻ những kinh nghiệm trong lãnh vực đối thoại theo sự hiểu biết của chúng tôi và sự dấn thân cá nhân. Sau đó, một trong những thuyết trình viên, Ricardo Burigina ISE, đã trình bày cho chúng tôi một viễn cảnh về sự hiện diện của các giáo hội khác nhau và một thực tế đại kết tại nước Ý. Một tu sĩ của cộng đoàn đại kết Bose đã đưa cho chúng những nhân chứng cá nhân và trình bày cho chúng tôi về lối sống, linh đạo, những hoạt động của cộng đoàn anh, mà nó tạo nên những tu sĩ đến từ những giáo phái Kitô giáo khác nhau. Vào buổi tối anh cổ võ đọc kinh chiều theo lối đại kết của cộng đoàn Bose.

Ngày tiếp theo, anh Russel Murray OFM, một thành viên của Ủy Ban và cũng là sinh viên tại ISE trình bày cho chúng tôi lịch sử về chủ nghĩa đại kết trong các giáo hội Tin Lành ở Mỹ. Sau đó nhóm sinh viên của ISE chia sẻ kinh nghiệm chứng tá của họ về việc làm như thế nào họ sống đối thoại thật sự giữa các giáo hội trong thực tế của họ. Chúng tôi cũng đã nhận thêm sự hiểu biết phong phú từ những báo cáo của anh Roberto Giraldo OFM và giáo sư Burigana liên hệ đến thực trạng của các Giáo hội Tin Lành và Đông Phương và những khả năng đối thoại đại kết hướng đến sự hiệp nhất Kitô giáo.

Ông John Asimakis, giáo sư của Giáo hội Công giáo Ai cập trình bày cho chúng tôi thực trạng tương quan giữa giáo hội Chính thống và Công giáo Ai Cập. Ba nhà diễn thuyết này giúp chúng tôi hiểu hơn cuộc hành trình để tìm kiếm việc đối thoại đại kết hàng ngày. Sự phong phú được tìm thấy trong sự đa dạng và nhiều thách thức khó khăn (là một phần sự liên tục) hành trình hướng đến hiệp nhất Kitô giáo. Anh Ruben Tierrablanca, OFM của cộng đoàn Istanbun, đã nói về chủ đề đối thoại đại kết và đối thoại liên tôn trong sự so sánh đã diễn tả nhu cầu sự hỗ tương liên tục giữa hai khía cạnh này với nhau, mà không bác bỏ tầm quan trọng nền tảng trong khía cạnh văn hóa.

Hơn nữa, với sự ủng hộ của các tu sĩ cộng đoàn Bose, trong giờ cầu nguyện kinh chiều, hai anh Pascal Robert OFM (Pakistan) và anh Silvester Shim OFM (Korea) đã giúp chúng tôi cầu nguyện cách phong phú hơn theo tinh thần của Phật giáo và Hồi giáo. Điều này thật đáng trân trọng! Chúng tôi có cơ hội trải nghiệm kinh nghiệm thần bí về Thiên Chúa thông qua các niềm tin khác ngoài Kitô giáo.

Sắc lệnh của Công đồng Vatican II, "Nostra Aetate" về những tôn giáo ngoài kitô giáo và "Unitatis redintegratio" về hiệp nhất Kitô giáo là ánh sáng trên con đường và chứng tỏ sự hợp thời của chúng ta hơn bao giờ hết: tất cả các dân tộc đều thuộc một cộng đoàn (Nostra Aetate, 1). Và lặp lại "chúng ta không thể nào gọi Thiên Chúa là Cha của tất cả mọi người, nếu chúng ta không có thái độ làm người anh chị em, đối với một số người nào đó cũng được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa". Mối tương quan loài người với Thiên Chúa là cha và mọi người trong mối tương quan con người là anh chị em với nhau được liên kết đến nỗi Kinh thánh nói "Ai không yêu thương, thì không biết Thiên Chúa" (1Ga4, 8).

Một thực tế khắc nghiệt của thế giới ngày hôm nay không giúp chúng ta suy gẫm một cách bình tĩnh về đối thoại, đặc biệt về đối thoại liên tôn. Không may cuộc tấn công "Charlie Hebdo" tại Paris vào ngày 7/01 và tại Copenhagen (Denmark) vào ngày 14/02, chiến tranh tại Syria, Iraq và Uraina, và những hành động khủng bố khác dường như trái ngược với sự cố gắng đối với thiện ý đối thoại. Đối với chúng tôi, những người Anh Em Hèn Mọn, thử thách là quá lớn … một số anh em đang ở trong tâm điểm của xung đột (Syria, Iraq, Ai Cập, Lybia, Uraina…).

Trong Năm Đời Sống Thánh Hiến này, điều gì có ý nghĩa là bổn phận trong sự đáp trả tinh thần Phan sinh và Phúc âm hóa với những thách thức thế giới của chúng ta? "Chúng ta là những người con của thánh

Phanxicô sống Tinh Thần Assisi có một sứ mạng là "khí cụ bình an", là người tôi tớ hèn mọn của Tin Mừng, khám phá ra nhiều quà tặng của Thiên Chúa ở bất cứ nơi đâu trên thế giới và ở giữa tất cả mọi người. ("The dialogue of believers," vol. III, p.17).

Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong Tông huấn Niềm vui Tin Mừng đã nhắc đến việc đối thoại liên tôn và đại kết. Những sự kiện hiện nay chứng tỏ cho thấy nhu cầu và tính cấp bách về một cuộc đối thoại như thế. Đức Giáo hoàng công bố "đối thoại liên tôn là điều kiện cần thiết cho hòa bình trên thế giới", […] do đó những cố gắng này có thể diễn tả tình yêu đối với chân lý"(EG 250)

Như những khí cụ bình an và chứng nhân hy vọng, chúng ta tin chắc rằng chúng ta cần tiếp tục cố gắng sống, cầu nguyện một các sốt sắng với lời của thánh Phanxicô: "khi chúng con tha thứ không trọn vẹn, Xin Chúa giúp chúng con tha thứ trọn vẹn để vì Cha, chúng con có thể thực lòng yêu mến kẻ thù và sốt sắng cầu bầu cùng Cha cho họ, không hề lấy ác báo ác nhưng trong mọi sự cố giúp đỡ họ trong Cha" (Kinh Lạy Cha quảng diễn).

Các Tổng Thư ký Huấn Luyện Và Học Vấn

Vào sáng 26/03/2015, đã có một buổi họp mặt giữa Các Tổng Thư Ký Huấn Luyện Và Học Vấn của Dòng Nhất Phan sinh (bao gồm: OFM, OFMconv. và OFMcap.) tại Trung Ương OFM tại Rôma.

Cuộc họp này đã có sự tham dự các Tổng thư ký Huấn luyện và Học vấn của các nhánh. Nhánh OFMconv. có anh Roberto Carboni và anh Renzo Degni; nhánh OFMcap. có anh Charles Aphonse và anh Jaime Rey; nhánh OFM có anh Vidal Rodríguez và anh Sergiusz Baldyga.

Mục tiêu của cuộc gặp này là tiếp tục thắt chặt sự cộng tác giữa các nhánh thuộc Gia Đình Phan Sinh, đặc biệt là trong lãnh vực học vấn. Một cuộc thảo luận đã vạch ra những chiến lược hợp tác nhằm đẩy mạnh sự cộng tác tại các Học viện Phan Sinh của chúng ta.

Họp Hội Đồng Dòng Tháng 03/2015

Hội đồng dòng đã họp từ ngày 09-19/03/2015 trong một cuộc họp cuối cùng trước khi Tổng Tu Nghị diễn ra. Sau khi chia sẻ với nhau như thường lệ về các hoạt động từ cuộc họp trước, ban cố vấn đã nhận được báo cáo thường niên liên quan đến tất cả mối tương quan của Hội dòng với Tòa Thánh.

Với sự giúp đỡ của anh William Short và anh Sergiusz Bałdyga, Hội đồng dòng đã xem lại tiến trình chuẩn bị cho Tổng Tu Nghị. Một số công việc sắp xếp liên quan đến công tác hậu cần và kỹ thuật không quan trọng đã được cập nhật và thông tin được chia sẻ cho các thành viên tham dự.

Tình hình kinh tế của nhà Trung Ương được xem lại với sự trợ giúp của anh Pasquale del Pezzo, Tổng đại diện về các vấn đề kinh tế, anh Augusto Micangeli đại diện luật pháp và anh Silvio De La Fuente, Phụ tá tổng quản lý. Các vấn đề về hình thức và nội dung của báo cáo sẽ được trình bày tại Tổng Tu nghị đã được thảo luận và quyết định.

Trong suốt hai tuần họp, tổng cộng đã có 49 tài liệu được gửi đến từ khắp nơi trên thế giới đã được Hội đồng dòng xem xét và thảo luận. Nội dung của những tài liệu này được xếp loại từ sự chuẩn nhận và chọn lựa trong những tu nghị ngoại thường cho đến các vấn đề về giải lời khấn, và các vấn đề được nhận lại vào Dòng cho đến thiết lập nhà tập.

Vì nhiều Tỉnh dòng đã hoãn lại tu nghị mà đã dự kiến diễn ra trong năm 2015 theo nghị quyết của Tổng tu nghị 2009 (Nghị quyết 49), nên một số khá lớn Tổng Kinh lý đã được lựa chọn trong cuộc họp lần này. Danh sách bao gồm những anh:

• Anh Samuel Cegłowski, thuộc Tỉnh dòng thánh Hedwig, Hà Lan, đã được chọn làm Kinh lý cho Tỉnh dòng Tổng Lãnh Thiên Thần Micae, Ukraina.

• Anh Dominik Daniel Vale, thuộc Tỉnh dòng thánh Wenceslaus, Cộng Hòa Czech đã được chọn làm Kinh lý cho

tỉnh dòng Đấng Cứu Thế Chí Thánh, Slovakia.

• Anh Witosław Sztyk, thuộc Tỉnh dòng Đức Mẹ lên trời, Hà Lan đã được chọn làm Kinh lý cho tỉnh dòng thánh Phaxicô Assisi, Hà Lan

• Anh Marko Mrše, thuộc Tỉnh dòng Đấng Cứu Chuộc Chí Thánh, Croatia, đã được chọn làm Kinh lý cho Tỉnh dòng Thánh Giá, Slovenia.

• Anh Joxé María Arregi, thuộc Tỉnh dòng Arantzazu, Tây Ban Nha, đã được chọn làm Kinh lý cho Tỉnh dòng Santiago de Compostela, Tây ban Nha

• Anh German Fáutino Tax Bulux, thuộc Tỉnh dòng Đức Mẹ Guadalupe, Trung Mỹ Panama và Haiti, đã được chọn làm Kinh lý cho Tỉnh dòng Felipe de Jesus, Mexicô

• Anh Gergely Magyar, thuộc Tỉnh dòng Magna Domina Hungarorum, Hungary, đã được chọn làm Kinh lý cho Tỉnh dòng thánh Stêphanô Vua, ở Transylvania, Romania.

• Anh Rafael Colomer Barber, thuộc Tỉnh dòng Đức Mẹ Vô Nhiễm, Tây Nam Nha, đã được chọ làm Kinh lý cho tỉnh dòng Đức mẹ Lên trời, Argentina.

Hội đồng Dòng cũng đã xem xét và chuẩn nhận một số Nội Quy riêng. Chúng bao gồm

• Nội quy riêng của Tỉnh dòng Đức Mẹ Guadalupe, Trung mỹ, Panama và Haiti

• Nội quy riêng của Tỉnh dòng Thánh Phanxicô và Giacôbê, Mexicô.

• Nội quy riêng của Tỉnh dòng Thánh Gioan Baotixita, MỸ.

• Nội quy riêng của Tỉnh dòng các Thánh Tử đạo hàn Quốc, Hàn quốc.

• Quy Tắc tạm thời cho tu nghị thống nhất 6 Tỉnh dòng Bắc Ý.

• Quy tắc tạm thời cho Tỉnh dòng Đức Bà Các Thiên Thần, mới được thành lập, Cộng Hòa Dân chủ Congo.

Một số báo cáo liên quan đến các Tổng Kinh lý đã được trình bày và thảo luận. Gồm có:

• Báo cáo Kinh lý của anh Grégoire Kateta Bowa về Điểm Notre Dame d'Afrique, Cộng Hòa Congô

• Báo cáo Kinh lý của anh Notre Dame d'Afrique về Hạt dòng Thánh Clara, Mozambique

• Báo cáo Kinh lý của anh Andrew Brophy về Tỉnh dòng Các thánh tử Đạo Hàn quốc, Hàn quốc.

• Cáo cáo Kinh lý của anh Kajetan Kowalski về Tỉnh dòng Đức Mẹ lên trời, Hà Lan.

Trong khi họp Hội đồng dòng, Hội đồng đã gặp anh John O'Connor và Mario Di Cicco và chỉ định các anh làm Phụ tá Tổng Phục vụ với trách nhiệm gây quy cho Hội dòng. Họ chia sẻ một vài kinh nghiệm và những kế hoạch cho tương lai. Hội đồng dòng cũng đã gặp anh Gilles Bourdeau, Tổng Kinh lý nhà Trung Ương dòng. Tất cả những người hiện diện đều có dịp để chia sẻ với các Kinh lý tầm nhìn của họ về tình huynh đệ và cơ cấu của Nhà Trung ương.

Một số những báo cáo ngắn đã được nhận từ ủy ban đối ngoại và đối nội của Dòng. Những báo cáo này liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau, từ chức năng của đại học PUA, cho tới sự hiện diện của anh em ở Thổ Nhĩ Kỹ. Cuối cùng Hội đồng Dòng vui mừng và đặc quyền biểu quyết chấp nhận một anh em khấn trọn và 2 em khấn lại tại Điểm Myanmar, và chấp thuận một anh được tiến chức linh mục thuộc Điểm ở Liên Xô và Kazakhstan.

Sẽ không có họp Hội đồng Dòng trước Tổng Tu nghị nữa, một cuộc họp sắp tới dự định vào 05/05 để giải quyết các vấn đề còn tồn tại là cấp thiết cần phải đệ trình trong Tổng Tu nghị.

Tôi mong ước tất cả những ai đồng hành với những kênh truyền thông này suốt sáu năm qua được những ơn lành từ Chúa Phục Sinh mãi mãi!

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Aidan McGrath, OFM

Bài Phỏng Vấn Anh William Short, Thư Ký Của Tổng Tu Nghị 2015

Fraternitas: Điều gì sẽ xảy ra tại Tổng Tu Nghị?

Anh William: Đây là một câu hỏi hay, đặc biệt khi có nhiều anh em trẻ chưa bao giờ có trải nghiệm về việc tham gia trong Tổng Tu nghị. Tổng Tu nghị sẽ kéo dài một tháng (từ ngày 10/5 đến ngày 7/6) và mỗi tuần đều chương trình riêng, cụ thể.

Fraternitas: Anh có thể cho ví dụ?

Anh William: Tuần thứ nhất là việc lắng nghe các báo cáo của Tổng Phục vụ và các Văn

phòng tại Trung ương. Cùng thời gian này các nghị viên được tạo điều kiện để có thể trao đổi trong những nhóm ngôn ngữ khác nhau và để biết tên các ứng cử viên cho các văn phòng khác nhau.

Fraternitas: Có bao nhiêu nhóm ngôn ngữ được sử dụng ở đây?

Anh William: Thường do sự lựa chọn của chính anh em nghị viên. Nhưng chúng ta cũng cố gắng có một hoặc hai nhóm cho tiếng Ý, Tây Ban Nha, Tiếng Anh và những nhóm ngôn ngữ riêng lẻ như Tiếng pháp, Bồ Đào Nha, Phần lan, Croatia, và có lẽ một số ngôn ngữ khác nữa.

Fraternitas: Điều gì sẽ diễn ra trong tuần thứ hai?

Anh William: Tuần thứ hai sẽ thảo luận về tài liệu *Instrumentum Laboris*, một tài liệu đã được chuẩn bị từ những đề xuất mà được đệ trình bởi những anh em trong toàn Dòng. Chúng ta cũng sẽ có những phiếu bầu thăm dò và bầu chọn cho các văn phòng khác nhau.

Fraternitas: Khi nào việc bầu Tổng Phục vụ sẽ diễn ra?

Anh William: Theo chương trình hiện tại, việc bầu Tổng Phục vụ sẽ diễn ra vào sáng thứ Năm ngày 21/5. Sau đó sẽ bầu Phó Tổng phục vụ vào thứ Sáu và bầu Ban Tổng Cố vấn vào thứ Bảy. Trong chương trình này chúng ta sẽ cử hành lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống cùng với Ban Điều Hành mới của Dòng ở Porziuncula.

Fraternitas: Sau phần bầu cử, chúng ta sẽ làm gì tiếp?

Anh William: Chúng ta vẫn phải có sự kiên nhẫn và đòi hỏi của công việc là phê chuẩn Hiến pháp của Dòng (ví dụ sự thay đổi Nội quy Dòng), chấp nhận hoặc từ chối những đề nghị từ các anh em và các thực thể trước Tổng Tu nghị và cho biết kế hoạch làm việc trong sáu năm tới.

Fraternitas: Có những khoảng khắc cầu nguyện trong suốt Tu nghị?

Anh William: Tất nhiên rồi! Chúng ta có thánh lễ chung ở Vương Cung Thánh Đường Porziuncula cho những sự kiện quan trọng chẳng hạn như buổi khai mạc, kết thúc Tổng Tu nghị và Chúa Nhật lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống. Trong ngày thường các nhóm ngôn ngữ khác nhau sẽ cầu nguyện với nhau và sẽ theo phiên cử hành thánh lễ tại nhà nguyện Porziuncula. Một số buổi cầu nguyện đã được xếp lịch tại tại Nhà Nguyện Damianô, Santa Chiara, và Vương Cung Thánh Đường Thánh Phanxicô.

Fraternitas: Có những thời gian huynh đệ với nhau chứ?

Anh William: Điều đó chưa bao giờ bị bỏ sót trong những Tổng Tu nghị. Những nhóm quốc gia hay những nhóm cùng hệ ngôn ngữ sẽ tổ chức những sự kiện âm nhạc vào buổi tối huynh đệ. Chúng ta cũng lên kế hoạch cho một buổi hòa nhạc sôi động do các ca sĩ, nhạc sĩ Phan sinh biểu diễn. Sau chúng ta sẽ có những cơ hội đi du ngoạn một số nơi như La Verna, Greccio.

Fraternitas: Các anh em nghị viên được Đức Giáo Hoàng Phanxicô công nhận chứ?

Anh William: Chúng ta rất vui khi Đức Giáo Hoàng ban cho chúng ta một buổi yết kiến vào tuần thứ ba của Tu nghị. Bấy giờ chúng ta phải tổ chức thuê xe chở đi ăn trưa cho khoảng 150 vị khách nữa!

Fraternitas: Chúng ta ước mong các thành viên trong Ban thư ký được mọi sự tốt đẹp nhất trong công việc nặng nhọc này!

Anh William: Cám ơn nhiều! Và tôi cũng cầu mong anh em cầu nguyện cho kết quả thành công của Tổng Tu nghị.

Cuộc Họp Văn Phòng Của Hội Dòng Cho Việc Phát Triển Và Gây Quỹ

Một cuộc họp được tổ chức tại Trung Ương Dòng - Rôma vào ngày 10/03/2015, giữa những người có trách nhiệm trong Văn phòng Thư Ký Phúc Âm hóa và Truyền giáo và Văn phòng Huấn Luyện và Học Vấn với các anh hỗ trợ điều hành của Tổng Phục vụ cho việc phát triển và gây quỹ, là anh John O'Connor và anh Mario Dicicco, OFM, đến từ Hoa Kỳ.

Mục đích của cuộc họp này là: một là để hiểu biết trực tiếp về những dự án nghiên cứu và truyền giáo của Gia đình Phan Sinh mà về phương diện tài chính được tổ chức thông qua các ban này; hai là để hiểu biết những thực tế của các đề xuất và đánh giá tiến trình những dự án bình thường và ngoại thường, đặc biệt giám sát việc thực hiện, nhằm mục đích phối hợp những bước khởi đầu về việc gây quỹ trong những tổ chức từ thiện khác có thể giúp đỡ chúng ta.

Huấn luyện Tập Viện

Anh Carlo Roberto ofm, giám sư Nhà Tập đã mời anh Vidal Rodriguez ofm (Tổng Thư Ký Huấn Luyện Và Học Vấn) thăm Nhà Tập liên tỉnh dòng COMPI SUD tại tu viện Thánh Maria Occorrevole ở Piedimonte Matese, Tỉnh dòng Caserta (Ý) vào ngày 23-24/03/2015.

Cộng đoàn El có nguồn gốc từ cuộc cải cách Phan Sinh Alcantarine, hiện nay là tập viện của bảy thực thể thuộc miền nam nước Ý: Tỉnh dòng Tổng Lãnh Thiên Thần Micae (Foggia), Bảy Thánh Tử Đạo (Catanzaro), Đức Mẹ Lên Trời (Lecce), Thánh Tâm Chúa Giêsu (Naples), Đức Mẹ Vô Nhiễm (Baronisi), Santa Maria delle Grazie (Benevento) và Thánh Danh Chúa Giêsu (Palermo)

Ngày đầu tiên, thứ Hai ngày 23 tập trung vào cuộc họp với cộng đoàn huấn luyện, làm nên nhóm huấn luyện của cộng đoàn. Có một cuộc thảo luận mở rộng và thẳn thắn liên hệ đến một số khó khăn phải đối mặt của ngày hôm nay trong việc huấn luyện khởi đầu. Chẳng hạn như huấn luyện các giám sư, đồng hành Phan Sinh, thường huấn, nhóm huấn luyện đối với các giám sư, phân định, việc chuẩn bị, chương trình và việc đánh giá chương trình huấn luyện, sự khẩn thiết cổ võ một nền văn hóa ơn gọi giữa các anh em và các cộng đoàn.

Điều này dẫn đến một cuộc nói chuyện về những khía cạnh rõ ràng và cụ thể của một cộng đoàn với sứ mạng rõ ràng là Nhà Tập Liên Tỉnh Dòng. Điều này yêu cầu sự quan tâm lớn hơn tới khía cạnh huynh đệ để đáp trả công khai cho sứ mạng huấn luyện như đã được vạch ra trong buổi họp của các giám tỉnh.

Ngày hôm sau, thứ Ba ngày 24 dành cho nhà tập và tập trung vào những vấn đề hướng dẫn huấn luyện và ơn gọi. Bắt đầu với biểu tưởng các môn đề trên đường Emmaus và biểu tưởng Phan sinh trong lá thư của thánh Phanxicô gửi cho anh Lêô, anh Vidal đã trình bày một số các nhân tố chính trong chủ đề đồng hành Phan Sinh liện hệ tới những điều đã đề cập trong tài liệu *Quy chế huấn luyện Phan Sinh* (Ratio formationis Franciscana). Đã có cơ hội để làm rõ những khái niệm, chia sẻ kinh nghiệm đồng hành, khuyến khích tránh xa những sự đối lập trong huấn luyện, mở rộng những khả năng mới nhằm mục đích bước đi trong quá trình đồng hành như là những người trưởng thành.

Những tập sinh đã được khuyến khích sẵn sàng bước đi gần Thiên Chúa hơn, trong cách thế của Thánh Phanxicô, một giai đoạn quan trọng trong nhà tập. Họ được nhắc nhở rằng đồng hành là một phương tiện phát triển ơn gọi được đề nghị như là một nguồn để giúp đỡ chúng ta luôn luôn bước theo giá trị Tin Mừng lớn hơn trong mỗi giai đoạn của huấn luyện, khởi đầu, thường huấn và thích nghi với chu kỳ cuộc sống.

Cùng thời điểm này, các Linh hoạt viên của ban mục vụ ơn gọi của Tỉnh dòng Bẩy thánh Tử Đạo Calabria viếng thăm nhà tập cùng với một số anh em trẻ mà đang được đồng hành trong việc biện phân ơn gọi của họ.

Chuyến viếng thăm kết thúc với một cử hành trọng thể lễ Truyền Tin, nhờ Đức Mẹ Maria Đồng Trinh Mẹ của Giáo hội, đồng hành với chúng ta trên con đường ơn gọi đi theo sát hơn bước chân Con Yêu Dấu Mẹ, mà chúng ta đang chuẩn bị cử hành Mầu Nhiệm Lễ Phục Sinh của Ngài.

Tin Nhà

TIN CỘNG ĐOÀN XUÂN SƠN

Người đưa tin: ***Trâng Ngọc Niên***

Anh em cộng đoàn Xuân Sơn xin mượn lời của thánh Phaolô gởi chào quý anh chị em trong đại gia đình Phan sinh và kính chúc quý anh chị em tràn đầy sức sống của Chúa Ki-tô phục sinh. Sau đây, anh em cộng đoàn Xuân Sơn xin chia sẻ với quý anh chị em hai chuyện:

Chuyện cộng đoàn

Trước Tết Nguyên đán một tháng, anh em bàn tính với nhau về chuyện sơn sửa nhà cửa cho sạch sẽ để mừng Năm Mới. Và sau một tháng tu sửa gấp rút, nhà cửa trở nên mới mẻ. Anh em đón tết vui vẻ. Mồng Một Tết, anh em tổ chức ăn cơm trưa gia đình, mừng tuổi nhau, có anh Chúc từ cộng đoàn Vĩnh Phước cùng chung vui với cộng đoàn nhân dịp anh đi nghỉ Tết. Sau bữa cơm gia đình, anh Thể về quê vui tết với gia đình ở Buôn Mê Thuột. Sang ngày Mồng Hai Tết, anh Phụ trách cùng với anh Chúc về quê ở Mỹ Tho thăm bà con ba ngày, còn anh Hai (thầy Noel) và em út thì ở nhà. Anh Hai cũng tranh thủ đi thăm bà con ở Sơn Bình và Bình Giã nhưng không ở lại với gia đình, vì anh Hai nói: "Ở đâu cũng không bằng ở cộng đoàn". Những ngày Tết qua nhanh, anh em trở lại cộng đoàn, bắt đầu thu hoạch vụ tiêu đang chín đỏ, chờ người hái. Anh em nhờ Huynh đệ đoàn Phan sinh tại thế Xuân Sơn và Bình Giã hái giúp vài ngày. Còn lại, anh em thuê người hái. Thật ra, tiêu không dồi dào nhưng cũng có thu hoạch với bà con và tăng thêm nhu nhập cho cộng đoàn. Sau khi thu hoạch, anh em lại lo chăm bón cho cây tiêu để cho vụ mùa năm tới. Ở cộng đoàn vườn, thì tay lắm, chân bẩn là chuyện bình thường diễn ra ở huyện. Điều này cũng giúp anh em tránh được ở nhưng. Ai cũng có việc để làm. Anh phụ trách thì chuyên nuôi gà, ngỗng. Anh Hai thì chuyên quét nhà, tưới cây kiểng, nấu cơm, dọn bàn. Hai anh trẻ thì chuyên làm vườn. Nhịp sống cộng đoàn êm trôi, êm trôi cùng với các giờ kinh, thánh lễ, suy gẫm, tĩnh tâm, ăn chung. Đời sống huynh đệ chan hòa, vui tươi. Mặc dù, cộng đoàn ít người, mỗi người lo nhiều việc nhưng sẵn sàng giúp đỡ nhau, người này đi vắng thì có người khác đảm nhận công việc liền.

Chuyện mục vụ

Ngoài việc dâng lễ tại cộng đoàn, Đan viện Clara, hai anh linh mục còn dâng lễ tại dòng Mến Thánh Giá Bà Rịa vào mỗi sáng Chúa nhật, còn đảm nhận trách vụ Trợ úy cho các Huynh đệ đoàn Phan sinh tại thế, Giới trẻ Phan sinh và dạy học. Rồi, thỉnh thoảng, cha xứ Sơn Hòa, Suối Rao cũng nhờ hai anh linh mục dâng lễ khi các ngài đi vắng. Đặc biệt vào dịp mùa Chay, hai anh linh mục còn được các cha xứ nhờ đi giải tội các giáo xứ trong Hạt Bình Giã liên miên. Riêng Tam Nhật Thánh, hai anh linh mục chia phiên dâng lễ ở cộng đoàn và ở Đan viện Clara.

Có thể nói đời sống cộng đoàn vườn là thế đó, anh em nỗ lực hiện diện trong sự khiêm tốn và hèn mọn. Đây phải chăng là niềm mơ ước của nhiều anh em trong Tỉnh dòng?

TRANG THƯỜNG HUẤN

TRIẾT LÝ CỦA CON KIẾN

Những con vật cũng có thể cho chúng ta, là những con người, một số những bài học quý báu. Có những tác giả đã rút ra cho độc giả những bài học đó, chẳng hạn triết gia Hy Lạp Esope hay nhà thờ ngụ ngôn Jean de La Fontaine của Pháp.

Ông Jim Rohn (1930-2009), một diễn giả và triết gia Mỹ, thì chia sẻ về con kiến: Qua nhiều năm tháng, ông đã dạy cho trẻ em một khái niệm đơn giản, nhưng hệ trọng, đó là triết lý của con kiến. Ông cho rằng mỗi người phải học với các con kiến.

Các con kiến có một triết lý bốn điểm, và đây là điểm thứ nhất: con kiến không bao giờ bỏ cuộc. Nếu chúng đã nhắm đi đến một chỗ nào, mà bạn lại tìm cách chặn chúng lại, chúng sẽ tìm một lối đi khác. Chúng sẽ leo lên trên, chúng sẽ chui luồn phía dưới, hoặc chúng leo quanh. Chúng dứt khoát phải tìm ra một con đường khác. Đây là một bài học tốt: không bao giờ bỏ cuộc, nhưng nhất quyết tìm một lối đi khác để đến được nơi bạn phải đến.

Điểm thứ hai, suốt mùa hè con kiến nghĩ về mùa đông. Đây là một tầm nhìn quan trọng. Bạn không thể ngây thơ mà nghĩ rằng mùa hè sẽ kéo dài mãi. Do đó, con kiến lo thu tích lương thực cho mùa đông khi đang sống giữa mùa hè.

Một lời xưa khuyên: "Đừng xây nhà bạn trên cát vào mùa hè". Tại sao chúng ta cần lời khuyên này? Bởi vì điều rất quan trọng là phải thực tế. Trong mùa hè, bạn đã phải nghĩ đến bão tố. Bạn đã phải nghĩ đến các tảng đá trong khi bạn còn đang hưởng thú vui nằm trên bãi cát mà sưởi nắng. Hãy nghĩ tới trước.

Điểm thứ ba, đó là suốt mùa đông, con kiến nghĩ đến mùa hè. Điều này cũng thật quan trọng. Trong mùa đông, con kiến tự nhủ: "Chuyện này không kéo dài đâu, rồi mình sẽ thoát ra thôi". Và khi vừa bắt đầu ngày ấm áp đầu tiên, kiến đã chui ra ngoài. Nếu trời lại trở lạnh, kiến chui vào trong sâu ngay, nhưng rồi lại ra ngoài khi vừa bắt đầu ngày nắng đầu tiên. Chúng không lần lữa.

Và đây là điểm thứ tư trong triết lý của con kiến. Con kiến tích lũy như thế nào trong mùa hè để chuẩn bị vào mùa đông? Chúng tích lũy tối đa. Đây là một triết lý không tin nổi, triết lý về "tất-cả-những-gì-bạn-có-thể-làm".

Đừng bao giờ bỏ cuộc, nhìn tới trước, sống năng động và làm tất cả những gì bạn có thể làm.

Ban Thường Huấn

Lời giới thiệu: *Trang Thường Huấn tiếp tục gởi đến quý Độc Giả chương IV trong tác phẩm Hành Trình Tự Do của cha James E. Sullivan, dịch giả* ***Nguyễn Ngọc Kính****, OFM, tr. 140-200.*

HỆ THỐNG NHẬN THỨC

(tiếp theo)

Các loại lăng kính khác nhau

Do đó, tôi có ba loại lăng kính khác nhau, hay ba loại nhận thức khác nhau. Thứ nhất là những lăng kính bất biến. Đó là những lăng kính rất khó loại bỏ, vì những lăng kính ấy đã ăn sâu vào nhân cách tôi. Chẳng hạn như *những thái độ, lý tưởng* (thực tế hay viển vông), *thành kiến*, và *những xác tín thâm sâu.*

Những nhận thức phát sinh từ những lăng kính ấy thì rất khó thay đổi. Chúng thường bắt nguồn từ những kinh nghiệm trong thời thơ ấu của tôi, và được hình thành bởi những sang chấn nghiêm trọng, là những tổn thương tâm lý đóng ấn sâu đậm trong ý thức của tôi. Loại nhận thức này bao gồm các ý kiến, lý tưởng, kỳ vọng và thành kiến mà tôi nghiệm thấy nơi cha mẹ, hay những người đặc biệt có ý nghĩa đối với tôi. Với thời gian, tôi sáp nhập hay nội nhập[1] những người ấy vào trong tôi, cùng với những lăng kính bất biến của họ. Hậu quả là những lăng kính của họ hầu như đã trở thành một yếu tố thường hằng của tôi. Thay đổi những lăng kính ấy cùng với những cảm xúc đi kèm, là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, ngay cả khi tôi biết là chúng lệch lạc và méo mó.

Chị Alice, một nữ tu khoảng 50 tuổi, cảm thấy rất xấu hổ vì thành kiến của mình đối với người da đen. Về mặt tri thức, chị thấy thành kiến là một thái độ trái nghịch với tinh thần Kitô Giáo, và là một điều bất công đối với toàn thể những người da đen. Chị muốn loại bỏ thành kiến ấy ra khỏi con người của mình. Thế nhưng, mỗi khi chị gặp người da đen trên phố, thì chị lại cảm thấy khó chịu vì sợ hãi. Và nếu người da đen có bất cứ hành động nào có vẻ đe dọa, thì chị toát mồ hôi lạnh vì hoảng hốt.

Lăng kính bất biến của chị bắt nguồn từ thời chị còn là một thiếu nữ 12 tuổi, khi một nhóm thiếu nữ da đen hăm dọa đánh cho cô một trận. Trên thực tế thì những cô gái da đen không xúc phạm thân thể cô, nhưng sự hoảng hốt khủng khiếp mà cô cảm nghiệm lúc bấy giờ, đã để lại nơi cô một lăng kính hầu như không sao xóa bỏ được, và qua lăng kính đó mà cô nhìn người da đen như một mối đe dọa.

Được kể vào loại lăng kính bất biến, khi chúng ta có những nhận thức tuy tạm thời, nhưng lại gây ra nhiều đau khổ tinh thần cho chúng ta. Chẳng hạn như chị Rose, một nữ tu trung niên mà mọi người quen biết đều xem chị là một nhà quản lý rất có năng lực và làm việc rất hiệu quả. Chị thành lập một tổ chức nhân đạo trong giáo xứ, nhằm phục vụ bệnh nhân không thể ra khỏi nhà, người nghèo và phiền muộn. Chị hòa nhã với các thiện nguyện viên, huấn luyện họ làm việc một cách nhẹ nhàng mà kiên quyết, chị truyền dạy cho họ lòng kính trọng đối với những người đau khổ và nghèo đói. Mặc dầu nhiệm vụ chính của chị là lo điều hành, chị vẫn dành thời giờ để hiện diện đúng lúc và thể hiện những mối quan tâm nho nhỏ, khiến cho người nghèo đón nhận những món quà của chị như biểu hiện của sự ân cần, chứ không phải là "của bố thí."

Mọi người đều nhận thấy chị Rose là một nhà tổ chức có tài và là một nhà quản trị có năng lực. Thế mà chị lại không nhìn thấy mình như thế, ít nữa là chị đã không nhận thấy cho đến thời gian gần đây. Cảm xúc tự ti của chị bắt nguồn từ lớp học ngữ pháp, khi chị trải qua những kinh nghiệm đau thương với một thầy giáo thiếu kiên nhẫn và khó chịu. Ông đã gọi chị là

[1] Introject: Tiếp nhận thái độ hay ý kiến của người khác mà mình không biết (ND).

kẻ "đần độn," và thường sỉ nhục chị trước mặt các bạn học trong lớp. Vì Rose là một cô bé nhạy cảm, nên kinh nghiệm ấy là một sang chấn đối với cô. Sang chấn ấy đã để lại nơi cô một thứ lăng kính méo mó, khiến cô nhìn thấy mình không có khả năng học hành. Kể từ đó, nhận thức ấy cùng với những cảm xúc khó chịu về bản thân, đã đi theo chị một cách dai dẳng mãi cho đến những năm gần đây, bất chấp những thành tựu rực rỡ chứng tỏ chị là một người có khả năng.

Lăng kính di động

Tôi còn có một loại lăng kính khác, đó là *chuyển cảm* hay *đối chuyển cảm,*[2] và loại lăng kính này có thể được mô tả như lăng kính di động hơn là lăng kính bất biến, hay bán cố định. Có thể nói được rằng, những lăng kính ấy cũng là một phần trong "hành lý" của tôi, nhưng không phải lúc nào chúng cũng bóp méo tầm nhìn của tôi. Chúng không rơi đúng vị trí trước đôi mắt tâm trí tôi, trừ phi và trước khi chúng được kích hoạt bởi cơ chế phóng chiếu.[3]

Tôi xin giải thích: Chuyển cảm là một lăng kính, qua đó tôi nhận thức về sự hiện diện của bạn trong cuộc sống của tôi hiện nay, như thể bạn là một ai đó đã hiện diện trong quá khứ của tôi: cha, mẹ hay con cái. Đó là một lăng kính thuộc tầng vô thức. Tôi không ý thức về sự có mặt của lăng kính đó. Cái lăng kính ấy nằm im lìm bất động, nằm ngoài tâm trí tôi; hay nói cách khác, cái lăng kính ấy không bóp méo tầm nhìn của tôi. Tuy nhiên, khi bạn nắm giữ một chức vụ có quyền trên tôi, hay bạn hành động một cách nào đó tương tự như cha mẹ tôi đã hành động, bấy giờ chức vụ hay hành động của bạn sẽ kích hoạt lăng kính chuyển cảm, và đặt lăng kính ấy ngay trước tâm trí tôi. Khi ấy, tôi nhìn bạn (một cách vô thức) như cha hay mẹ tôi. Tôi đối xử với bạn với những cảm xúc như tôi đã bộc lộ với cha mẹ tôi! Tôi bộc lộ với bạn nhiều kỳ vọng, lo sợ, hy vọng mà trước đây tôi đã bộc lộ với cha mẹ tôi.

Cha Sean, một linh mục khoảng 40 tuổi, đã trải qua một thời thơ ấu với nhiều nỗi sợ hãi. Song thân của cha là những người rất khắt khe, nhất là bà mẹ của cha. Dường như bà không bao giờ hài lòng về những gì cha làm, cho dù cha đã cố gắng hết sức để đáp lại những kỳ vọng của bà. Ở trường, cha phải đạt điểm số cao hơn; ở nhà thì phải giữ gìn phòng ốc ngăn ngắp hơn; và khi được dạy bảo thì phải thi hành mau mắn hơn.

Cha đã chuyển những cảm xúc ấy đến các bề trên trong đời sống thánh hiến. Cha hiểu các gợi ý của bề trên như mệnh lệnh, và hiểu các lời khích lệ như một đòi hỏi phải làm tốt hơn. Hậu quả là cha tái hiện trong cộng đoàn, nhiều cảm xúc tức giận và thất vọng mà cha đã trải qua trong thời thơ ấu.

Khi tôi chuyển cảm một cách tương tự như thế, tôi cũng mang theo những cảm nghĩ về chính mình, như cảm xúc của một đưa bé đối với cha mẹ mình, bất kể đó là những cảm xúc gì. Có thể là tôi cảm thấy bị bạn la mắng, khiển trách, không được bạn lắng nghe, như thể bạn thật sự hành động như vậy. Vì lăng kính chuyển cảm, tôi nhận thấy lời thỉnh cầu của bạn là những đòi hỏi, sự quan tâm của bạn là hành động kiểm tra, và những gợi ý của bạn là lời phê bình và khiển trách.

Đôi khi cơ chế chuyển cảm có tính *tích cực*, bấy giờ tôi mong đợi bạn sẽ yêu thương và chăm sóc tôi, đáp ứng mọi nhu cầu của tôi và bảo vệ tôi, thấy trước những sự thiếu thốn và ước muốn của tôi. Đó là cách tôi tưởng nhớ cha mẹ tôi. *Cha mẹ* tôi đã chăm sóc tôi như thế. Vì tôi xem bạn như cha mẹ tôi, tôi cũng chờ đợi bạn thực hiện những điều mà cha mẹ tôi đã làm cho tôi! Thế nhưng, đó là những cảm xúc viển vông đối với hiện tại. Những cảm xúc ấy thuộc về thời thơ ấu của tôi, chứ không nằm trong mối tương quan hiện nay giữa bạn và tôi. Tôi không biết đó là những cảm xúc phi hiện thực! Và bạn cũng không biết tại sao tôi lại đòi hỏi bạn phải thực hiện những điều lạ lùng như vậy!

Bất kể cơ chế chuyển cảm là một lăng kính tích cực hay tiêu cực, cơ chế ấy vẫn làm cho tôi mang theo những cảm

[2] Transference và counter-transference. X. Cencini, *Tâm lý và huấn luyện…* tr. 462 (ND).
[3] Projection. X. Cencini… tr. 435-437 (ND).

xúc không thích hợp và lệch lạc, khi ứng xử với bạn. Vì cơ chế ấy mà tôi chờ đợi những điều viển vông nơi bạn. Rõ ràng là những nhận thức và cảm xúc ấy có thể gây ra nhiều hiểu lầm giữa bạn và tôi. Bạn hỏi tôi một câu, nhưng tôi lại xem đó là một lời chất vấn hay một đòi hỏi. Khi bạn không hiểu điều tôi muốn nói, thì tôi xem đó là một sự ruồng rẫy. Và những điều tôi kỳ vọng nơi bạn, bạn sẽ không bao giờ có thể đáp ứng được.

Cô Mary, một phụ nữ độc thân khoảng 30 tuổi, cảm thấy mẹ mình ưu ái em cô đang học trong đại chủng viện. Cô cảm thấy bà không quan tâm đến cô và các nhu cầu của cô. Nếu cô đề nghị một điều gì, bà chẳng bao giờ đồng ý. Cô cảm thấy bà chẳng thèm nghe cô. Nếu ông linh mục em cô đề nghị chuyện gì, thì bà ân cần và nhiệt tình đáp ứng. Điều ấy làm cho cô cảm thấy rất đau khổ. Khi tư vấn, nhiều lần cô nói rằng, cô cảm thấy mình như một đứa trẻ mồ côi.

Khi tư vấn, cô chuyển tải cho tôi những cảm xúc của cô đối với mẹ mình (Tôi là đàn ông, nhưng chẳng có gì khác biệt! Giới tính của người kích hoạt sự chuyển cảm thì không quan trọng đối với lăng kính chuyển cảm). Cô liên tục lên án tôi không chịu lắng nghe cô, và không quan tâm đến cảm xúc của cô. Kỳ thực thì tôi rất cảm thông với nỗi đau của cô. Điều làm tôi đau lòng là cô rất túng thiếu về mặt cảm xúc. Mặc dầu tôi rất chăm chú lắng nghe những gì cô nói, nhưng vì cơ chế chuyển cảm tiêu cực của cô, nên khi tôi có vẻ chia trí một chút, thì cô đã bừng bừng thịnh nộ với tôi. Cô xem tôi như "mẹ" mình, và qua tôi, cô cảm nghiệm tất cả những đau đớn và hắt hủi mà cô đã trải qua trong gia đình mình.

Ngay cả sự chuyển cảm tích cực cũng có thể gây căng thẳng cho các mối tương quan trong hiện tại. Chị Josephine, một nữ tu khoảng 30 tuổi, đảm nhận vai trò thừa tác viên trong một giáo xứ và cộng tác với linh mục quản xứ, tuy tốt lành nhưng lại dè dặt về mặt cảm xúc. Chị Josephine tha thiết yêu mến cha mình, nhưng cha của chị lại mất sớm, khi chị mới 12 tuổi. Tất cả những ký ức của chị về cha mình đều tích cực, đó là những kỷ niệm về một người cha dịu hiền, quan tâm và yêu thương mà chị ngưỡng mộ. Đối với cô gái 12 tuổi thì cha cô là một người hoàn hảo. Tuy nhiên, trong ký ức của một phụ nữ 32 tuổi như chị, ông vẫn là một người hoàn hảo.

Tất nhiên là chị chuyển tải những cảm xúc tích cực đối với cha mình, sang cho linh mục quản xứ, và vì thế, chị tỏ ra niềm nở và âu yếm đối với ngài. Tuy nhiên, thái độ của chị quả là một vấn đề đối với cha quản xứ. Cha là một người đàn ông rụt rè và lạnh nhạt với mọi người, nhất là các phụ nữ dễ thương. Chị Josephine vốn là một phụ nữ rất dễ thương, nên khi chị tiếp xúc với cha một cách niềm nở và thân thiện, thì cha khiếp sợ. Dường như cha không biết phải đối phó với chị như thế nào, ngoài trừ việc tỏ ra dửng dưng với chị. Thái độ của cha làm cho chị Josephine cảm thấy rất đau đớn. Chị không hiểu tại sao cha lại khiếp sợ như thế, bởi vì chị chỉ muốn bày tỏ những tình cảm đơn sơ và tôn kính đối với cha.

Chị hết sức thất vọng vì cha quản xứ. Cha không phải là "mẫu người nam như chị tưởng!" Ngay cả khi chị đã hiểu được bản chất của hành động chuyển cảm ấy, và đã hiểu được rằng, chị thất vọng là vì cha quản xứ không như "cha" của chị. Tuy nhiên, nỗi đau ấy vượt quá sức chịu đựng của chị, nên chị phải xin rời giáo xứ và chuyển đi nơi khác.

Câu chuyện trên thật đáng buồn, vì chị Josephine và cha quản xứ đều là những người rất cao thượng và tận tụy. Nếu không vì những nhận thức lệch lạc tạo ra bởi lăng kính chuyển cảm và những cảm xúc không thích hợp của chị Josephine, thì có lẽ họ đã cộng tác đắc lực với nhau mà phục vụ giáo xứ. (còn tiếp)

Chia Sẻ trong Chia-Sẻ

Năm Đời Sống Thánh Hiến

Một cảm nghĩ (6)

TÌNH YÊU THỨ NHẤT VÀ DUY NHẤT

FX Long, ofm

Trong *Tông thư gửi tất cả những người đang sống đời thánh hiến*, Đức giáo hoàng Phanxicô nhắc đến nguồn gốc của đời sống tu trì qua những tư tưởng liên hệ đến "các Đấng Sáng Lập Nam Nữ". Ngài dùng danh xưng này 8 lần, thì 6 lần ở trong mục I.2: Mục tiêu thứ hai của Năm Đời sống thánh hiến là "sống thời hiện tại với niềm đam mê".

Chúng ta có thể lược ra những điểm sau:

Đức giáo hoàng mở đầu bằng việc nhắc lại Công đồng Vatican II, "mọi hình thức đời sống thánh hiến đều phát sinh từ việc Thánh Thần mời gọi bước theo Chúa Ki-tô như Tin Mừng dạy" (Sl *Đức ái trọn lành*, 2), rồi ngài triển khai:

- "Đối với các Đấng Sáng Lập Nam cũng như Nữ, luật sống tuyệt đối là Tin Mừng"… "Lý tưởng của các Đấng Sáng Lập là Đức Kitô, là gắn bó trọn vẹn với Đức Kitô, đến mức có thể nói như thánh Phaolô …".

Từ đó ngài đặt vấn đề cho chúng ta: Tin Mừng có phải là "cẩm nang" cho chúng ta? Đức Giêsu có thật sự là tình yêu thứ nhất và duy nhất của chúng ta?

- "Các Đấng Sáng Lập Nam cũng như Nữ của chúng ta đã cảm nghiệm được nơi bản thân lòng thương xót của Chúa Giê-su khi Chúa thấy... Như Chúa Giêsu…, các Đấng Sáng Lập cũng đã…".

Rồi Đức giáo hoàng đặt vấn đề cho chúng ta: "Các sứ vụ của chúng ta, các công việc của chúng ta, sự hiện diện của chúng ta, có đáp lại những gì Thánh Thần đòi hỏi nơi các Đấng Sáng Lập của chúng ta không, có tương xứng để đạt những mục tiêu trong xã hội và Hội Thánh hôm nay không?"

- "Các Đấng Sáng Lập Nam Nữ đã say mê sự hiệp nhất của Nhóm Mười Hai quanh Chúa Giêsu".

Rồi Đức giáo hoàng đặt vấn đề cho chúng ta…: Sống hiện tại với niềm đam mê nghĩa là trở nên "chuyên gia về hiệp thông", "những chứng nhân và những người kiến tạo "dự phóng hiệp thông" vốn là chóp đỉnh lịch sử con người theo ý Thiên Chúa".

Đây chính là mối bận tâm hàng đầu của Đức giáo hoàng Phanxicô, mà ngài tỏ bày bất cứ khi nào ngài có dịp ngỏ lời với các thành phần dân Chúa. Ngỏ lời với các Bề trên thượng cấp tại Rôma, ngài nhấn mạnh vai trò trung tâm của Đức Giêsu đã đành; trong Tông huấn *Niềm vui của Tin Mừng*, ngài cũng đã nhấn mạnh như thế (x. ss. 34-39). Chính sự tha thiết nhấn mạnh của ngài cho hiểu là "điều cần thiết duy nhất" tưởng là hiển nhiên này lại không được quan tâm, thậm chí không có nơi những người tự xưng là môn đệ của Chúa Kitô. Và như thế là một sự mâu thuẫn "nhãn tiền", một sự lừa dối trắng trợn. Chúng ta chỉ cần dừng lại với Đức giáo hoàng trong cuộc viếng thăm Napoli vừa rồi, mà nghe những lời khuyên rất gần gũi của ngài, nhưng cũng để ý thức về một vấn đề trọng yếu.

Ngày 21/3/2015, tại Napoli, Đức giáo hoàng đã tâm sự với các linh mục và tu sĩ như sau: "… Tại một tu viện, có thể tôi không thích bà bề trên, nhưng nếu trung tâm của tôi là bà bề trên mà tôi không thích, chứng tá của tôi không ra gì. Ngược lại, nếu trung tâm của tôi là Đức Giêsu, tôi cầu nguyện cho bà bề trên mà tôi không thích ấy, tôi chấp nhận bà và tôi làm tất cả để cho các bề trên khác biết hoàn cảnh. Nhưng không ai lấy mất được niềm vui của tôi: niềm vui được bước đi sau Đức Giêsu. Tôi thấy ở đây có các chủng sinh. Tôi nói với anh em điều này: nếu anh em không có Đức Giêsu ở trung tâm, hãy hoãn việc chịu chức lại. Nếu anh em không chắc chắn là Đức Giêsu là trung tâm của đời sống anh em, hãy chờ thêm ít lâu, để được chắc chắn. Bởi vì nếu không, anh em bắt đầu một hành trình

mà không biết sẽ kết thúc thế nào".

Nghe những lời này, tôi hiểu rằng người ta có thể có "trung tâm đời sống là một ai đó" chứ không đương nhiên có "trung tâm là Đức Giêsu", và người ta có thể có "trung tâm là Đức Giêsu" mà vẫn có nỗi hiềm khích với anh chị em hay với bề trên của mình. Nhưng tùy cái "trung tâm" đó mà người ta tìm ra được giải pháp đúng đắn, và duy trì được niềm vui của đời môn đệ Đức Giêsu.

Rồi lời ngài khuyên các chủng sinh khiến các nhà huấn luyện thấy rõ rằng: người ứng sinh có thể sắp chịu chức linh mục, mà vẫn không có Đức Giêsu ở tại trung tâm cuộc đời, và ngài khuyên trong trường hợp này, nên hoãn việc chịu chức lại. "Hãy chờ thêm ít lâu, để được chắc chắn". Có lẽ chúng ta được phép áp dụng cho cả các tu sĩ sắp khấn trọn đời. "Bởi vì nếu không, anh em bắt đầu một hành trình mà không biết sẽ kết thúc thế nào". Khi đó người ta đi theo một con đường ảo, có khởi sự, mà không biết sẽ đi về đâu, như thế là đi vào một cuộc phiêu lưu rất liều lĩnh. Khi đó trong Hội Thánh, sẽ có những tu sĩ linh mục sống chức vụ hay địa vị của mình như một nghề nghiệp, họ là những người mà Đức giáo hoàng gọi là "những người nam người nữ của Hội Thánh mà lại đầy tham vọng trong nghề nghiệp (carriéristes, arrivistes), họ "sử dụng" dân chúng, Hội Thánh, anh em chị em họ – những người lẽ ra họ phải phục vụ –, như một bàn đạp cho lợi ích và tham vọng cá nhân. Nhưng những người ấy gây thiệt hại lớn cho Hội Thánh". Quả thật, Đức giáo hoàng nói không một chút úp mở ngoại giao nào cả.

Mới đây ông Mario Joseph (Sulaiman), một Imam[(1)] Hồi giáo nhờ nghiên cứu kinh Coran với óc phê bình mà trở lại với Kitô giáo, khi trả lời phỏng vấn của chương trình H.M. Television, đã để lại sứ điệp cho châu Âu, nhưng cũng là cho tất cả chúng ta: *Kh* 2,4, "Ngươi đã để mất tình yêu thuở ban đầu…".

Hãy trở lại với tình yêu ban đầu và là tình yêu duy nhất: Giêsu.

---

(1)Imam là một chức vụ lãnh đạo trong Hồi giáo, có thể cai quản một đền thờ hay điều khiển một cộng đồng.

Khiêm nhường như sự thật và phục vụ nơi Thánh Phanxicô Atxidi

Alexis Trần Đức Hải

1. Khiêm nhường khách quan và chủ quan

Hãy nghe một giai thoại được kể trong văn phong dễ thương của Fioretti, "*Những bông hoa nhỏ*" của thánh Phanxicô:

"Ngày nọ, thánh Phanxicô trở về nhà từ khu rừng nơi ngài cầu nguyện. Muốn thử tính khiêm

nhường của Đấng Thánh, anh Massêô đến gặp ngài và nói nửa thật nửa đùa: "Tại sao theo Cha? Tại sao theo Cha?" Thánh Phanxicô đáp: "Ý con muốn nói gì vậy?" Anh Massêô trả lời: "Ý con muốn nói là tại sao toàn thế giới lại chạy theo Cha; và xem ra ai cũng muốn nhìn thấy Cha và nghe lời Cha? Cha không điển trai, không phải là người học thức uyên bác, không là thành phần giai cấp quý tộc, thế mà tại sao cả và thế giới lại chạy theo Cha?" Nghe các lời này, thánh Phanxicô tràn ngập niềm vui trong lòng, nhìn thẳng vào mặt anh Massêô và nói với anh: "Con muốn biết lý do tại sao họ chạy theo Cha ư? Cha được như thế là do từ cặp mắt của Thiên Chúa tối cao, nhìn thấy trong mọi nơi cái tốt đẹp và điều sai trái: bởi vì các đôi mắt rất thánh này đã không nhìn thấy, ở giữa các tội nhân, một kẻ nào khác xấu xa hơn, kém cõi hơn Cha, một kẻ tội lỗi nào lớn hơn Cha"[4]

Câu hỏi trên của anh Massêô được chứng tỏ đúng hơn vào thời buổi nay hơn là vào những ngày của anh ấy. Ở vào thời đó, "thế giới" chạy theo Phanxicô chỉ là thế giới nhỏ bé của vùng Umbria và miền Trung nước Ý; ngày nay, một cách chính xác, đó là toàn thế giới, kể cả thế giới của những người không tin, hoặc những người của các tôn giáo khác. Câu trả lời của "*Người nghèo bé nhỏ"* (Poverello) thì chân thành, tuy nhiên không đúng. Trong thực tế, toàn thế giới bị mê hoặc bởi nhân cách của Phanxicô, không phải vì người ta tin rằng ngài là tội nhân lớn nhất trong tất cả các tội nhân, nhưng bởi vì người ta nhìn thấy các giá trị mà mỗi một người ao ước, được thực hiện cách trọn vẹn nơi ngài: tự do, niềm vui, bình an với chính mình và với toàn thể tạo thành, tình huynh đệ hoàn vũ.

Bây giờ chúng ta nói về một phẩm tính của thánh Phanxicô, một phẩm tính mà thế giới không hề ao ước, tuy nhiên nó lại là căn nguyên từ đó phát sinh tất cả các phẩm tính khác của ngài: tính khiêm nhường của ngài. Theo Dante Alighieri, -người đã dành cho thánh Phanxicô một trong những bài thơ đầy gợi cảm nhất của ông trong kiệt tác *Thần Khúc* (Divine Comedy)-, tất cả vinh quang của Phanxicô đều tùy thuộc vào việc ngài tự làm cho mình thành "pusillo" bé mọn,"[5] nói cách khác, vào sự khiêm nhường của ngài.

Tuy nhiên, sự khiêm nhường được mọi người biết đến đó là cái gì? Trong tất cả các ngôn ngữ được dùng để chuyển đạt Kinh Thánh đến tay chúng ta, nghĩa là Hy bá lai, Hy lạp, La tinh và Anh ngữ, chữ "khiêm nhường" có hai nghĩa căn bản: một là *khách quan*, và chỉ sự thấp hèn, sự nhỏ bé hoặc nghèo khổ, và một là *chủ quan*, chỉ cảm thức và sự nhìn nhận mà một người có về sự nhỏ bé của chính mình. Nghĩa sau là nghĩa mà chúng ta hiểu về nhân đức khiêm nhường.

Khi Đức Maria nói trong bài ca *Magnificat*: "Người đã đoái thương nhìn đến sự mọn hèn (*tapeinosis*) của tớ nữ của Người," Mẹ muốn nói đến sự khiêm nhường theo nghĩa khách quan, chớ không theo nghĩa chủ quan! Chính vì lẽ đó mà, trong nhiều ngôn ngữ, từ ngữ thích hợp nhất được dịch là: "sự mọn hèn (littleness), chớ không phải là khiêm nhường. Hơn nữa, làm sao người ta có thể mường tượng được việc Đức Maria tán dương chính sự khiêm nhường của Mẹ và xem đây là kết quả của sự lựa chọn của Thiên Chúa mà lại không, do bởi sự tự tán dương này, phá hủy chính sự khiêm nhường của Mẹ? Và nhiều khi, có nơi còn cẩu thả viết rằng Đức Maria nhìn nhận ở nơi Mẹ không có nhân đức nào khác ngoài nhân đức khiêm nhường, như thể điều này nhằm ca ngợi đức khiêm nhường hơn là làm hại nó!

Nhân đức khiêm nhường có một trạng thái hoàn toàn đặc biệt: nó được chiếm hữu bởi những ai nghĩ rằng họ không có nó, và ngược lại, những ai cho rằng có nó, thì chính họ lại không hề có nó! Chỉ một mình Đức Giêsu mới có thể tuyên bố Ngài thì "khiêm nhượng trong lòng" và thật sự Ngài là như thế. Điều này, như chúng ta sẽ thấy, là đặc tính duy nhất và không thể lập lại của sự khiêm nhường của Đấng vừa là Thiên Chúa vừa là con người. Đức Maria có vì thế mà không có *nhân đức* khiêm nhường không? Chắc chắn là Mẹ có, và có ở mức độ cao nhất, nhưng chỉ có Thiên Chúa biết điều này, Mẹ không biết. Thật ra, phẩm tính to lớn của sự khiêm nhường đích thực chính xác nằm ở chỗ: hương thơm của nó chỉ được một mình Thiên Chúa nhận biết mà thôi, chớ không phải được nhận biết bởi người tỏa ra nó. Thánh Bênađô viết rằng: "Người khiêm nhường chân thật thì mong muốn, không phải được tán dương vì sự khiêm nhường của mình, nhưng, được coi là đê tiện, xấu xa."[6] Sự khiêm nhường của Phanxicô, như cuộc đối thoại với anh Massêô cho chúng

[4] *Các Bông hoa nhỏ của thánh Phanxicô*, chương 10, 8

[5] *Paradise*, XI, 111

[6] St. Bernard, *Sermons on the Canticle*, XVI, 10 (PL 183, 853)

ta thấy, thì đúng là thuộc về loại này.

2. Khiêm nhường như sự thật

Có hai nguồn soi sáng sự khiêm nhường của Phanxicô: một là thần học, cái còn lại, trong bản chất của nó là Kitô học. Chúng ta suy niệm trên nguồn đầu tiên. Chúng ta tìm thấy trong Kinh Thánh những hành vi khiêm nhường không xuất phát từ con người, từ việc nhìn nhận sự khốn nạn hoặc tội lỗi của nó, nhưng nguồn duy nhất của các hành vi này chính là Thiên Chúa và sự thánh thiện của Người. Như lời thốt ra từ miệng tiên tri Isaia: "Tôi là một người môi miệng ô uế," khi, ở trong Đền thánh, ông đối mặt với sự tỏ hiện thình lình của vinh quang và thánh thiện của Thiên Chúa (*Isaia* 6:5t.) Như tiếng la lớn của Phêrô với Đức Giêsu sau mẻ cá lạ lùng: "Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi!"(*Lc* 5:8)

Ở đây chúng ta đối diện với bản chất của sự khiêm nhường, bản chất của tạo vật trở nên ý thức về chính bản thân nó trong sự hiện diện của Thiên Chúa. Bao lâu một người còn tự đo lường chính bản thân mình bằng các tiêu chuẩn của riêng nó, bởi những người khác hoặc bởi xã hội, người đó sẽ không bao giờ có một ý tưởng đúng về chính mình, bởi vì người đó thiếu thước đo tiêu chuẩn. Kierkegaard đã viết: "Khi có Thiên Chúa là thước đo, bản thân chúng ta mang trên mình nó một sắc thái vô cùng."[7] Phanxicô có sự khiêm nhường này ở một mức độ cao. Câu nói mà ngài thường lập đi lập lại là: "Giá trị con người trước mặt Thiên Chúa thế nào thì thế ấy, không hơn không kém."[8]

Sách "*Những bông hoa nhỏ*" mô tả lại sự việc, một đêm nọ, anh Lêô đã muốn rình xem Phanxicô làm gì trong đêm nguyện cầu của ngài trong cánh rừng của La Verna, và từ một khoảng cách ngắn, anh nghe ngài lẩm nhẩm chỉ một vài chữ, trong một thời gian lâu dài. Ngày hôm sau, thánh nhân kêu anh lại, và sau khi nhẹ nhàng trách cứ anh về việc anh không nghe lời ngài căn dặn, ngài đã nói cho anh biết nội dung của lời cầu của ngài như sau:

"Hỡi Chiên bé bỏng của Chúa Giêsu Kitô, trong những gì mà con thấy và nghe khi Cha nói các lời này, có hai luồng sáng được tỏ lộ ra cho tâm hồn Cha: một luồng về sự hiểu biết Đấng Tạo thành, và luồng kia về sự hiểu biết chính con người của Cha. Khi Cha nói, "Lạy Chúa mà con mến yêu nhất đời, Người là ai,?" thì Cha ở trong một luồng sáng chiêm ngưỡng, trong đó Cha thấy các chiều sâu thẳm của sự tốt lành vô cùng, và sự khôn ngoan cùng sức mạnh của Thiên Chúa. Và khi Cha nói, ""Con là gì?" thì Cha lại ở trong một luồng sáng trong đó Cha thấy các chiều sâu thằm thẳm hại của sự xấu xa và đê tiện của Cha."[9]

Đây là ân huệ mà thánh Augustinô đã cầu xin Chúa và là điều mà ngài xem như đỉnh cao của mọi sự khôn ngoan: "*Noverim me, noverim te*. Hãy cho con biết con và hãy cho con biết Chúa; hãy cho con biết con để con khiêm tốn hạ mình xuống, và hãy cho con biết Chúa để con yêu Chúa."[10]

Giai thoại này của anh Lêô chắc chắn là đã được tô vẻ, trau chuốt, như luôn là như thế ở trong cuốn "*Những Bông hoa nhỏ*", tuy nhiên nội dung của nó tương hợp cách tuyệt vời với ý tưởng mà thánh Phanxicô có về chính ngài và về Thiên Chúa. Bằng chứng của điều này được tìm thấy ở phần bắt đầu của Bài ca Tạo vật, trong khoảng cách vô cùng mà ngài đặt ra giữa Thiên Chúa, "Tối Cao, Toàn Năng, Thiên Chúa Tốt Lành," và thân phận của kẻ hay chết đáng thương, mà ngay cả việc lên tiếng gọi Danh Người cũng không xứng đáng:

"Lạy Thiên Chúa Tối Cao,

Toàn Năng và Tốt Lành,

Lời ngợi khen, tôn vinh, danh dự,

và mọi lời chúc tụng đều thuộc về Ngài.

Và xứng hợp cho riêng mình Ngài,

Ôi Đấng Tối Cao,

Và không ai xứng đáng gọi Danh Ngài."[11]

Trong ánh sáng này, điều mà tôi gọi là sự khiêm nhường thần học thì thiết yếu hiện ra cho chúng ta như là chân lý. "Ngày kia, tôi tự hỏi chính mình," - thánh Têrêsa Avila viết. "tại sao Chúa yêu sự khiêm nhường như thế, và bất thình lình lóe lên trong trí tôi, một cách bột phát, không một chút suy nghĩ nào về

[7] S. Kierkegaard, The sickness unto Death, II,1,1

[8] St. Francis, Admonitions, XIX (ED, I, p.135); cũng xem St. Bonaventure, The Mayor Legend, VI, 1 (ED, II, p.569)

[9] The Considerations on the Holy Stigmata, III (in St. Francis of Assisi, Omnibus of Sources, Chicago 1972, p. 1446)

[10] St. Augustine, *Soliloqui*, I, 1,3; II,1,1 (PL 32, 870.885)

[11] The Canticle of Creatures (ED, I, p. 113)

phía tôi, là nó phải như thế bởi vì Người là toàn vẹn Sự Thật và khiêm nhường là sự thật"[12]

Đây là một luồng sáng không hề làm giảm suy giá trị con người, nhưng trái lại, đem lại một niềm vui to lớn và nâng cao nó lên. Thật vậy, khiêm nhường với chính mình không có nghĩa là không hạnh phúc với chính mình, hoặc là nhìn nhận sự khốn cùng của mình, hoặc kể cả sự bé mọn của mình. Nhưng đó là nhìn Chúa trước chính mình và đắm chìm vào trong chiều sâu của vực thẳm ngăn cách giới hạn với vô hạn. Càng ý thức điều này chừng nào người ta trở nên khiêm nhường ngần ấy. Và rồi người ta bắt đầu ưa thích cả sự hư không của chính mình nữa, bởi vì, nhờ sự hư không đó, người ta có thể trình bày cho Thiên Chúa một khuôn mặt mà tính nhỏ bé và khốn nạn của nó đã làm say mê trái tim của Ba Ngôi từ muôn thuở.

Angela đệ Folignô, một đại đệ tử của "Người nghèo bé nhỏ"(*Poverllo)*, đấng mà gần đây Giáo Hoàng Phanxicô đã nâng lên bậc hiển thánh, đã thốt lên lớn tiếng trên giường chờ chết của bà: "Ôi sự hư vô không tên, ôi sự hư vô không tên. Thật là chính xác khi, ở trong thế giới này, một linh hồn không thể có một ý thức nào khác hay hơn bằng việc nhìn thấy chính sự hư vô của nó và ở lại trong đó như ở trong một căn phòng."[13]

Có một bí mật trong lời khuyên nhủ này, một sự thật được chứng minh bằng cách trải nghiệm nó. Người ta khám phá ra rằng căn phòng này thực sự hiện hữu và người ta có thể thực sự vào trong đó mỗi lần người ta muốn. Nó hệ tại trong cảm thức yên lặng và thanh bình về sự hư vô của mình trước mặt Thiên Chúa, nhưng đó lại là "một sự hư vô" được Thiên Chúa yêu thích!

Một khi người ta ở bên trong căn phòng tràn ngập ánh sáng này, người ta không còn nhìn thấy các khiếm khuyết của người bên cạnh nữa, hoặc chúng được nhìn thấy trong một ánh sáng mới. Người ta hiểu rằng, với ân sũng và thực hành, thực hiện điều mà thánh Phaolô nói, -điều mà mới thoạt nhìn thì xem ra quá khó, nghĩa là, "xem tất cả các người khác hơn mình" (qc. *Phi 2:3*)- thì có thể được. Ít ra, người ta hiểu các thánh đã thực hiện được điều này như thế nào.

Nhốt mình trong căn phòng này, vì thế, thì hoàn toàn khác và trái ngược với việc đóng kín mình lại, bởi vì, "nhốt mình trong căn phòng" có nghĩa là mở chính lòng mình ra với những người khác, với tính khách quan của các sự vật. Đây là điều đối nghịch lại với những gì mà các người thù nghịch lại với tính khiêm nhường Kitô giáo thường nghĩ; nó là việc đóng lòng mình lại với tính ích kỷ, không ở trong ích kỷ; là sự chiến thắng trên một trong những điều xấu mà khoa tâm lý hiện đại cho là nguy hại đến nhân cách con người: tính yêu chính mình, ("ái kỷ" = narcissism). Ngoài ra, trong căn phòng này, kẻ thù không thể thâm nhập. Ngày nọ, thánh Antôn Cả có một thị kiến; ngài thấy trong một lúc, vô số kể những cạm bẫy mà kẻ thù giăng ra khắp mặt đất và, lập tức, ngài lẩm bẩm trong miệng: "Ai có thể tránh được tất cả các cạm bẫy này?" Và ngài nghe một tiếng nói trả lời ngài: "Khiêm nhường!"[11]

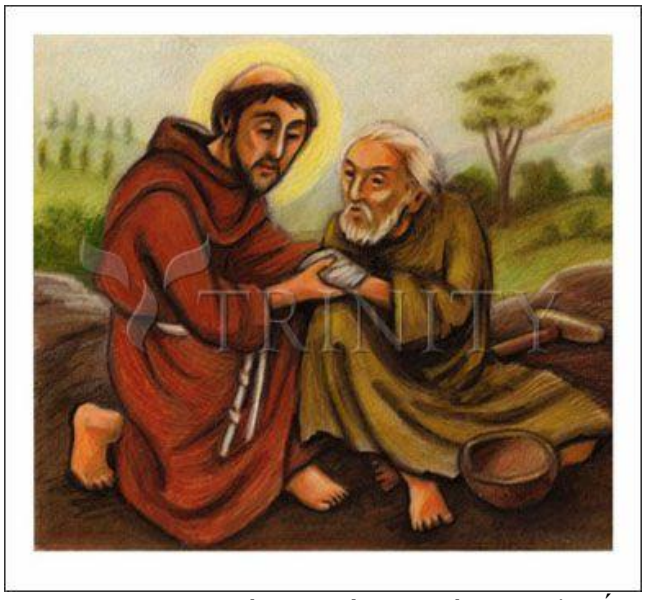

Tác giả sách "*Gương Chúa Kitô*" đã viết: "Không gì có thể thành công trong việc thổi bay người nào cắm rễ sâu trong Chúa."[12]

[12] St. Theresa of Avila, Interior Castle, VI, chap.10

[13] Angela of Foligno, Complete Works, Paulist Press, New York 1993, p.315s.

[11] *Apophtegmata Patrum*, Antonius 7 (PG 65,77)

[12] Imitation of Christ, II,10

MỘT VÀI CẢM NHẬN TĨNH TÂM TIẾN CHỨC

Phêrô Trần Ngọc Niên

Năm nay, mười anh em tiến chức có năm ngày tĩnh tâm tại Trung tâm Don Bosco K'Long, 126B xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng từ 20 giờ ngày 8.3 đến 13.3.2015 với chủ đề "Mục tử như lòng Chúa mong ước".

Lần đầu tiên, anh em đến đây nên không khỏi ngạc nhiên khi nhìn thấy ba dãy nhà sang trọng, tách biệt, rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ, yên tĩnh nằm dưới chân núi cách quốc lộ 20 khoảng 300 mét. Nơi đây, anh em cảm thấy rất thoải mái bởi thiên tạo (cây cối, núi rừng) và nhân tạo (hồ nước, hoa cá, âm thanh, ánh sáng) hòa quyện trong không gian và thời gian, giữa lạnh và nóng, giữa ngày và đêm làm cho anh em ăn ngon, ngủ tốt và dư sức cầu nguyện. Tuy nhiên, một vài anh em chưa thích nghi với khí hậu lạnh và gió núi nên cảm lạnh nhẹ. Giờ khai mạc tĩnh tâm bắt đầu vào lúc 20 giờ do anh Giuse Vũ Liên Minh hướng dẫn, đưa anh em vào sa mạc khai mào cho năm ngày tĩnh tâm.

Ngày thứ nhất, Anh Nicôla chia sẻ đề tài: "Một số gương sáng của các vị giám mục và linh mục". Anh đã nêu danh hai vị giám mục còn sống và hai vị linh mục trong Dòng đã về với Chúa như những tấm gương cho Anh và cho cả các anh em đang lắng nghe Anh chia sẻ, với mong ước anh em cũng sẽ trở thành những gương sáng như vậy.

Ngày thứ hai, Anh chia sẻ đề tài: "Hình ảnh người linh mục hôm nay" dựa trên những lần nhắn nhủ của Đức Giáo Hoàng Phanxicô với các linh mục về bổn phận hàng đầu của linh mục là loan báo Tin Mừng, là anh em của mọi người và "nhạy bén" trước sự đổi thay của xã hội như chính Chúa Giêsu đã sống.

Ngày thứ ba, Anh chia sẻ đề tài: "Những bài học thực tế từ việc loan báo Tin Mừng cho các anh chị em đồng bào thiểu số vùng Pleiku". Anh chia sẻ nhiều điểm son nơi anh chị em đồng bào thiểu số qua việc họ ý thức sự linh thánh nơi các thụ tạo nên họ cầu nguyện rất tập trung và dễ dàng, họ không sợ nghèo, không buồn, không than trách số phận, họ luôn nói lời cám ơn Chúa và xin lỗi Chúa, họ nghèo nhưng rất tự trọng, không bán vé số, không ăn xin, không rao bán kỳ nèo hay nói thách, lừa lọc, họ sống tinh thần cộng đồng rất cao, họ đam mê còng chiêng, múa hát, họ quảng đại dâng hiến đất đai cho tôn giáo, họ ý thức

và can đảm truyền giáo... Anh mong muốn mục vụ truyền giáo của Giáo hội nói chung và của Tỉnh dòng nói riêng cần tôn trọng văn hóa của các dân tộc thiểu số để tạo nên mùa gặt mới. Những đề tài Anh chia sẻ giúp anh em ý thức sứ vụ trong tương lai. Anh em cám ơn Anh và cầu nguyện cho Anh trong việc loan báo Tin Mừng cho các dân tộc thiểu số. Rồi Anh chia tay anh em, trở về cộng đoàn Vườn Mít tiếp tục công việc mục vụ cho các dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai, để anh Anxenmô Nguyễn Hải Minh chia sẻ hai ngày sau.

Ngày thứ tư, Anh Anxenmô chia sẻ đề tài: "Suy niệm cuộc đời ông Môisê" dựa trên sách Xuất Hành để hiểu hơn ơn gọi của từng người, vì "nhìn lại năm lần Môisê thoái thác, những lần ông chối từ hay những cơn khủng hoảng trong ơn gọi, nếu chúng ta thích gọi như thế, thì đó là những lần ý muốn, tâm trí và ngôn từ của ông đã do dự hay kháng cự lại lời kêu gọi. Đây là một bài học chung cho chúng ta, vì cách này hay cách khác, chúng ta cũng nhận được lời mời gọi của Đức Kitô để lãnh nhận sứ vụ loan báo Tin Mừng."[11]

Ngày thứ năm, Anh chia sẻ đề tài: "Môsê – con người xây dựng tương quan" theo ba chiều kích: Thiên Chúa và Môisê, Môisê và dân, dân và Thiên Chúa. Với ba chiều kích này, hành trình cuộc đời linh mục phản chiếu sự trọn hảo của Tin Mừng. Đây là một thách đố! Vì "hành trình cuộc đời linh mục có thể cũng đi đến kết thúc mà vẫn chưa hoàn tất, khi chúng ta chưa làm được tất cả những gì chúng ta muốn làm, khi dự phóng cuộc đời chúng ta vẫn còn dang dở. Nhưng không sao, điều đó đã từng xảy ra với Môisê."[12]

Tuy tĩnh tâm lần này, các bài chia sẻ ít nhưng có thể nói những bài chia sẻ của hai Anh đã giúp anh em cầu nguyện nhiều hơn và có thời gian gặp gỡ Anh đồng hành để chia sẻ những thao thức trong sứ vụ. Kết thúc năm ngày tĩnh tâm, anh em cám ơn Chúa và cám ơn mọi người đã âm thầm cầu nguyện và giúp đỡ vật chất lẫn tinh thần. Đặc biệt, anh em cám ơn anh Phó giám tỉnh đã đồng hành với anh em qua hai lần thường huấn và một lần tĩnh tâm. Anh đã bỏ nhiều thời gian, công sức và trí tuệ để giúp anh em tốt hơn. Xin Chúa ban cho anh sức khỏe và mọi điều thiện hảo trong sứ vụ Phó giám tỉnh và Thư ký huấn luyện và học vấn. Rồi anh em chia tay nhau, trở về cộng đoàn địa phương, nơi anh em đang phục vụ.

---

[1] Charles Conroy, *Moses' Journey of Leadership*

[12] Charles Conroy, *Moses' Journey of Leadership*

VÒNG HOA MÙA CHAY

Phêrô Trần Ngọc Niên

Vào lúc 8 giờ ngày 18 tháng 3, tôi đang xịt thuốc tiêu thì nhận được tin qua điện thoại từ một anh trong lớp báo tin: "Ba anh Hiệp lớp mình đã được Chúa gọi về, anh thu xếp công việc, hiện diện chia buồn với gia đình anh Hiệp, vì anh ở gần". Lúc này, lòng tôi bồi hồi xúc động, bởi lẽ ngày mùng hai tết, một vài anh em Học viện và tôi đến thăm gia đình anh Hiệp và thấy ông cố vẫn khỏe mạnh, đi đứng, nói năng bình thường. Vậy mà, hôm nay ông cố đã ra đi rồi! Quả thật, lúc này hình ảnh ông cố gợi lên trong tôi bao điều cảm mến thân thương và suy nghĩ. Mặc dù, tôi không được diễm phúc sống với cha tôi ngày nào nhưng tôi không thể không biết đến công ơn sinh

thành dưỡng dục của những bậc làm cha, làm mẹ đã chắp cánh cho những người con bay cao, bay xa và thực hiện được những ước mơ trong cuộc đời này, mà nhiều lúc cha mẹ chưa thực hiện trọn vẹn trong cuộc đời mình. Cho nên, nhiều lúc trải qua khó khăn trong cuộc sống cha mẹ cũng ít kể lể với con của mình về những nỗi vất vả của ngày tháng cưu mang, dưỡng dục. Do đó, đối với tôi, hình ảnh người cha cho dù không rõ nét, không gần gũi như hình ảnh người mẹ nhưng lại tô đậm nét hình hài của tôi. Vì thế, tôi thấu cảm phần nào với những ai không còn cha như lời bài hát "Cha yêu" của Quốc Vượng:

" Cha yêu ơi năm tháng bao la tình cha

Dang đôi tay ôm ấp con thơ vào lòng

Người là ánh sáng rọi đường con bước

Cha yêu ơi, mãi không quên tình cha."

Khi nghe lời bài hát này, có lẽ những người "mất cha" cảm thấy bùi ngùi và nhớ về người cha nơi phương xa với những ngày tháng êm đềm bên mái gia đình có cha mẹ. Tôi nghĩ điều làm anh Hiệp nhớ nhất lúc này là hình ảnh người cha ốm yếu nhưng ngày ngày vẫn ra vườn làm cỏ, tưới tiêu và yêu thương đứa con làm linh mục.

Càng nghĩ về người cha, tôi thực sự cảm nhận được ít nhiều về nỗi đau mất cha, và ngẫm nghĩ miên man đến các anh chị em của anh Hiệp lúc này đang cảm nhận một nỗi đau trong lòng và đang thốt lên những lời lẽ của con tim, chảy ra từ sâu

thẳm của chuỗi ngày kinh nghiệm về cha. Thật là thương, là nhớ khi ông cố ra đi đột ngột, không một lời trối trăn, không nhìn thấy người vợ thương yêu của mình (bà cố đi chữa bệnh) nên đã để lại một khoảng trống trong lòng những người con bao cảm tiếc nhớ thương nói riêng, đặc biệt là bà cố và những người quen biết nói chung. Cho nên, dẫu đường xá có xa xôi cách trở thì cũng có nhiều người đến chia buồn với gia đình và cầu nguyện cho ông cố trong thánh lễ an táng vào lúc 9 giờ sáng thứ sáu ngày 20.3.2015. Đức cha Tôma, giáo phận Bà Rịa chủ tế cùng với các cha triều và cha Giám tỉnh, các cha trong Tỉnh dòng thánh Phanxicô. Nhờ thế, nỗi buồn của gia đình cũng vơi đi phần nào. Thật thế, khi anh em cùng lớp đến chia buồn với anh Hiệp vào chiều ngày ông cố ra đi, thì tôi thấy các đoàn thể trong giáo xứ đã có mặt, đọc kinh và chia buồn. Vâng, tất cả những cảm nghiệm về cha đều sâu sắc và phong phú. Cho dẫu tuổi đời của người cha có ngắn hay dài thì tình phụ tử vẫn in đậm trong ký ức của những người con, bởi người cha đã hy sinh âm thầm cho những người con. Điều này càng được thể hiện rõ trong cuộc đời ông cố suốt 74 năm hiện diện trên cõi đời này. Ông cố đã chu toàn bổn phận một người chồng chung thủy và một người cha tận tụy nuôi dưỡng các con thành nhân và thành danh. Ông cố đã cho ra đời lần lượt bảy người con: ba trai, bốn gái. Trong số những người con này, ông cố đã quảng đại dâng lên Chúa một người con trai thông minh, sáng láng, nhiệt thành, đang phục vụ tại cộng đoàn Suối Dầu. Đó là linh mục Gioan Nguyễn Hữu Hiệp, OFM. Quả thật, đây là niềm hạnh phúc vô biên cho gia đình ông cố. Có lẽ giờ đây, ông cố còn hạnh phúc hơn khi được Đức cha, quý cha, quý thầy, quý xơ và quý thân bằng quyến thuộc đến hiệp dâng thánh lễ và tiễn đưa đến nơi an nghỉ yên bình trong tình yêu của Đấng Hằng Sống và Hằng Trị đến muôn đời như lòng ông cố ước mong khi nhắm mắt lìa đời. Đây có thể cũng là ước mơ của nhiều người, vì mỗi người đều có một nơi sinh ra và một cõi đi về như tên gọi của nghĩa trang "Một cõi đi về" khắc ghi trên tảng đá to, nhắc nhở kẻ qua người lại trên tuyến đường Hòa Hội, Hòa Hiệp.

NHỮNG CON ĐƯỜNG CỦA THẦN HỌC TỰ NHIÊN

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC VẤN ĐỀ

Mến gửi các Đệ và các Muội Phan Sinh đang học triết học và thần học mấy trang của GS triết học ***Paul Clavier*** *tại các đại học Paris, Pháp, trong cuốn* ***Qu'est-ce que la théologie naturelle****? Paris, Librairie philosophique J. Vrin, 6, place de la Sorbonne, Vè, 2004, trang 7-20, làm quà đầu xuân Ất Mùi 2015. Tôi cũng rất mong được các Giáo sư dạy triết học và thần học vui lòng chỉnh sữa các từ chuyên môn nếu có gì sai hoặc không chính xác và chân thành tri ân (nguyenhonggiap@yahoo.fr).*

TS Nguyễn Hồng Giáp, CPS*, chuyển ngữ*

Định nghĩa

Đề mục *thần học tự nhiên* (théologie naturelle) chỉ một địa bàn nghiên cứu và một phương pháp luận. Địa bàn nghiên cứu (*thần học*) bao gồm vấn đề hiện hữu và các thuộc tính của Thiên Chúa (hoặc các thiên chúa, nếu có nhiều). Còn về phương pháp luận, thần học *tự nhiên* chỉ nhắc đến khả năng *tự nhiên* của trí thông minh của con người. Như vậy, chúng ta sẽ gọi thần học tự nhiên là sự khảo cứu của lý trí tự nhiên về sự hiện hữu và các thuộc tính của Thiên Chúa (hay nhiều thiên chúa), độc lập với mọi sự mặc khải siêu nhiên.

Một sự khảo cứu như vậy gần như đụng ngay với hai loại dị luận cần phải quan tâm nếu chúng ta không muốn giả điếc làm ngơ.

Dị luận vô thần (objection athée)

Loại dị luận thứ nhất tấn công một cách có tính hệ thống vào các kết luận của việc khảo cứu. Theo dị luận này, không một thực tế nào tương ứng với khái niệm Thiên Chúa cả. Đó là dị luận vô thần. Có lẽ cần phải xác định loại Thiên Chúa nào lúc đó bị từ chối sự hiện hữu. Nhiều quan niệm về tính thần linh được phổ biến lưu thông, và không thể nói chỉ từ chối một loại thần linh là từ chối tất cả mọi thần linh. Theo truyền

thống, có nhiều cách mô tả đối với khái niệm Thiên Chúa: " đấng vô cùng hoàn hảo", "nguyên nhân đầu của mọi sự hiện hữu" (đó là Thiên Chúa của phái *tự nhiên thần giáo-déisme*), "đấng tất yếu", "sự giải thích cuối cùng của vũ trụ", "nguyên lý và cứu cánh của mọi sự", "đấng toàn năng và toàn trí", "Điều Hoàn Toàn Hơn Hết", "đấng tạo dựng con người và quan phòng" (đó là Thiên Chúa của phái *hữu thần-théisme*), vân vân. Làm sao mà dám xác định không có một đối tượng nào tương ứng được với bất kỳ một sự mô tả nào trong các sự mô tả đó?

Chúng ta có thể phát hiện một sự mâu thuẫn nội tại trong một sự mô tả nào đó. Ví dụ, thuộc từ "toàn năng" là mâu thuẫn, thì sự hiện hữu của Thiên Chúa được mô tả như là "đấng toàn năng" sẽ bị liên lụy. Chúng ta có thể, *a priori*, bởi một sự phân tích đơn giản của khái niệm, một Thiên Chúa như vậy không thể hiện hữu. Nhưng nếu thuộc từ "toàn năng" không phát hiện có mâu thuẫn nội tại, có thể sẽ không tương hợp với những dữ liệu khác, ví dụ sự hiện hữu của các hành động tự do, sẽ đưa đến hạn chế sự toàn năng đó. Đây lại là một sự bác bỏ khác về sự hiện hữu của Thiên Chúa, được xem như là "một đấng toàn năng".

Chúng ta cũng có thể tìm cách chứng minh một sự bất tương hợp giữa hai thuộc từ được xem là thiết yếu, ví dụ "tốt lành" và "toàn năng": nếu Thiên

Chúa là tốt lành và cho phép sự ác, thì chính là Người không toàn năng, hoặc ngược lại: nếu Thiên Chúa là toàn năng và cho phép sự ác, thì chính là Người không tốt lành.

Một phương pháp khác bao gồm việc điểm qua danh sách (được xem như là điểm hết sạch) của toàn bộ những sự vật hiện hữu và bao gồm việc chứng minh rằng không một yếu tố nào kiểm chứng được các thuộc tính mà qua đó chúng ta xác định là Thiên Chúa. Thường thì phái vô thần không chống hết tất cả mọi quan niệm về Thiên Chúa được xét riêng từng quan niệm riêng lẻ. Để chối bỏ một cục toàn bộ sự hiện hữu Thiên Chúa, họ xác định một mẫu số chung cho tất cả các quan niệm ấy, và họ cố gắng chứng minh rằng sự diễn đạt như thế không cần căn cứ vào gì hết cả: nó có ý nghĩa mà không cần phải qui chiếu. Tuy nhiên, phân tích các khái niệm mà họ đưa vào trong mô tả Thiên Chúa, hoặc xét rằng nếu sự mô tả ấy phù hợp với sự thật, thì chính đó là phù hợp với thần học tự nhiên rồi. Trong trường hợp này, dị luận gây nên sự tranh luận. Vô thần là đối tác lý tưởng của thần học tự nhiên.

Dị luận thuyết tín ngưỡng (fidéisme) ***và thuyết hữu hạn*** (agnostique)

Một dị luận khác nhằm vào chính nguyên tắc của khảo sát. Nó đi đến nói rằng, kể cả nếu có sự thật tương ứng với khái niệm Thiên Chúa, thì sự thật đó cũng hoàn toàn vượt ra ngoài trí thông minh của con người, và vượt ra ngoài mọi sự diễn giải của con người. Đó là dị luận "phái tín ngưỡng", theo lý thuyết này thì lý trí con người không có khả năng nói về Thiên Chúa. Thiên Chúa, nếu có, thì chỉ được nhận biết nhờ đức tin, trong khung của một mối tương quan vượt ra ngoài các giới hạn của lý trí tự nhiên và các tài lực của ngôn ngữ bình thường. Một sự mặc khải, một sự khởi hứng, một sự soi sáng siêu nhiên sẽ là nguồn mạch của sự hiểu biết về Thiên Chúa mà thôi: lý trí tự nhiên không có tiếng nói nào ở đây [14]. Không cùng một cấp độ, đức tin và lý trí không công nhận lẫn nhau mà còn nói ngược lẫn nhau nữa. Không có bất cứ một sự phối hợp nào giữa các sự thật của đức tin và các sự thật của lý trí. Trên địa bàn này, người phái tín ngưỡng tìm thấy trong người phái hữu hạn một đồng minh không ngờ. Vì các lý do chắc hẳn khác nhau, phải chăng cả hai đã không chia sẻ cùng một sự từ chối tranh luận? Ngược lại với phái vô thần đã chấp nhận phần nào thần học tự nhiên, phải chăng chỉ cần kết luận nhanh chóng tới sự không hiện hữu một Thiên Chúa như thế, người phái tín ngưỡng và người phái hữu hạn bảo vệ rằng chúng ta không thể một cách tự nhiên nói gì cả hoặc biết gì cả về Thiên Chúa. Nói cách khác, thần học đối với họ là siêu nhiên hoặc là không có, nhưng không có bất kỳ trường hợp nào thần học là tự nhiên.

Sự liên kết thần thánh của phái tín ngưỡng và phái hữu hạn được hưởng một sự bảo trợ mê ly. Diễn đàn công khai của nó có thể viện cứ nhiều uy thế: *Tacite đã quả quyết rằng lòng kính tín và tôn thờ đối với các thần linh là việc của sự tin tưởng hơn là của sự hiểu biết. Thánh Âu-tinh đã nói rõ ràng rằng Thiên Chúa được hiểu thấu hơn khi không được hiểu biết* (deus melius scitur nesciendo). *Từ sau Pascal, không còn có khả năng nghĩ đến các chứng cứ siêu hình học về sự hiện hữu Thiên Chúa nữa. Thiên Chúa của các tín hữu không phải là thiên chúa của các triết gia và của các nhà bác học* (hiểu ngầm là: chỉ có Đấng thứ nhất được tính, còn đấng thứ hai là một đấng giả danh). *Thiên Chúa nhạy cảm ở trái tim, không phải ở lý trí. Cần phải tin chắc thế, v. v.* Hoặc là: *Từ bây giờ, chúng ta công nhận với Kant rằng sự hiện hữu của Thiên Chúa không xuất phát từ sự hiểu biết lý thuyết mà từ một định lý thực tiễn.* Hoặc còn là: *Kierkegaard cho chúng ta biết vấn đề hiện hữu của Thiên Chúa là một vấn đề trong các vấn đề khôi hài nhất, và chỉ có một thái độ hiện thực như là «bước nhảy vọt của đức tin » mới có thể quyết định được. Và Karl Barth nhắc nhở chúng ta rằng sự hiện hữu của Thiên Chúa tạo hóa không phải là một chân lý phổ quát phải biết trước và phải thu phục bởi*

[14] Montaigne đã chuyển ngữ *Theologia naturalis* (1435) của Raimond Sebon: " ông đã sử dụng lý trí con người và tự nhiên để thiết lập và minh chứng chống lại những người theo thuyết tín ngưỡng về tất cả các điều khoản của tôn giáo Ki-tô". Chương trình quá độ ấy làm giảm uy tín công cuộc: "các ki-tô hữu đã sai lầm muốn củng cố sự tin tưởng của mình bởi những lý trí nhân loại, nhưng sự tin tưởng chỉ được khái niệm bởi đức tin và bởi sự khởi hứng đặc biệt của hồng ân Thiên Chúa", *Essais,* II, 12, Paris, GF-Flammarion, 1967, tập 2, trg. 107. Tiếp theo đó, Montaigne theo phía ý kiến trái ngược: "chính chỉ một mình Thiên Chúa mới cho biết về Người và giải thích các công trình của Người[…] Không phải do các bài diễn giải hoặc do trí thông minh mà chúng ta đã nhận được tôn giáo của mình,[…] Chính do mối manh của sự dốt nát của chúng ta hơn là sự giỏi giang mà chúng ta hiểu thấu được tri thức linh thánh", trg.165-166, "chúng ta tuyên xưng một cách dại dột rằng chỉ một mình Thiên Chúa phán cho chúng ta điều đó và đức tin: bởi vì bài học phải chăng không phải là do tự nhiên và do lý trí của chúng ta", trg.219. Thuyết tín ngưỡng thường là một phản ứng đối với chủ thuyết thuần lý quá đáng.

chính sức lực riêng của chúng ta: ngược lại chính là một sự thật được mặc khải.

Tóm lại, để cùng nói thêm với Karl Barth: "Chúng ta không biết điều chúng ta nói khi chúng ta tuyên xưng Thiên Chúa. Kẻ nào tin, kẻ ấy biết rằng chúng ta không biết điều đó" [15]

Một bộ môn bị tai ương?

Tiêu đề "thần học tự nhiên", còn được phổ biến rộng rãi vào thế kỷ XVIII ở Âu Châu, nhưng gần như biến mất trong nhật ký của các triết gia. Lúc bấy giờ tiêu đề đó tương đương với "thần học lý trí": diễn từ của lý trí tự nhiên về Thiên Chúa. Tuy nhiên, trong sự sử dụng có một sự phân biệt giữa thần học *tự nhiên* và thần học *lý trí*.

Vì tính từ "tự nhiên", thần học tự nhiên cuối cùng được chỉ định một cách ưu ái sự khảo cứu về sự hiện hữu của Thiên Chúa từ thiên nhiên. Vào năm 1652, W. Charleton viết *The darkness of atheism dispilled by the light of nature* (*những bóng tối của chủ thuyết vô thần bị ánh sáng thiên nhiên đánh tan*), với một tiểu đề: *A physico-theological treatise*. Thế kỷ XVIII là thế kỷ lớn của thần học tự nhiên. Không phải là chứng nhận các tín điều của một tôn giáo, nhưng là để bảo đảm sự hiện hữu của một tác giả khôn ngoan của thế giới hoặc là nguyên nhân đầu tiên của vũ trụ. Người ta tranh luận về trật tự và cứu cánh của thiên nhiên: chúng có thể giải thích được bởi hoạt động duy nhất của các qui luật cơ học không hoặc là người ta phải kết luận có sự can thiệp của Đấng Kỹ Sư Đồng Hồ Vĩ Đại không?

[15] *Rőmerbrief* (1922),Zűrich, Theologischer Verlag, tai1ban3 1984, trg. 18

Năm 1713, Newton thêm vào *Pricipa mathematica philosophiae naturalis* (1687) một Bản Chú giải tổng quát cho thấy trong Thiên Chúa có nguyên nhân sự sắp đặt của hệ thống hấp dẫn của các hành tinh. Cùng một năm ấy, William Derham công bố *Physico-theology*, sau đó kèm theo *Astro-theology*. Lesser viết *Théologie des insectes* (Thần học về côn trùng) và *Théologie des coquilles* (Thần học về vỏ ốc sò), Fabricius viết *Théologie de l'eau* (Thần học về nước)...

Thế giới vật lý không phải là khởi điểm duy nhất cho thần học tự nhiên. Cũng có thể xem xét cả thế giới luân lý: tình cảm về nghĩa vụ, ý thức về một số bổn phận không thể hủy bỏ được, sự tồn tại các luật lệ tự nhiên mà chúng ta có thể vi phạm, nhưng không thể bãi bỏ. Phải chăng những dữ liệu ấy bao hàm sự tồn tại một nhà lập pháp siêu phàm, sự tồn tại một gốc nguồn Điều Thiện và Công Chính? Đó lại là những chứng cớ *a posteriori*.

Còn mục "thần học lý trí" (théologie rationnelle), hình như áp dụng cho các chứng cứ trừu tượng hơn, căn cứ vào các định nghĩa hoặc các cấu trúc lô-gic (chứng cứ về tính ngẫu nhiên của các sự vật, và về đấng cần thiết,v.v.). Descartes đã làm sáng tỏ trong *Méditations de philosophie première* (Suy gẫm về triết lý căn bản) *trong đó sự hiện hữu của Thiên Chúa và sự bất tử của linh hồn được chứng minh* (1641). Leibniz, trong *Discours de la conformité de la foi avec la raison* (Diễn thuyết về sự tương hợp của đức tin với lý trí), lại đánh giá thêm: chúng ta không cần đức tin được mặc khải, để biết có một nguyên lý duy nhất như thế về mọi sự vật, hoàn toàn tốt lành và khôn ngoan. Lý trí cho chúng ta biết điều đó bằng các minh chứng không thể sai lầm được;[…][16]. Samuel Clarke, mặc dù là môn đồ của thần học vật lý newton (physico-théologie newtonienne), đã dành một vị trí

[16] *Essais de Théodicée sur la bonté de Dieu, la liberté de l'homme et l'origine du mal* (1710), Discours... §44, Paris, GF- Flammarion, 1969, trg.76. Ở thế kỷ XIX, *théodicée* (= minh chứng về Thiên Chúa) trở thành tương đương với *théologie naturelle*, mặc dù có quyển sách nhỏ của Kant *Sur l'insuccès de toutes les tentatives philosophiques en matière de théodicée* (1791).

lớn cho các lý luận *a priori* (*A Demonstration of the Being and Attribues of God – Chứng minh sự hiện hữu và các thuộc tính của Thiên Chúa*, 1705). *Theologia naturalis* của Christian Wolff trình bày cả hai cuộc vận động kia: *Phần Thứ Nhất* (1736), đi từ việc "chiêm ngưỡng thế giới thấy được ấy" mà đề xuất các chứng cứ *a posteriori*, tức là đi từ các thực tế tự nhiên, được xem như là hậu quả *xảy ra sau*, để đến Thiên Chúa, nguồn gốc của chúng. *Phần Thứ Hai* (1737) trái lại đưa ra các chứng cứ *a priori* về sự hiện hữu của Thiên Chúa: đi từ "khái niệm đấng tối thượng hoàn

hảo" và ở cấp độ siêu việt gán cho đấng ấy những sự hoàn hảo mà chúng ta tìm được trong tâm hồn của con người.

Tuy nhiên, cả hai định hướng đó hình như không cứu được thần học tự nhiên khỏi tai họa. Vấn đề sự hiện hữu và các thuộc tính của Thiên Chúa không còn nằm trong thành phần của các vấn đề lớn của triết học nữa. Không ai chối cãi trong quá khứ vấn đề ấy có một ích lợi lớn hoặc nó đã đóng một vai trò quan trọng trong sự thiết lập các quan niệm đương đại về luật nhân quả, về luật của thiên nhiên,v.v. Nhưng sự hiện hữu của Thiên Chúa không còn là đối tượng của một nghi vấn trực tiếp nữa: nó không còn là một chương của lịch sử triết học nữa. Vấn đề không còn được đặt ra nữa, dù sao nó không còn được đặt ra một cách rõ ràng. Có thể như vậy nó đã bị loại ra khỏi các tranh luận triết học, ít nhất trong phạm vi các đại học nước Pháp[17]. Ví dụ, vấn đề sự hiện hữu của Thiên Chúa không được đưa vào chương trình triết học của các lớp cuối cấp ba giáo dục phổ thông. Nó cũng không còn được học trong khung giáo trình đại học nữa, nếu không phải chỉ về phương diện lịch sử. Vì sao vậy?

Đi tìm một môn khoa học đã mất?

Mọi sự sẽ được qua đi, nếu như vấn đề sự hiện hữu của Thiên Chúa đã bị hoặc phải bị 1) loại bỏ, 2) lỗi thời, 3) dịch đổi.

1) Quả thế, người ta cho rằng vấn đề đã phải hoặc phải loại bỏ ra khỏi

trí óc, bởi vì nó phát sinh từ một não trạng tôn giáo lạc hậu. Cuộc khảo sát thần học tự nhiên là một sự nghiên cứu ấu trí hóa, cùng một tước hiệu, tỷ như vấn đề hiện hữu ông Già No-en, hoặc sự gán các hiện tượng thời tiết (xấm, cầu vồng, bão) cho các siêu nhân (Zeus, Iris, Poséidon).

2) Ngược lại, người ta cho rằng vấn đề là xác đáng: tỷ như chính đáng đặt vấn đề thế giới và nhân loại tự mình tồn tại hoặc do hoạt động sáng tạo của nguyên nhân đầu tiên, nhưng vấn đề đã được giải quyết bằng phủ định, một lần cho tất cả. Chỉ còn một ít người hoài vọng về một Chế độ Triết học Xưa còn tin vào các chứng cứ lý trí về sự hiện hữu của Thiên Chúa…

3) Người ta còn xem xét vấn đề chưa bị lỗi thời cũng như chưa được giải quyết, không thể quyết định bằng các chứng cứ mà các khái niệm siêu hình học không đủ khả năng nói về Thiên Chúa và ngôn ngữ con người hoàn toàn không đủ khả năng cho việc nghiên cứu ấy.

Chúng ta hãy xem xét từng thái độ của các thái độ ấy:

Một vấn đề bị loại bỏ

Để loại bỏ hoàn toàn vấn đề về sự hiện hữu và các thuộc tính của Thiên Chúa, cần phải chứng minh vấn đề ấy không còn được đặt ra hoặc nó chỉ nhận được những câu trả lời hão huyền. Chính như thế mà Marx muốn nhổ ra khỏi nhân loại sự tin tưởng vào Thiên Chúa sáng tạo. Marx tóm tắt sự tin tưởng chung bằng mấy câu sau đây:

[…] *cuộc sống của tôi chắc chắn có nền tảng của nó ngoài chính bản thân nó, nó không phải chính bản thân sự sáng tạo của tôi. Vì vậy sự sáng tạo là một tư tưởng rất khó mà đuổi ra khỏi ý thức của dân chúng. Thế Thế là thiên nhiên và con người tự mình tồn tại như hình không thể hiểu được chừng nào điều đó còn trái nghịch với tất cả những sự hiển nhiên của cuộc sống thực tại.*[18]

Để cản lại những sự hiển nhiên ấy, Marx viện đến môn khoa học "nghiên cứu sự hình

[17] Tiêu đề rất nhỏ "Thần học tự nhiên" của *Encyclopédie philosophique universellle* gần như là một ghi chú về tiểu sử người quá cố: "Sự nhận biết Thiên Chúa chỉ dựa vào sự trải nghiệm và/hoặc vào lý trí (trong trường hợp sau, đúng hơn người ta gọi là *thần học tự nhiên*), tức là dựa vào ánh sáng tự nhiên, nghịch lại với sự mặc khải. Thường người ta gọi đó là các tư duy thần học của các triết gia ở thế kỷ XVIII. Loại bỏ sự mặc khải, thần học tự nhiên, được xem là chống lại mọi thứ mê tín, đi đến thuyết tự nhiên thần giáo hoặc là thuyết hữu thần. Sự phê phán của Kant về các chứng cứ của sự hiện hữu Thiên Chúa làm cho mọi thần học lý trí không thể có được, sự kêu cứu duy nhất của thần học tự nhiên lúc ấy chỉ còn là vấn đề tình cảm", dưới sự chủ nhiệm André Jacob, tập II, *Những khái niệm triết học, Tự Điển*, Paris, P.U.F tập 2, trg. 2588-2589.

[18] Karl Marx, *Ébauche d'une critique de l'économie politique* (1844) trong *Philosophie*, nxb Maximilien Rubel, Paris, Gallimard, trg. 158-160.

thành của địa cầu và sự tiến triển của Trái Đất như là một tiến trình tự-sáng-tạo". Nhưng từ tự-sáng-tạo không thích đáng và vấn đề vẫn tồn tại: " Ai đã sinh ra người đầu tiên và thiên nhiên nói chung?" Đường đột đặt câu hỏi đó bằng từ sáng tạo, theo Marx chính là rơi vào trừu tượng. "Nếu bạn đặt vấn đề về sự sáng tạo của thiên nhiên và của con người, bạn đã bỏ ra ngoài cả con người lẫn thiên nhiên. Bạn đã thiết định chúng như *không tồn tại* (non existant) và bạn lại đòi hỏi chứng cứ chúng tồn tại[…]". Tuy nhiên, tự hỏi cái gì làm con người và thiên nhiên tồn tại, chính là không thiết định chúng như không-tồn-tại, đơn giản chính là giả định chúng không tự mình tồn tại. Và cuối cùng, thái độ khoa học nghiêm túc nhất không xử sự khác thế, khi nó từ chối ý tưởng về sự sinh sản ngẫu nhiên (génération spontanée). Marx thỏa thuận về điều đó: " Bạn có thể đáp lời tôi: Tôi không muốn thiết định sự hư vô của thiên nhiên, v.v.; tôi hỏi ông về hành động sáng thế của nó như tôi hỏi nhà giải phẫu học về các sự cấu tạo của xương,v.v.". Thế thì trên địa bàn này, hơn nữa cũng không dễ gì tước bỏ được một Thiên Chúa sáng tạo, nếu không nêu lên sự ngẫu nhiên của Épicure và tính tương quan của nó: một sự vô tận các chấn động nguyên tử trong một thời gian vô tận, điều đó, tất nhiên giải thích sự cấu tạo của các vật được tạo thành mà không có sự tồn tại của các tác nhân cấu tạo. Để rút khỏi vướng mắc, Marx đề xuất một sự thay đổi viễn tượng hoàn toàn. Ông phỉ báng vấn đề về nguồn gốc của vũ trụ: các vấn đề siêu hình học từ nay về sau phải được xét về mặt hiện thực lịch sử và xã hội. Các vấn đề của nhân loại chỉ có ý nghĩa trong khuôn khổ tương quan lao động sản xuất:

Đối với người xã hội chủ nghĩa, ***lịch sử gọi là thế giới*** *chẳng có gì khác hơn là sự sinh sản của con người do lao động của con người, không có gì khác hơn là cái cấu thành thiên nhiên do chính con người; đối với ông, chính đó là chứng cứ hiển nhiên và*

không thể phủ bác được sự sinh ra con người do chính con người tạo ra, qua ***tiến trình sáng thế của nó****. […] Từ nay tất cả điều đó có thể hiểu được một cách hiện thực và cụ thể, vấn đề một nhân vật* ***xa lạ****, một nhân vật đứng trên thiên nhiên và con người trở thành không thể có được – vấn đề đó bao hàm sự thú nhận tính không hiện thực của thiên nhiên và của con người.*

Một trong hai đường được Marx đề xuất quả rõ ràng: chính là thay thế mọi nghi vấn siêu hình học bằng sự nghiên cứu điều kiện vật chất, kinh tế và con người bởi con người, và đào thải *a priori* mọi thực thể đứng trên thiên nhiên và con người, tóm lại đào thải mọi thứ mê tín.

Sự sống sót hoặc sự phục hồi của thần học tự nhiên như vậy phải qua câu hỏi này: chúng ta có buộc phải loại trừ theo nguyên tắc mọi sự hiện hữu trên thiên nhiên và con người Không? Đó là một câu hỏi mà Wittgentein còn nêu lên:

6.371 – Mọi quan niệm hiện đại của thế giới dựa trên ảo tưởng rằng tất cả các qui luật được cho là tự nhiên, tạo thành các sự giải thích của các hiện tượng tự nhiên.

6.372 – Chính như thế các nhà hiện đại dừng lại trước các qui luật của thiên nhiên như đứng trước một vật không thể sờ mó được, cũng như các Người Xưa trước Thiên Chúa và trước Vận Mệnh.

*Mọi người đều có lý và mọi người đều sai lầm. Những Người Xưa chắc chắn là sáng suốt hơn trong điều họ công nhận là một chung cuộc hiển nhiên(****Abschluss****),trong lúc ở hệ thống mới người ta phải làm như* ***tất cả*** đã được giải thích[19].

Wittgenstein gợi ý rằng, trong trường hợp tốt nhất, các qui luật thiên nhiên sẽ giải thích hết tất cả, trừ chính bản thân chúng. Làm thế nào giải thích được sự kiện thế giới có thể mô tả và giải thích được trong cấu trúc và các yếu tố của nó? Nếu chúng ta qui chiếu lên thực tiễn mọi phạm trù riêng theo sự vận hành của bộ não con người, chúng ta chỉ sẽ nhận được từ các thông tin khác các thông tin tương ứng với những sự mong đợi của chúng ta, tương ứng với các sự ép buộc của chúng ta thích nghi với môi trường bên ngoài. Vậy mà, các lý thuyết vật lý phá tan cái ngưỡng thích nghi đó. Và cho đến cả trong các lý thuyết khối lượng, không nêu được các cách trình bày chung, mà thích nghi hơn với thế giới các vật thể to lớn có thể sờ mó được, còn lại là sự ngự trị của tính đều đặn, của tỷ số và của sự đo lường.

Sự giải thích khoa học về thế giới rõ ràng đã bỏ qua Thiên Chúa. Nhưng sự giải thích về sự tồn tại của thế giới là cái gì khi thế giới này có thể giải thích được? Không một lý thuyết vật lý nào nghiên cứu vấn đề nguyên nhân của sự tồn tại vũ trụ mà luôn luôn chỉ nghiên cứu về các biến đổi của nó từ một

[19] Ludwig Wittgenstein, *Tractatus logico-philosophicus* (1921), P. Klossowski dịch và sữa đổi, Paris, Gallimard, 1961,trg. 168.

tình trạng có trước, nguyên thủy hơn. Thật là tối nghĩa khi một nhà vật lý nêu lên một phương trình kiểu: thiên chúa + hư không = vật chất-không gian-thời gian + các tác động qua lại và các hằng số cơ bản (dieu + néant = matière-espace-temps + interractions et constantes fondamentales). Cũng không khá hơn, nhà vật lý không thể giải thích chỉ dựa vào các qui luật của ngành vật lý sự kiện vũ trụ sẵn sàng được mô hình hóa, được thuyết pháp và giải thích khoa học. Đó chính là các vấn đề siêu hình học. Ở đây, chúng ta không xét nét các câu trả lời. Chúng ta chỉ nói rằng một số câu trả lời phù hợp (không có thiên nhiên nhưng có hỗn mang, không có thực tế nhưng có các vẻ bề ngoài, v.v.) đáng được xem xét lại ngoài cái lợi ích của chúng được xem như là sự hủy bỏ vấn đề hiện hữu Thiên Chúa.

Một vấn đề đã bị lỗi thời

Một thái độ khác nhằm xem xét một cách nghiêm túc nghi vấn về thần học tự nhiên, nhưng lại kết luận rằng tất cả mọi nỗ lực thiết lập bất kỳ một cái gì về sự hiện hữu và các thuộc tính của Thiên Chúa đều thất bại. Người ta nêu lên sự thiếu vắng các chứng cứ có khả năng thuyết phục sự hiện hữu của Thiên Chúa. Vấn đề là sự không có chứng cứ không thiết lập được chứng cứ về sự không có chứng cứ. Sự biện bác chống lại các luận cứ được các nhà thần học tự nhiên đề xuất là một công việc vô ơn và không bao giờ chấm dứt. Chúng ta không bao giờ tránh được một luận cứ mới hoặc sự trình bày của một luận cứ đã được phê phán. Trừ trường hợp tin rằng bất kỳ một sức mạnh nào của luận cứ đề xuất cho sự hiện hữu Thiên Chúa, thì các dị luận luôn luôn cũng thế hoặc mạnh hơn. Một sự bảo đảm như thế có thể là đối tượng của một xác tín, ít ra cũng là một định kiến. Thường đó là một cuộc chiến tranh hao mòn giữa chủ nghĩa triết học vô thần và hữu thần, mà cuộc chiến chỉ dừng khi không còn chiến binh, dưới con mắt ngạo mạn hoặc chế diễu của phái hữu hạn và phái tín ngưỡng: "người ta đã bảo mà: các cuộc tranh cãi ấy chẳng đưa đến gì ráo"…

Để nhanh chóng chấm dứt cuộc chiến tranh hao mòn đó, Kant đề xuất một sự tái thiết hệ thống các chứng cứ về sự hiện hữu của Thiên Chúa. Không hơn không kém, đó là một loạt lý luận trước khi chấm dứt hoàn toàn:

1) Tất cả mọi chứng cứ gom vào ba loại: các chứng cứ thần học vật lý-

preuves physico-théologiques (tính đều đặn của các sự xắp đặt vật chất, các "sự hài hòa" và qui luật của thiên nhiên đòi hỏi một nhà lập pháp, một nhà kiến trúc hoặc một nhà điều phối thiên nhiên),chứng cứ vũ trụ luận-*preuve cosmologique* (sự hiện hữu nói chung là một sự kiện ngẫu nhiên đòi hỏi một đấng cần thiết làm nguyên nhân), và chứng cứ bản thể học-*preuve ontologique* (quan niệm đơn giản một Đấng siêu đẳng hoàn hảo buộc chúng ta phải đặt ra sự hiện hữu của Người).

2) Chính xác, chứng cứ thần học vật lý có thể minh chứng sự hiện hữu một nhà kiến trúc, nhưng không phải là đấng sáng tạo ra vũ trụ, đến nỗi nó cần phải dựa lên chứng cứ vũ trụ luận, một sự bổ túc bắt buộc.

3) Chứng cứ vũ trụ luận xem ra là *a posteriori*, nhưng thực sự một cách bất chính, nó đi từ thế giới cảm nhận được đến sự hiện hữu của một đấng tuyệt đối cần thiết. Vậy là ngấm ngầm, luôn luôn theo Kant, nó viện đến chứng cứ bản thể học.

4) Chứng cứ bản thể học (gọi là chứng cứ "kiểu Descartes") là một "trùng phức tồi"-*tautologie misérable*: nó đưa đến định nghĩa Thiên Chúa như là một Đấng có tất cả mọi sự hoàn hảo, và sẵn sàng xác định có Thiên Chúa, bởi vì sự hiện hữu là một sự hoàn hảo. Sự vận hành này nhằm để giới thiệu một cách bất chính khái niệm của sự hiện hữu trong cái chỉ là một khái niệm đơn giản thật đáng hoài nghi tột bực. Chúng ta sẽ trở lại sau này về các sự phê phán chứng cứ bản thể học, loại chứng cứ bền bỉ và dai sức mà

người ta rất thường không muốn nói ra.

Sự tái thiết hệ thống các chứng cứ về sự hiện hữu của Thiên Chúa do Kant làm, thật ra là một cú đánh lừa. Kant chồng chất chứng cứ thần học vật lý (chứng cứ có Thiên Chúa bởi trật tự và tính đều đặn của qui luật thiên nhiên) lên chứng cứ vũ trụ luận (chứng cứ có Thiên Chúa bởi sự ngẫu nhiên của thế giới chỉ có thể tồn tại nhờ một đấng cần thiết), rồi ông dựa chứng cứ này lên chứng cứ bản thể học, mà ông nghĩ rằng đã chứng minh được sự vô giá trị của nó. Sự thành công của kịch bản đó tài tình và kinh tế đến mức, không có một sự xem xét rộng rãi hơn, phần đông các nhà bình luận chấp nhận nó. Có lẽ rất may mắn được xem thấy chứng cứ bản thể học đã nhấn chìm vào trong sự sụp đổ của nó toàn bộ các chứng cứ vì sự hiện hữu của Thiên Chúa.

Một vấn đề đã bị dịch đổi

Thái độ thường có nhất và có vẻ khôn ngoan nhất là nêu lên sự bất lực của các cuộc tranh luận về đề tài sự hiện hữu Thiên Chúa (nó đã làm chảy bao nhiêu mực và máu) và nhấn mạnh đến các tranh giành chính trị, xã hội và kinh tế, xem như vấn đề Thiên Chúa chỉ là một cái cớ cho một hình thức kiểm soát xã hội hoặc vận động trí tuệ.

Ví dụ, người ta nêu lên sự thần linh hóa quyền lực trong Đế quốc Rô-ma, rồi sự đăng quang ki-tô giáo như là một tôn giáo chính thức, các sự chia sẻ khó khăn của quyền đạo và quyền đời, mà không quên các sự quật lại của quả lắc: các cuộc bách hại tôn giáo, sự thiết lập thuyết vô thần chính thức…Lịch sử tràn đầy tiếng ồn và giận dữ mà một sự im lặng của phái hữu hạn có vẻ được ưa chuộng cho các cuộc đấu kiếm ồn ào của chính trị thần quyền và chủ thuyết dân sự. Có Thiên Chúa không? Quá nhiều đam mê và quyền lợi, quá nhiều thỏa hiệp chính trị, xã hội và văn hóa có liên quan. Thôi chúng ta miễn nói nữa.

Tuy nhiên, thật khó ngăn cấm một vấn đề rõ ràng thường được tung ra theo từng thời kỳ. Vì thế cho nên cần đóng khung vấn đề này trong phạm vi của các sự ưu ái chủ quan, trong lãnh vực của "lương tâm", của lương tri riêng tư. Chính là ý nghĩa thu hẹp hiện đại vấn đề Thiên Chúa vào một đối tượng của sự tin tưởng riêng tư, không có chút khách quan nào. Đó chính là gợi ý của Maxime Gorki: "Nếu bạn tin vào Người, Người hiện hữu; nếu bạn không tin điều đó, Người không hiện hữu".

Cả một loạt quan niệm ám tàng về Thiên Chúa lúc ấy sẽ có quyền công chính trong triết học với điều kiện các hình dung thần linh không bao giờ trực tiếp thuần lý, nhưng luôn luôn "phi lý hoặc gián tiếp thuần lý". Trong một cuốn sách rất có ý nghĩa, Bernard Sève, ngay trong chương đầu, đã thanh toán "Vấn đề chứng cứ về sự hiện hữu Thiện Chúa":

Tất cả các chứng cứ ít nhiều có tính phụ trợ đó, dù có thế nào, cũng chịu số phận chung của Các Chứng Cứ To Lớn mà chúng ta đã nhanh chóng trình bày: sự mất tín nhiệm. […] Các biện bạch thần học vật lý và vũ trụ luận, các chứng cứ về sự hiện hữu một Thiên Chúa vô hình bằng các hiệu quả hữu hình, không còn được giảng dạy trong triết học nữa. Dưới dạng thức cổ điển, theo Aristote, theo Descartes hoặc Leibniz, những chứng cứ đó không còn đáng được xem xét, về nội dung, nếu không phải vì danh mục các công trình vĩ đại của thiên tài tác giả của chúng và vì các đối tượng biện bạch được đối với các thuộc tính quan yếu[20].

Vậy chọn một trong hai điều: hoặc là các biện bạch đối với các thuộc tính quan yếu ấy là thuyết phục hoặc chúng không có hiệu lực. Hoặc là thiên tài các tác giả của chúng là một công trình sai lầm, hoặc họ đã nói những điều chân thật. Nhưng chúng ta khó có thể tìm được cái "không còn được[…] xem xét" là quan yếu nữa, hoặc làm sao tôn quí cái "không còn được giảng dạy", vì lý do "mất tín nhiệm". Nhận định tình trạng khuấy động thần học tự nhiên đáng được giữ sự trung thành: nó phản ánh trường hợp hiếm hoi ngày nay về sự kiện "các chứng cứ phi thường về sự hiện hữu Thiên Chúa". Nó có cái sai là xem sự kiện hoàn thành nối tiếp nhau của các triết gia như một qui luật của chân lý. Triết học có phải là một trò chơi mà người nói sau cùng là kẻ chiến thắng không? Cái mà không còn được giảng dạy trong triết học nữa – hoặc đúng hơn ở Pháp – có phải được xem như là sai lầm, không có một hình thức bàu chữa khác nữa chăng?

[20] *La question philosophique de l'existtence de Dieu*, Paris, P.U.F.,1994 (tái bản 1996 và 2000) trg. 65.

NGUYỄN HỒNG GIÁO – NGUYỄN HỒNG GIÁP

khác nhau chỉ là một cái que cắm xuống đất !

TS Nguyễn Hồng Giáp, CPS

Nguyễn Hồng Giáo

Nguyễn Hồng Giáp

Chữ O trong Giáo tròn vo như mặt trời mặt trăng, chữ O trong Giáp phải đính vào một cái que cắm xuống đất để thành chữ P. Phải chăng vì thế mà hai con đường của Giáo-Giáp đi theo hai hướng. Nhưng có hai hướng thì mặt trời, mặt trăng hoặc trái đất mà cái que cắm xuống... vẫn là "công trình của một buổi sáng và một buổi chiều…" Nhưng thôi, xin miễn bàn về triết lý chiết tự ở đây mà chỉ muốn ghi một vài dấu ấn của một "thời tôi đã chọn".

Cách ba hôm trước ngày lâm chung, vào sáng thứ năm Tuần Thánh vừa qua, tôi lên Học viện Phanxico Thủ đức thăm cha Giáo lần cuối. Mặc dù sức khỏe của ngài nhẹ nhàng trôi theo nhịp đập hài hòa với trật tự tuần hoàn của "điều Thiên Chúa cho là tốt đẹp", ngài đã cố thì thầm trao đổi vài câu và lấy tay, mặc dù đang bị giây chuyền thuốc vướng víu, làm dấu thánh giá trên trán ngài rồi lại làm dấu thánh giá lên trán tôi...Giáo-Giáp hẹn đến mai sau gặp lại rồi!

Năm 1948, thầy Gio-an trong y phục nâu sờn là lạ, có lúp đội đầu, có ba giây thừng thắt ngang lưng, lòng thòng hai giây một ngắn một dài và giây dài có gút ba nút… đến hạt Bảo Nham, Giáo phận Vinh (lúc ấy gọi là Xã Đoài) lượm ba thằng nhóc: Nguyễn Văn Đình, họ Vạn Ngói, thuộc giáo xứ Rú Đất, Nguyễn Văn Giá, họ Mỹ Khánh, thuộc giáo hạt Bảo Nham và Nguyễn Đình Giáp, giáo xứ Lâm Xuyên.

Đến thành phố Vinh-Bến thủy, nhưng chúng tôi phải ngạc nhiên trước một cảnh tượng thê lương vườn không trống nhà, còn tệ hơn là cảnh quê nơi chúng tôi chân lấm tay bùn. Nghe đâu thành phố Vinh-Bến Thủy đẹp vào loại một hai của thời bấy giờ mà nay chỉ còn vỏn vẹn một nhà thờ Cầu Rầm, bên cạnh có Dòng Phao-lô, phía cầu Cửa Tiền vàng hoe Trường Tàu, phía đông còn Dòng Chị Clara và các Chị Phanxican. Cơ sở được xem bề thế nhất là Dòng Phanxicô, nơi chúng tôi được ăn học từ 1948 đến 1954 dưới sự chăm sóc thương yêu của các cha các thầy. Phần lớn các ngài đã an nghỉ nơi nghĩa trang Học viện Thủ Đức ngày nay. Thành phố Vinh-Bến Thủy bị "tiêu thổ kháng chiến" để ngăn cản quân Pháp không còn cơ sở tái chiếm…

Mỗi lần nghỉ hè, chúng tôi đều phải cuốc bộ từ Vinh về nhà trên dưới 50 cây số. Khu bốn kháng chiến lúc ấy không có một phương tiện giao thông công cọng nào ngoài đôi bàn chân của nhân dân ! Đường đầy hố đào rải rắc quanh co để ẩn nấp khi có máy bay "bà già" Pháp lù rù nhả đạn. Đường sao mà dài thế, đi hoài, đi mãi, chân rơm rớm máu mà vẫn chưa thấy Vạn Ngói, Mỹ Khánh, Lâm Xuyên đâu cả! Trời mùa hạ, với cái nóng 39^{o} C, với những ngọn gió Lào táp vào mặt như những mồi lửa nướng khoai ngô. Một

lần, tới gần Trại Gáo, nay là thánh địa Trại Gáo linh thiêng thờ thánh An-tông Phan sinh, Văn Đình rơm rớm nước mắt rồi rẽ vào nghỉ nhà Trương Đình Chung cùng lớp (nay gọi là Trương Đình Tấn đang định cư với vợ con ở Hoa Kỳ), còn hai chúng tôi được bố và anh (Giáo mồ côi cha từ nhỏ) đi đón nửa đường vừa đi vừa được cõng cho tới nhà, khi Chị Hằng bay vút lên cao giữa bầu trời trong màu xanh biển cả mà còn liếc xuống cười chọc hai thằng nhóc! Để đó, giao Chị cho Chàng Hàn Mặc Tử ăn thịt vậy!

Năm 1955, Dòng Vinh dời vào Nha Trang, chúng tôi được các cha các thầy gọi vào cùng đi và tiếp tục học ở Nha Trang cho đến 1959, rồi vào Thủ Đức học năm cuối trước khi đi qua Pháp.

Năm 1957, để có thể làm hồ sơ thi B.E.P.C (tốt nghiệp cấp hai bây giờ), chúng tôi phải làm giấy khai sinh, vì đã bao giờ làm khai sinh đâu, câu chuyện Nguyễn Hồng Giáo – Nguyễn Hồng Giáp ra đời từ đây. Chúng tôi bàn với nhau, cùng quê Bảo Nham, cùng đi một con đường linh tộc Phan sinh, kết nghĩa thêm một bước. Nguyễn Văn Giá đổi thành ***Nguyễn Hồng Giáo***, Nguyễn Đình Giáp đổi thành ***Nguyễn Hồng Giáp*** và được cha Bề trên Agnello Vũ Văn Đình ưng chuẩn. Sau này mọi người đều nghĩ rằng chúng tôi là anh em. Mà theo Đức Tin thì chúng tôi là anh em thật!

Hồng Giáo ngoan trầm tĩnh, suốt 12 năm làm Chủng Phan sinh không hề bị phạt điểm hạnh kiểm mà lại còn được các cha ủy giao việc ghi và giữ sổ Hạnh Kiểm (Cahier de conduite) toàn trường. Còn việc học thì thường xuyên đứng đầu lớp, chỉ thỉnh thoảng nhường cho Hồng Giáp. Sau khi thi Bac I (Tú tài Pháp), Hồng Giáo bị gọi nhập ngũ, nhưng vẫn theo học từ xa và về thi vẫn đậu Bac II vào năm 1960 cùng anh em, sáu tên tất cả là Nguyễn Chí Chức, Nguyễn Văn Đình (đổi là Vân Đình), Nguyễn Hồng Giáo, Nguyễn Hồng Giáp, Nguyễn Tiến Hữu và Đoàn Văn Lữ. Thời gian đó, tôi có viết một chuyện ngắn kể về một sĩ quan được một cô y tá thương yêu, nhưng chàng vẫn quyết chí trở về trường tiếp tục đường tu, đăng vào tập tin Duyên Nghèo. Thầy Nguyễn Khắc Dương đọc, rồi cười hỏi tôi chuyện ấy của ai vậy, vì thầy Dương cũng bị nhập ngũ một thời gian. Chuyện hư cấu mà tìm nhân vật thật làm chi!

Ba năm cuối cấp trung học phổ thông, chúng tôi bàn nhau viết lưu bút lấy tên là **BẠN,** mỗi năm một tập và mỗi người tự tay mình chép bài của mình vào đó. Khi sang Âu châu, Hồng Giáo, Hồng Giáp và Tiến Hữu còn viết thêm tập Bạn thứ 4. Chúng tôi còn lưu giữ nguyên vẹn. Năm 2000, báo Thanh Niên ngày thứ tư 26 tháng 4, đã ghi lại Nhân cuộc thi viết "Cánh phượng hồng của tôi" với đầu đề "Tập lưu bút của cả đời người" do phóng viên T.P. giới thiệu để nêu lên như một tấm gương khi viết về TS Nguyễn Hồng Giáp...

Sáu anh em chúng tôi được cha Kinh lược Guy Brisebois xin chính quyền Ngô Đình Diệm cho đi Pháp tiếp tục đường tu. Hai anh em chúng tôi bàn với nhau vào xin cha Pacifique Nguyễn Bình An, Tỉnh ủy Dòng vào thời gian đó cho ở lại Việt Nam. Chúng tôi vừa tới cửa phòng của ngài, lúc đó nằm phía sau nhà khách Đakao, thì cha An cũng vừa mở cửa bước ra, hai phía hơi bị bất ngờ... tôi nhìn chăm chú vào cái vòng tròn tóc mới cạo của ngài mà khao khát. Cha Bình An với một nụ cười đôn hậu mời chúng tôi vào phòng. Một căn phòng nhỏ hẹp có một bàn làm việc với hai cái ghế mộc, một cái giường đơn trải chiếc chiếu đã phai màu, một cái tủ nhỏ và một kệ sách đặt phía sau chỗ bàn ngồi làm việc...

- Giáp to con ngồi chiếc ghế này vì chỉ có một chiếc, Giáo nhỏ con ngồi tạm trên giường vậy... Cha Bình An có nghĩ rằng một ngày nào đó Hồng Giáo sẽ không những ngồi mà còn thay ngài nằm nhiều năm trên đó nữa chăng.

- Nào, cha An vừa cười vừa nói tiếp, hai con định tới hỏi cha về

đời sống bên Pháp...

- Dạ, thưa cha, chúng con đến để xin cha hai việc, tôi nói trước và

Hồng Giáo hòa vào, chúng con không muốn đi Pháp ngay lúc này, vì bao nhiêu năm sống trong Chủng viện Phan sinh, chưa có thời gian để hiểu biết

cuộc sống của bà con lương cũng như giáo, nhất là văn hóa Việt nam để làm công việc tông truyền, chúng con nghĩ mình làm linh mục cho họ mà không hiểu biết về họ thì thế nào tốt được. Sau này khi làm linh mục rồi lại đi học thêm cũng được và như vậy chín chắn hơn. Việc thứ hai là xin cha cho dời nhà tập về Nha Trang, vì chúng con thấy ở Tiểu Cần xa dân chúng quá...

Không chờ chúng tôi nói thêm, cha An vui vẻ tiếp lời:

- Ở bên ấy người ta cũng tu mà và cha cũng đi bên đó về, các con

thấy cha có tồi lắm không, thôi cha Brisebois rất thương các con và ngài đã lo hết mọi việc rồi, ngài còn đưa tiền may cho các con mỗi người một bộ complet... đừng phụ lòng ngài.

Sau đó cha Bình An cử cha Agnello Vũ Văn Đình dẫn chúng tôi lên tàu Le Vietnam lênh đênh trên đại dương 21 ngày đêm và đúng 30 tháng 6 năm 1960 chúng tôi đến cảng Marseille, nước Pháp. Chúng tôi được cha Agnello dẫn đi tham quan nhiều di tích thắng cảnh, cung điện Versailles, nhất là các vương cung thánh đường, nhà thờ Đức Bà Paris, Lisieux nơi nữ thánh Tê-rê-xa Chúa Hài Đồng được tôn kính. Tháng 10 năm ấy chúng tôi lên Mons-en-Barœl, miền bắc nước Pháp để vào nhà tập.

Hồng Giáo và Hồng Giáp lại bàn nhau chọn tên linh tộc Phan sinh, trong đó có thánh danh Đức Mẹ làm của chung. Tôi rất kính mến cha Maurice Bertin, người sáng lập Dòng Phanxico Việt nam, nên chọn tên linh tộc là Marie-Maurice và Hồng Giáo muốn nối gót cha Guy Brisebois nên chọn Guy-Marie. Một lần nữa mang dấu ấn anh em! Nhưng có lẽ cha Maurice Bertin cao cả quá nên ngài chưa muốn có đứa con như tôi tiếp tục mang tên của ngài...

Vào nhà tập được ba tháng và sau ba lần xin thôi đường tu, nhưng đều bị từ chối và các cha một mực động viên tôi đi tiếp, năm 1957 với cha Agnello Vũ Văn Đình, năm 1959 với cha Antoine Trần Phổ, năm 1960 với cha Guy Brisebois khi ngài đi kinh lý ở Việt nam, cha Jean Gaby, giám sư tập viện với nhiều lần trao đổi, với một tháng làm lễ cùng chung lời cầu nguyện, nghiêm nghị nói với tôi: "Con cứ ra đi bình an và phục vụ Giáo hội ở một vị trí khác". Hồng Giáo và Hồng Giáp bắt đầu hai hướng từ đó.

Năm 1965, tôi viết cho Hồng Giáo một lá thư đại ý nói rằng Miền Nam sẽ rơi vào tay Miền Bắc, Hồng Giáo xem nên làm linh mục hay làm giáo dân để thuận thời phục vụ Giáo hội, nhưng Hồng Giáo cũng nên nhớ là lời của Hồng Giáp cũng có thể là của Satan... Sau mười ngày tôi nhận được thư trả lời của Hồng Giáo "...Giáo rất cảm ơn Giáp, nhưng mình đã xin phép Bề trên cấm phòng một tuần và quyết định tiếp tục con đường làm linh mục bất kể mọi chuyện xảy ra như thế nào...". Sau khi lãnh chức thánh, Hồng Giáo được gửi đi sang Bỉ học triết ở Đại học Louvain và đậu Tiến sĩ với lới khen *Cum lauda maxima !* Rồi trở về Việt nam phục vụ.

Năm 1971, tôi còn ở Pháp, tôi về Viện Đại học Đà Lạt năm 1973 và Hồng Giáo đã là Giám hạt Dòng, tôi lại viết cho ngài một lá thư đại ý là Miền Bắc sẽ thắng, Hồng Giáo nên biến cơ sở Nha Trang thành viện dưỡng lão của Dòng để giữ lấy chút kỷ niệm cho cha già sau khi Vinh và Thanh hóa không còn công trình nào của ngài nữa. Ngài Giám hạt trả lời tôi đại ý nói rằng ý kiến tập thể... không dễ.

Sáng ngày 6 tháng 4 năm 2015, tôi đến dự lễ tiễm liệm nhìn người anh em linh tộc lần cuối và sáng ngày 9 tháng 4, sau khi dự lễ an táng, ngồi vào xe anh Trọng để tiễn Hồng Giáo đến lò thiêu, trong xe có cha Kính, anh Trúc và Tiến Hữu, chúng tôi đi lạc đường nên đến trễ khi đã làm lễ hạ huyệt xong, chúng tôi vội tìm đường lên thì lại đi lạc đúng vào hầm lò và một lần cuối nhìn quan tài từ từ được đẩy vào lò...có thể là ý của Hồng Giáo muốn thấy chúng tôi phút tận chung ư!

Hồng Giáo ơi! Hồng Giáo ơi!
Requiescat in Pace!

Hẹn ngày tái ngộ nhé!

Ngọn Đèn Chầu

Thaihoangofm

Trong tuần tĩnh tâm chuẩn bị chịu chức thánh tại Trung tâm Tĩnh tâm K'Long Don Bosco, điểm thu hút tôi nhất trong các giờ cầu nguyện riêng trong nhà nguyện là hình ảnh của chiếc đèn chầu, một chiếc đèn nhỏ bé treo bên cạnh nhà tạm. Có lẽ do tôi đang suy tư về những sứ vụ mà tôi sắp được mời gọi để lãnh nhận nên chiếc đèn chầu ấy gợi lên trong tôi hình ảnh của một người linh mục sống đơn sơ lặng lẽ nhưng thánh thiện tại một giáo xứ nhỏ ở một miền quê hẻo lánh, giữa những con người nghèo khó. Nhưng quan trọng hơn, đó là một linh mục được sống bên Chúa, không bận tâm vấn vương với sự đời. Thế nhưng tôi lại tự hỏi: Phải chăng tôi đang muốn mình được "yên thân" với những công việc mà tôi yêu thích? Phải chăng tôi đang muốn tìm cho mình một lối đi dễ dãi và mượn hai chữ "khiêm tốn" để che đậy tính ích kỷ của bản thân?... Và rồi, hình ảnh của chiếc đèn chầu bên nhà tạm ấy bỗng khiến tôi nhớ đến một con người. Đó là Cha Guy Mary Nguyễn Hồng Giáo, một con người đã không chọn cho mình một lối sống dễ dãi nhưng đã ận tuỵ và trung tín với những gì được Thiên Chúa trao phó để phục vụ Giáo Hội và Tỉnh Dòng.

Khi có dịp trao đổi trò chuyện với anh em trong dòng hay với các linh mục giáo phận, hầu như tôi đều nhận thấy ai ai cũng có những tình cảm quý mến và kính trọng dành cho Cha Guy Mary mỗi khi tình cờ nhắc đến ngài. Từ những gì được nghe biết về ngài qua sách báo, qua anh em hay qua những lần

tiếp xúc với Cha, tôi nhận thấy nơi con người nhỏ bé ấy ẩn chứa một điều gì đó thật vĩ đại. Sự vĩ đại ấy không hệ tại ở những bằng cấp danh giá ngài đã đạt được hay tuỳ thuộc vào những chức vụ quan trọng ngài đã từng nắm giữ. Đối với tôi, ngài giống như một ngọn đèn được Chúa thắp lên trên trần gian này. Và trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động, bàn tay Chúa đã đặt ngài lên cao như một ngọn hải đăng để soi chiếu, để hướng dẫn nhiều ki-tô hữu trung tín với đức tin Công Giáo và gắn bó với tinh thần nghèo khó Phúc Âm. Với khả năng trí tuệ, với lòng nhiệt huyết và với tinh thần hèn mọn, Cha đã để lại nhiều di sản quý giá cho nhiều thế hệ linh mục và tu sĩ, cho Giáo Hội và cho Tỉnh Dòng.

Và rồi, thời gian trôi qua, khi dầu đã cạn, khi bấc đã mòn, bàn tay Chúa lại đưa Cha về một góc nhỏ để nghỉ ngơi, như một ngọn đèn nhỏ leo lét bên nhà tạm. Thế nhưng, trong chính khung cảnh dường như kín đáo lặng lẽ ấy, tôi đã bắt gặp nơi Cha hình ảnh của một chứng nhân. Và vị chứng nhân ấy đã cho tôi một bài học đức tin quý giá, quý giá hơn tất cả các bài học trên lớp ngài đã cố gắng truyền đạt, quý giá hơn tất cả những gì ngài đã từng chia sẻ với tôi mỗi khi có dịp.

Vào sáng ngày thứ Bảy Tuần Thánh, khoảng gần ba ngày trước khi ngài ra đi, một anh em trong cộng đoàn rước Thánh Giá vào phòng y tế nơi ngài đang nằm điều trị để ngài hôn kính. Tôi tình cờ vào thăm ngài đúng vào khoảnh khắc ngài đang

ngước nhìn Thánh Giá. Một khoảnh khắc vụt thoáng qua nhưng đã kịp ghi lại trong tâm trí tôi những cảm xúc mạnh mẽ. Cha nằm đó với hình nhỏ bé tiều tuỵ được gắn nhiều loại ống. Những thứ ấy giúp ngài duy trì sự sống nhưng chắc chắn cũng gây ra cho ngài nhiều đau đớn. Khi Thánh Giá với tượng Chúa chịu nạn được đưa tới trước mặt, ngài rướn người lên để hôn kính. Đôi mắt mở lớn chăm chú nhìn lên Đấng chịu đóng đinh. Đó là lần cuối cùng tôi còn nhìn thấy ánh sáng toả ra từ đôi mắt ấy. Và trong lần toả sáng sau cùng ấy, tôi thấy đôi mắt ngài diễn tả một niềm tin mạnh mẽ, điểm mấu chốt thể hiện trọn vẹn con người và lý tưởng sống của ngài. Ánh mắt của ngài như muốn nói với tôi rằng: Đấng đang treo trên thập giá ấy là Đấng đã chết nhưng Người đã sống lại.

Khi mọi sự dường như trở nên vô nghĩa, khi mọi lý lẽ dường như phải im lặng và khi mọi niềm hy vọng dường như đã chấm dứt thì Đấng chịu đóng đinh lại tỏ mình ra như một lời giải đáp chung cuộc cho mọi vấn nạn của con người, trong đó có cả cái chết. Tôi đọc thấy nơi ánh mắt ngài một niềm tin tưởng, một niềm phó thác và một niềm hy vọng mạnh mẽ. Đó chính là ánh mắt của một chứng nhân. Ngài như một ngọn đèn nhỏ với dầu đã cạn, với bấc đã mòn nhưng vẫn còn đủ sức để đưa ra một lời chứng mạnh mẽ về sự hiện hữu đầy tình yêu của một Thiên Chúa hằng sống.

Hôm nay, khi đang ngồi suy nghĩ và viết xuống những dòng chữ này, tôi không còn được thấy ngọn đèn nhỏ bé ấy nữa. Nhưng tôi tin chắc rằng ngọn đèn ấy không bao giờ tắt vì đã được bao phủ bởi Nguồn Sáng Vĩnh Cửu, được bàn tay Chúa nhân từ đổ tràn chất dầu không bao giờ cạn là Sự Sống Thần Linh...

Xin thắp lên một nén hương lòng dâng kính Cha không phải để tưởng nhớ đến Cha như một kẻ đã chết nhưng để tri ân Cha như một người tôi tớ tận tuỵ và trung tín của Chúa. Thưa Cha! Đối với con, Cha như một ngọn đèn dù ở vị trí đầy kiêu hãnh của một ngọn hải đăng hay âm thầm leo lét như ngọn đèn chầu dưới nhà tạm nhỏ bé, Cha vẫn trung tín toả sáng cho đến khi ánh sáng trong Cha được nên một với Ánh Sáng của Đấng Phục Sinh. Cảm ơn Cha đã hiện diện giữa chúng con như một người anh nhỏ bé, khiêm tốn và đầy yêu thương. Cảm ơn Cha đã khơi lên trong con niềm tin và tinh thần khao khát phục vụ. Cảm ơn Cha về tất cả!

THẦN TƯỢNG

Tôi biết đến cha Guy Mary Nguyễn Hồng Giáo rất tình cờ, nhưng "duyên nợ" với ngài thật sâu nặng. Ngày ấy, tôi rất thích các bài viết của tác giả Nguyễn Hồng Giáo viết về vấn đề thời sự đăng trên tuần san Công Giáo và Dân Tộc. Có thể nói rằng đối với tôi tác giả Nguyễn Hồng Giáo là thần tượng để tôi tập viết theo. Lúc bấy giờ cứ thấy bài viết của tác giả Nguyễn Hồng Giáo đăng trên báo là tôi cắt riêng và đọc đi đọc lại. Có những bài của ngài tôi dùng làm như "bài văn mẫu" để viết đi viết lại gần như thuộc long.

Mùa hè năm 1991, tôi xin vào tìm hiểu dòng Anh Em Hèn Mọn Việt Nam mà không hề hay biết THẦN TƯỢNG của mình là một cây đại thụ của dòng. Mãi tới năm 1994, khi má nuôi tôi đang ở giai đoạn cuối của bệnh ung thư thì cha Guy Mary Nguyễn Hồng Giáo tới thăm gia đình. Lúc ngài ra về thì má tôi mới cho tôi biết đó là cha Nguyễn Hồng Giáo giám tỉnh dòng Phanxico. Lúc này tôi mới biết THẦN TƯỢNG của tôi là Cha Giám Tỉnh dòng mà tôi đang mon men tìm hiểu để dấn thân.

Một dịp may đã đến với tôi. Cũng khoảng thời gian 1994, khi tôi đang thăm các dì Phanxican tại công đoàn Nguyễn Văn Đậu. Lúc này, cha Nguyễn Hồng Giáo đang có công việc với các dì tại đấy. Lúc ngài ra về, một dì lớn tuổi biết tôi rất hâm mộ ngài nên dẫn tôi tới chào và giới thiệu với ngài. Sau khi nghe dì Phanxican giới thiệu với ngài rằng: "em này rất hâm mộ cha, nhưng chưa được gặp mặt cha bao giờ." Ngài cười và hỏi lại tôi: "có ngạc nhiên

không?" rồi ngài kể cho tôi và dì câu chuyện của nhiều người rất ngạc nhiên khi gặp ngài lần đầu: "Có lần mình được giới thiệu với một số giáo dân. Họ rất ngạc nhiên khi thấy tôi và hỏi lại: đây mà là cha Hồng Giáo à?" rồi ngài cười và chào từ biệt chúng tôi ra về.

Tới năm 1999, sau năm nhà tập và khấn dòng, tôi mới có cơ hội tiếp xúc nhiều hơn với thần tượng của mình. Tôi được học với ngài và cùng "đồng bàn với ngài" tại cộng đoàn Thủ Đức. Do máu Lão Trư nhiều trong người, nên tới bữa ăn tôi hay ngồi cùng bàn với các cha lớn tuổi như Guy Mary Nguyễn Hồng Giáo, Antôn Trần Phổ, Phi Khanh Vương Đình Khởi, Anrê Phương, Đaniel Cao… Do bàn ăn của các ngài thường thì ít người mà các ngài lại ăn ít nên phần tráng miệng cuối bữa còn dư, các ngài cứ đẩy về phía tôi. Ngồi cùng bàn với các ngài tôi cũng hỏi được các ngài nhiều điều mà tôi chưa biết hoặc tôi đang lấn cấn trong việc tu-học. Do bản tính thế gian của mình và tình thương các ngài dành cho tôi, nên cha Anrê đặt cho tôi cái tên rất thế gian: CU ĐỜI. Kể từ lúc ấy, mọi người trong tỉnh dòng thường gọi tôi với cái tên

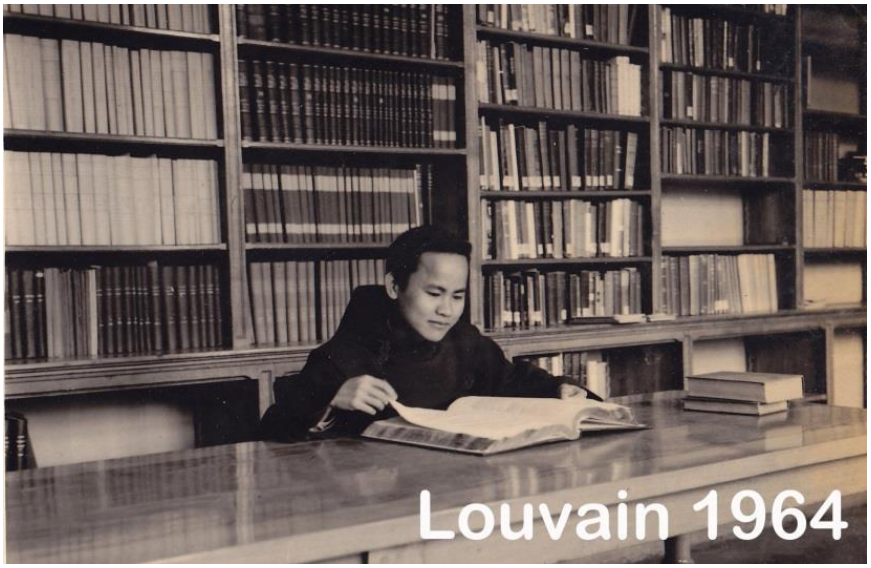

thế gian là Cu Đời ấy. Riêng cha Hồng Giáo thì thêm vào tiếng ANH trước hai tiếng CU ĐỜI mỗi khi ngài gọi tôi.

Tôi rất thích cách viết của cha Hồng Giáo, nên cứ thấy bài viết của ngài là tôi đọc đi đọc lại để cố gắng tập viết được giống ngài càng nhiều càng tốt. Có một lần tôi đơn sơ thưa với ngài rằng: "con rất thích các bài viết của cha và con sẽ cố găng bắt chước cha." Ngài cười và dạy tôi: "Anh phải viết sao cho thật tự nhiên, mình nghĩ sao viết vậy, thật ngắn gọn và thật tự nhiên là được thôi." Và cơ hội đã đến với tôi khi ngài dạy như thế. Thỉnh thoảng tranh thủ lúc ngài rãnh, tôi đem bài viết của mình ra hỏi ngài: "Con viết như vậy có được không?". Nhờ vậy mà mỗi ngày tôi viết một tốt hơn.

Cha Hồng Giáo có một vườn rau nho nhỏ phía sau nhà bếp của cộng đoàn. Chiều nào ngài cũng ra chăm sóc vườn rau của mình. Những chiều không chơi thể thao, tôi thường chạy ra vườn rau với ngài. Ngài bảo với tôi rằng: "tôi làm vườn rau này để mỗi ngày có cơ hội đổ mồ hôi." Một chiều nọ, tôi xuống vườn rau với ngài khi tôi đang mặc chiếc ao sơ-mi mà theo tôi là đã cũ. Ngài đang lúi húi làm gì đó, khi ngước lên thấy tôi, ngài liền bảo: "nè anh Cu Đời, cái áo còn tốt như vậy sao lại mặc ra làm vườn?" Tôi giật mình vì lời dạy về đời sống khó nghèo của ngài cho tôi thật chân tình.

Và ngày tôi chào từ biệt cộng đoàn để trở thành một CPS (Cựu Phan Sinh), tôi thấy ánh mắt của

ngài rất buồn. Kể từ ấy, tôi không còn cơ hội được ở cạnh bên THẦ TƯỢNG của mình nữa. Thỉnh thoảng về thăm lại nhà dòng, mỗi khi gặp, ngài cũng vẫn gọi tôi bằng cụm từ thân thương "ANH CU ĐỜI". Trong một lần cơm trưa với các em Tìm Hiểu, cha GB Trần Khắc Du cho tôi biết: "cha Hồng Giáo đang bị ung thư." Tôi tìm thăm ngài và thấy ngài đang rất khỏe mạnh, tinh thần cũng đang phấn chân và vui tươi. Tôi chỉ hỏi thăm ngài có khỏe không mà không dám đề cập tới bệnh tình của ngài. Qua một số cha, tôi được biết, theo nhận định của các bác sỹ thì tình hình sức khỏe của ngài đang tiến triển rất tốt. Đầu tháng 10 năm 2014 anh em CPS tổ chức lễ mừng thọ các cha và các thầy lớn tuổi trong dòng, trong số đó có cha Guy Mary Nguyễn Hồng Giáo. Nhìn thấy ngài rất khỏe, vui cười với mọi người, không ai nghĩ ngài lại ra đi nhanh như vậy. Sau thánh lễ, lúc ngài đang hối hả trở về phòng của mình, tôi tranh thủ tới chào ngài ở hành lang học viện. Tôi không ngờ đó là lần cuối cùng ngài gọi "ANH CU ĐỜI" với tôi lần cuối và cũng là lần cuối cùng tội được gặp THẦN TƯỢNG của mình.

Sáng sớm thứ 3 ngày 07-04-2015, như thường lệ tôi vào Face Book và được tin cha đã mất tối qua lúc 21h30. Tôi muốn tới thắp cho cha nén hương lần cuối, nhưng tôi lại phải đi dạy xa nên không kịp tới viếng cha. Tranh thủ để về kịp gặp cha lần cuối trong thánh lễ an tang của ngài tại công đoàn Thủ Đức. Kết thúc thánh lễ cuối cùng của cuộc đời ngài, tôi vẫn không thể vào thắp cho ngài nén hương vì người vào từ biệt ngài quá đông. Tôi đành ngậm ngùi đứng từ xa hướng về chiếc quan tài nơi THẦN TƯỜNG của tôi đang nằm đó mà chắp tay cúi đầu thưa với ngài rằng. "Con, "Anh Cu Đời " xin cảm ơn cha rất nhiều." Lời cảm ơn muộn mạng mà biết bao lần tôi đã không thể cất lên khi còn ở bên THẦN TƯỢNG của mình.

Sài Gòn ngày 09-04-2015

CPS Antôn Hoàng Đức Nhuận

Cha Guy Marie Nguyễn Hồng Giáo, OFM

Cha Guy Marie Nguyễn Hồng Giáo sinh ngày 10/05/1937 tại Mỹ Khánh, Yên Thành, Nghệ An, thuộc giáo xứ Bảo Nham, Giáo phận Vinh. Cha là người con thứ ba trong gia đình có một anh trai, một chị gái, và một em trai. Hồi nhỏ, cha được nhiều người khen là một cậu bé ngoan, hiền và thông minh.

Tháng 8 năm 1949, cha vào dòng Phanxicô tại thành phố Vinh, lúc đó mới 12 tuổi. Vào nhà tập ngày 03/08/1960 và Khấn lần đầu ngày 28/08/1961 tại cộng đoàn Mons-En-Baroeul thuộc Tỉnh dòng Paris. Cha học triết học tại Đại học Louvain, lấy bằng Cử nhân 1964 và tiến sĩ triết học năm 1970. Ngày 15/11/1967, cha khấn trọn đời trong Dòng Anh em Hèn mọn tại Munster - Đức, rồi lãnh nhận chức phó tế ngày 22/12/1967 và linh mục 23/07 1968 tại Paderborn - Đức.

Cha đã đảm nhận các chức vụ trong Tỉnh dòng như: Giám sư (1970-1974), Cố vấn Hạt dòng (1970-1972), Phó Giám hạt(1972-1981), Giám hạt (1981-1984), Giám tỉnh(1984-1993), Giám sư khấn tạm ở Thủ Đức (1994-1996) và Cố vấn Tỉnh dòng và Thư ký Huấn luyện và Học vấn(1993-2002).

Bên cạnh đó, cha còn là giáo sư tại Đại học, Học viện và Đại Chủng viện Công giáo như: Đại học Công giáo Đà-lạt, Đại học Công giáo Minh Đức và Viện Nhân Bản Sài-gòn của các Sư huynh La-san (1972-1975), và dạy triết học trong các Đại Chủng viện Sài Gòn và Vinh Thanh cũng như trong Học viện Liên Dòng, Học viện Dòng Tên ở Thủ Đức, và Học viện Phanxicô (1975-2012).

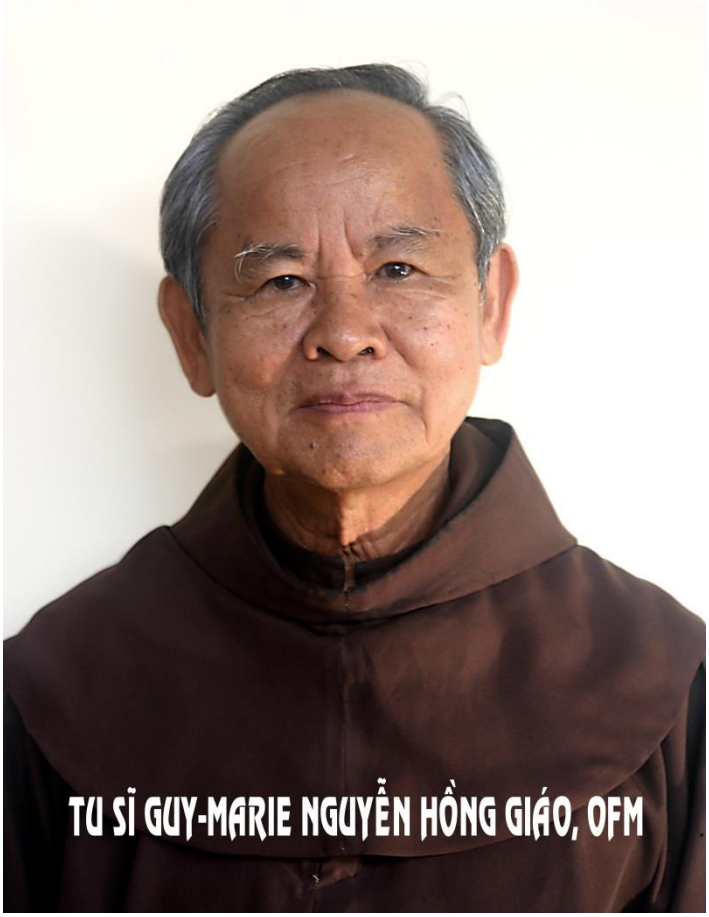

Ngoài ra cha cũng thường xuyên viết sách và viết báo; xem việc viết lách như là một cách làm việc tông đồ. Cha đã để lại 25 tác phẩm, gồm các sách do cha viết, biên soạn, phiên dịch, và một số bài viết trên các tạp chí, sau đây:

Các sách do cha viết: ***Le Verbe dans l'Histoire, Beauchesne***, Paris 1974; *Thánh Clara*, NXB. Phan-sinh, Sài Gòn 1973; ***Mẹ Đất*** (Nguyễn Hồng Giáo chủ biên, nhiều tác giả) Tủ sách Phan-sinh, SG, 2000; ***Đạo trong Đời***, Học viện Phanxicô, 2005; ***Được kêu gọi trong Đức Giêsu Kitô***, Học viện Phanxicô, 2007; ***Một chặng đường Giáo Hội Việt Nam***, Học viện Phanxicô, 2008; ***Chúa gọi tôi đi theo Người***, NXB. Phương Đông, TP.HCM, 2009; ***Theo dòng thời sự***, NXB. Phương Đông, TP.HCM, 2009; ***Giáo Hội lữ hành***, Học viện Phanxicô, 2010; ***Linh mục, Người loan báo Tin Mừng***, NXB. Phương Đông, TP.HCM, 2010; ***Như hồn trong xác***, NXB. Phương Đông, TP. HCM, 2012; ***Những mảng hoài niệm*** (Hồi ký), Văn Phòng Tỉnh Dòng, 2014.

Các sách do cha phiên dịch: ***Tông huấn Chứng Tá Phúc Âm*** (Paul VI, Testificatio Evangelica) Phiên dịch và chú thích, cộng tác với một nhóm tu sĩ Sài Gòn, Ủy Ban Tu Sĩ TGP. Sài Gòn,

1975; ***Đức tin sống động***, ronéo, Sài Gòn, 1976; ***Trong luồng gió lịch sử*** (Eloi Leclerc, Le retour à Assise), Ronéo, Sài Gòn, 1977; ***Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*** (Pontifical Council for Justice & Peace, The Social Agenda, Vatican 2000), Toà Giám Mục Sài Gòn, 2001; ***Tham quan xứ sở thần học*** (Marcel Neusch & Bruno Chenu, Au pays de la Théologie, Centurion, Paris, 1986) Học viện Phanxicô, 2004; ***Thông điệp Đức Tin và Lý Trí*** (Jean-Paul II, Fides et Ratio, 1998), phiên dịch kèm theo hai bài nghiên cứu giới thiệu; Học viện Phanxicô, 2006; ***Sống dưới con mắt Chúa***, (Lm. Nguyễn Hồng tuyển chọn và phiên dịch) NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, 2010; ***Những bông hoa trong địa ngục*** (Des fleurs en enfer, Paris 2000), phiên dịch và viết lời giới thiệu, cộng tác với nhóm đồng lớp khấn, NXB. Phương Đông, TP. HCM, 2011; ***Joseph Ratzinger, Những Vị Thầy Phan-sinh và Đa-minh*** (Les Maitres franciscains et Dominicains, Éd. Liberia Vaticana, 2010, Éd. Lethielleux, 2011) Bản dịch với một bài Giới thiệu Văn hoá Kitô giáo Trung Cổ, 20 pp) NXB. Tôn Giáo - Hà Nội, 2012.

Các bài cha viết trên các tạp chí: ***Tu sĩ Việt Nam và Công Đồng Vatican II***, ***Bốn mươi năm nhìn lại***. Tài liệu hội thảo Mùa Vọng, 2002, do UB Giám mục về Văn Hoá thuộc HĐGM VN tổ chức, bài tham luận 17 pp.; ***Những điểm nhấn trong Giáo huấn của Đức Gioan-Phaolô II***, ***Ấn Tượng Gioan Phaolô II***, Tài liệu hội thảo 14 & 15.10. 2003, 35 pp.; ***Sống tinh thần Assisi, Tinh Thần Assisi,*** Actes du Colloque organisé au Centre Pastoral de l'Archidiocèse, 27.10.2011, 16 pp.; ***Đọc thơ Xuân Ly Băng, Nhà thơ Xuân Ly Băng, Cuộc đời và Tác phẩm***, NXB. Phương Đông, 2011, bài 11 pp.; ***Et nombreux articles in***: divers Revues et Magazines.

Cha là người thích nhận định, suy tư về các vấn đề rất gần gũi và thực tế trong đời sống. Cha thường suy tư làm sao để người Công giáo nói chung và các dòng tu nói riêng có thể hòa nhập và phúc âm hóa trong bối cảnh xã hội sau năm 1975. Vì thế, cha đã cộng tác đắc lực với Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình để cổ võ tinh thần của Công đồng Vatican II là "*hòa mình, hoà giải, hội nhập, hòa hợp, dấn thân, đồng hành cùng dân tộc".*

Cha Guy Marie Nguyễn Hồng Giáo là một con người suốt đời phục vụ Chúa và mọi người với lòng yêu mến và lòng nhiệt thành cao độ. Cha đã chẳng quản ngại khó khăn tìm cách để cổ võ mọi người sống Phúc Âm trong những hoàn cảnh mới và khó khăn. Đồng thời, cha còn thể hiện một con người sẵn sàng và tích cực cộng tác với các đấng bản quyền của Giáo hội địa phương cùng các tu sĩ dòng khác để nối kết và chăm lo cho đời sống tu sĩ tại Việt Nam, một đời sống mà chính cha là một chứng tá sống động. Đối với Tỉnh dòng, cha cũng từng thao thức cùng với các anh em trong ban lãnh đạo Hạt dòng, Tỉnh dòng nỗ lực thích nghi với hoàn cảnh mới sau biến cố 30/4/1975 để linh hoạt đời sống Tỉnh dòng sao cho tất cả anh em vẫn sống được tinh thần tu trì Phan Sinh cách sung mãn và phục vụ Giáo hội và mọi người cách tốt nhất trong hoàn cảnh khó khăn này.

Thế rồi, vào tháng 9/2012, cha Guy Marie bắt đầu bị đau bệnh và phải ngưng việc giảng dạy tại Học viện Phanxicô và một vài nơi khác. Khoảng cuối năm 2013, sức khỏe của cha có phần hồi phục, cha đã cố gắng với hết tâm huyết viết quyển sách cuối cùng với tựa đề: *"Những mảng hoài niệm"* như một cuốn Hồi ký viết về các ký ức về cuộc đời và công việc phục vụ của cha sau gần 80 năm nhìn lại. Nhưng đến cuối năm 2014, cha lại lâm trọng bệnh phải thường xuyên vào bệnh viện. Sức khỏe của cha ngày một yếu dần. Đến 21 giờ 30 thứ Hai, ngày 06 tháng 04 năm 2015, Chị Chết đã đón cha trong bình an và thanh thản bên cạnh anh em trong cộng đoàn.

Văn phòng Tỉnh dòng

Xông hương Nến Phục Sinh như thế nào?

Giải đáp của Cha Edward McNamara, Dòng Đạo Binh Chúa Kitô (LC), Khoa trưởng Thần học và giáo sư phụng vụ của Đại học Regina Apostolorum (Nữ Vương các Thánh Tông Đồ), Rôma.

Hỏi: Trong mùa Phục Sinh, có đúng là phải xông hương cho cả NếnPhục Sinh và Thánh giá trong Thánh Lễ không? - F. O., Ado-Ekiti, Nigeria.

Đáp: Nếu hương được sử dụng trong Thánh lễ, Thánh giá luôn phải được xông hương trong mọi mùa của năm. Theo quy định tại số 87.d của Sách Nghi Thức của Giám Mục (CB), việc xông hương được thực hiện tại cuộc rước vào nhà thờ và vào lúc dâng lễ vật.

Việc xông hương cho Nến Phục Sinh chỉ được quy định trong đêm canh thức Phục Sinh trước khi hát bài Exsultet (Mừng vui lên). Trong trường hợp này, trước tiên phó tế xông hương Sách có bài Exsultet ba lần, mỗi lần hai cái, giống như xông hương cho Sách Tin Mừng vậy. Sau đó thầy đi chung quanh Nến Phục Sinh, vừa đi vừa xông hương ba lần, mỗi lần hai cái.

Các sách phụng vụ ít nhắc đến việc xông hương Nến Phục Sinh. Tuy nhiên, số 88 của Sách Nghi Thức của Giám Mục cho phép dùng hương trong các cuộc kiệu một số ngày lễ trọng, và số 95 cho phép xông hương hài cốt và xông hương ảnh thánh trưng bày ra tôn kính công khai, tại cuộc rước vào nhà thờ.

Như vậy, bởi vì Nến Phục Sinh là biểu tượng chính của Chúa Kitô Phục Sinh trong mùa này, tôi nghĩ rằng, bất cứ khi nào hương được sử dụng cho cuộc rước vào nhà thờ, thì thật là hợp lý khi hương được xông ba lần, mỗi lần hai cái, cho Nến Phục Sinh, như trong đêm vọng Phục Sinh vậy. Tuy nhiên, đây là điều được chọn lựa làm, chứ không bắt buộc.

Tuy nhiên, các sách phụng vụ dường như loại trừ việc xông hương cho Nến Phục Sinh có thể được lặp lại vào lúc dâng lễ vật. Số 95 của Sách Nghi Thức của Giám Mục nói rõ rằng hài cốt và ảnh thánh chỉ được xông hương tại cuộc rước vào nhà thờ mà thôi, và sau đó Sách chỉ nhắc đến việc xông hương cho Thánh giá và lễ vật.

Tương tự như vậy, trong qui định chi tiết cho buổi cử hành trọng thể Lễ Vọng Phục Sinh trong hình thức ngoại thường, Nến Phục Sinh chỉ được xông hương trước khi bài Exsultet được hát, và chắc chắn không nói đến các thời điểm khác, mà trong đó có việc xông hương, đặc biệt tronggiờ Kinh Sáng, vốn được kết hợp với Lễ Vọng Phục Sinh trong hình thức này, mặc dù trong một hình thức vắn tắt. Dường như không có thời điểm nào khác trong hình thức ngoại thường, mà Nến Phục Sinh được xông hương.

Tuy nhiên, ngay cả trước Công Đồng Vatican II, một số tác giả đề nghị tập tục trang trí giếng rửa tội trong tuần Bát nhật Phục sinh, và xônghương giếng sau Thánh lễ, giờ Kinh Chiều hoặc chầu Thánh Thể. Tập tục này cũng có thể được áp dụng trong hình thức thông thường.

(Zenit.org 14-4-2015)

Nguyễn Trọng Đa

Khi Mình Thánh được cất vào Nhà Tạm, tín hữu đứng lên không?

Giải đáp của Cha Edward McNamara, Dòng Đạo Binh Chúa Kitô (LC), Khoa trưởng Thần học và giáo sư phụng vụ của Đại học Regina Apostolorum (Nữ Vương các Thánh Tông Đồ), Rôma.

Hỏi: Khi Mình Thánh được cất lại vào Nhà Tạm sau rước lễ, liệu người ta được yêu cầu đứng lên không? Tôi tự hỏi tại sao như thế, nếu tôi vừa rước lễ xong? - T. Z., Messina, Ý.

Đáp: Có nhiều câu hỏi liên quan đến sự thực hành này gần đây, trước hết tại Ý, nhưng còn tại các nước khác nữa. Trong một số trường hợp, độc giả chúng tôi mô tả các nghi thức chi tiết về việc đưa Mình Thánh cất lại vào Nhà Tạm, thậm chí còn hộ tống với nến sáng, như trong một cuộc rước kiệu Thánh Thể. Trong các tình huống này, các tín hữu được yêu cầu đứng lên.

Lý do đưa ra cho việc giới thiệu thực hành này là rằng nó tạo thành một phần của một nỗ lực để khôi phục lại sự tôn trọng và lòng sùng kính đối với Mình Thánh Chúa. Trong khi đây là một mục tiêu đáng khen ngợi, tôi đã nghi ngờ rằng đó là thời điểm tốt nhất để làm sự ấy, và hình như nó có vẻ trái với các chỉ dẫn rõ ràng từ Tòa Thánh.

Trước hết, về tư thế của các tín hữu, số 43 của Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM) nói như sau:

"43. Tín hữu đứng: từ đầu ca nhập lễ, hoặc khi vị tư tế tiến tới bàn thờ, cho đến hết lời nguyện nhập lễ; khi hát A-lê-lu-ia trước Tin Mừng; khi công bố Tin Mừng; khi đọc kinh Tin Kính và lời nguyện các tín hữu; từ lời mời "Anh em hãy cầu nguyện" (Orate fratres) trước lời nguyện tiến lễ cho đến hết lễ, trừ những gì sẽ nói sau.

"Còn ngồi: khi đọc các bài đọc và thánh vịnh đáp ca trước Tin Mừng, khi nghe diễn giảng và khi sửa soạn lễ phẩm cho phần dâng lễ; và tùy nghi khi giữ thinh lặng thánh sau hiệp lễ.

"Sẽ quỳ, khi truyền phép Mình Thánh, Máu Thánh, trừ khi vì lý do sức khoẻ, vì nơi chật hẹp, hoặc vì quá đông người dự lễ, hay vì những lý do chính đáng khác, không thể quỳ được. Những người không quì khi truyền phép thì phải cúi mình sâu khi vị tư tế quì gối sau truyền phép.

"Tuy nhiên, Hội Đồng Giám Mục được quyền thích nghi các cử chỉ và điệu bộ ghi trong phần Thường Lễ của Sách Lễ Rôma, sao cho phù hợp với cách cảm nghĩ của mỗi dân tộc. Nhưng cũng phải liệu sao cho phù hợp với ý nghĩa và tính chất của từng phần Thánh Lễ. Ở đâu giáo dân có thói quen quỳ suốt sau câu tung hô "Thánh Thánh Thánh" (Sanctus) cho đến hết Kinh Nguyện Thánh Thể, và trước Rước lễ, khi linh mục đọc "Đây Chiên Thiên Chúa" (Ecce Agnus Dei), thì đó là điều đáng khen nên duy trì.

"Để có sự đồng nhất về cử chỉ và điệu bộ trong cùng một cử hành, các tín hữu phải tuân theo lời hướng dẫn của phó tế hay thừa tác viên giáo dân, hay vị tư tế theo như các sách phụng vụ qui định" (Bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Vì một số người giải thích số này (số 43) là buộc các tín hữu phải đứng trong toàn bộ thời gian Rước lễ, Tòa Thánh đã trả lời cho một nghi vấn được công

bố trong tạp chí chính thức "Notitiae" (số 39 [2003] trang 533):

"Ở nhiều nơi, các tín hữu có thói quen quỳ cầu nguyện riêng, hay ngồi sau khi họ trở về chỗ ngồi của mình sau khi đã Rước lễ trong Thánh Lễ. Liệu các điều khoản của "Ấn bản thứ ba của Sách Lễ Rôma" cấm sự thực hành này không?

℟. Trả lời là không, và có một lý do.

"Lý do là rằng qua các qui định của Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM), số 43, một đàng muốn đưa ra, với giới hạn rộng rãi, sự đồng nhất về cử chỉ và điệu bộ trong cộng đoàn cho một số phần của việc cử hành Thánh Lễ, và một đàng không phải qui định tư thế quá cứng nhắc, để cho ai muốn vẫn quỳ hoặc ngồi sẽ tự do để làm như vậy".

Vì vậy, dường như là không đúng, khi bắt buộc các tín hữu thích ứng với một tư thế đặc biệt sau khi Rước lễ.

Thứ đến, Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma không nêu ra tầm quan trọng của việc đưa Mình Thánh trở lại Nhà Tạm như để đảm bảo một nghi thức chi tiết. Xin mời đọc:

"163. Cho rước lễ xong, vị tư tế rước hết rượu thánh hiến còn lại ngay tại bàn thờ; còn bánh thánh còn dư thì hoặc rước hết tại bàn thờ hay đưa cất trong nhà tạm.

Vị tư tế trở lại bàn thờ, thu những mụn bánh nếu có; rồi ngài đứng sang phía cạnh bàn thờ hay tới bàn phụ mà gạt các mụn bánh trên đĩa thánh và trong bình thánh vào chén thánh; ngài vừa tráng chén, vừa đọc thầm: "Lạy Chúa, miệng chúng con..." (Quod ore sumpsimus), và dùng khăn lau chén mà lau. Nếu tráng chén trên bàn thờ, thì sau đó người giúp lễ sẽ đem bình và chén xuống bàn phụ. Cũng có thể để bình chưa tráng, nhất là khi có nhiều bình, trên một khăn thánh ở bàn thờ hay bàn phụ, che đậy lại tùy nghi, để liền sau lễ, khi giải tán dân chúng rồi, sẽ tráng" (Bản dịch Việt ngữ như trên).

Như vậy, không có gì ở đây vốn gợi ý một nghi thức rõ ràng. Đây là một câu hỏi thực hành, được thực hiện trong việc tráng chén. Trong khi cần duy trì sự tôn kính, không cần phải nhấn mạnh quá mức thời điểm này.

Tuy nhiên, Sách Lễ nói rõ rằng chính linh mục hay phó tế, chứ không phải một thừa tác viên ngoại thường cho rước lễ, sẽ thực hiện công việc cất Mình Thánh và tráng chén trong Thánh Lễ. Linh mục hay phó tế cần bái gối khi đóng cửa nhà tạm.

Tôi tin rằng có nhiều lý do tại sao đây không phải là thời điểm thích hợp, cho việc nhấn mạnh đến sự hiện diện của Thánh Thể. Trước hết, như được nói trong các chữ đỏ được nêu ra trên đây, thời điểm này chưa bao giờ là một thời điểm đặc biệt trang trọng của Thánh Lễ. Thứ đến, và quan trọng hơn, chúng ta vẫn đang trong bối cảnh của việc cử hành Thánh Lễ, và sự nhấn mạnh tại thời điểm này chính là sự cám tạ Chúa, vì đã chia sẻ hy tế này qua việc Rước lễ. (Zenit.org 7-4-2015)

Nguyễn Trọng Đa

GIẢNG LỄ 25 NĂM LINH MỤC GIOAN TC NGUYỄN PHƯỚC

Cv 4,13-21; Mc 16,9-15

Vào buổi tối ngày 25/3 tôi đang ở BMT để dâng lễ tang cho chị dâu cả của tôi thì Cha Phước gọi điện thoại cho tôi lúc 9.30 lúc tôi vào nhà xứ để xin Cha xứ cho dâng lễ. Ngài mời tôi đến dự thánh lễ tạ ơn 25 năm LM, và Ngài nói luôn: "Ông giảng lễ nghe!", tôi chưa kịp phản ứng thì Cha cúp máy. Bạn bè biết nhau rồi, biết tính Phước là thế, nhưng tại sao lại bắt tôi giảng trong khi tôi là lớp đàn em tính theo tuổi LM, đàn em mà giảng cho đàn anh thì cũng hơi kì. Nhưng thôi đành nhận, có lẽ cha Phước nghĩ là tôi biết hoàn cảnh lúc đó cách đây 25 năm! Và cũng là dịp cho mình nhìn lại!

Đức TC Phanxicô trong tông thư gởi người Thánh hiến đã đưa ra ba mục tiêu cho năm Đời sống Thánh hiến: *nhìn về quá khứ với lòng tạ ơn; sống hiện tại cách say mê; nhắm đến tương lai với niềm hi vọng.*

1. Nhìn lại quá khứ với lòng biết ơn

Vâng mới đó mà đã 25 năm trôi qua, đối với trẻ con thì 25 năm thật là dài, nhưng đối với người đã vào tuổi xế chiều thì 25 thật là mau, vì biết là mình đã già rồi! Nhưng đối với Chúa thì thời gian luôn là hiện tại, đối với Chúa thì luôn là tươi trẻ, và Chúa luôn luôn muốn con người giữ mãi tuổi trẻ, sự hăng hái và tình yêu ban đầu. Nhìn lại 40 năm tôi nhận ra được những điều này:

Thiên Chúa qua Đức Giêsu luôn đồng hành và gìn giữ chúng ta. Nhớ lại những ngày tháng 4 năm 1975, chúng tôi đang ở giữa kì năm nhà tập. Ngày 2/4 thì quân giải phóng đã vào đến Nha trang, chúng tôi phải khăn gói lên Hòa tân, để làm rẫy cùng với những người cùi trại Núi sạn. Chúng tôi bắt đầu cuộc sống "lạo động là vinh quang" lấy "sắn khoai làm cuộc sống", và đúng đêm 30/4 thì bị du kích đến kiểm tra, và bắt trở về Nha trang. Từ đó chúng tôi phải đi đi về về bằng xe đạp hay nhảy tàu lửa quảng đường trên 30 km. Tôi nhớ lúc đó thày Phước gầy còm nhom, vẻ ngoài yểu điệu, nhưng tinh thần rất dũng mãnh, dứt khoát. May thay lúc tình hình nhá nhem, chúng tôi được thay nhau học Thần học tại chủng viện Sao biển cũ cho đến năm 1979. Năm 1979, vì chiến trường Tây bắc và Tây nam, nên chính quyền cho chúng tôi ra khỏi Tu viện Nha trang trên đồi. Mỗi người chúng tôi được chia về các cộng đoàn nhỏ, và trở thành những lao động chính. Thầy Phước, thầy Khoan về Phù sa, còn tôi về Hara. Đó là biến cố xuống núi, và vào năm 1989, thì chúng tôi ra tập san Mười Năm Xuống Đồi, nhìn lại mười năm đời mình với cái được, cái mất. Nhưng trên tất cả chúng tôi nhận ra được một điều là Thiên

Chúa luôn đồng hành với chúng tôi. Có lẽ lúc đó chúng tôi không nhận ra được khuôn mặt của Chúa một cách rõ ràng, nhưng Chúa luôn ẩn hiện. Những người bạn đồng hành với chúng tôi lúc đó là những người nông dân nghèo khổ, những xã viên, những người cùi, những người cán bộ có lúc làm chúng tôi tức tôi, cáu giận… nhưng là những người bạn đồng hành mà Chúa gởi đến trên cuộc hành trình trên 20 năm. Có lẽ nhiều lúc chúng tôi không nhận ra Chúa trên đường đi, như 2 môn đệ trên đường Emmaus, nhưng cũng có lúc chúng tôi đã cảm nhận được sự ấm áp khi chia sẻ với họ củ khoai, củ sắn, miếng thịt chuột, thịt rắn khi may mắn bắt được hay li rượu nồng nhạt. Nhớ lại chúng tôi mới nhận ra rằng, Chúa Phục sinh luôn ở với

chúng tôi trên chặng đường đau khổ cam go nhất, khi không còn chút hi vọng, khi không còn thấy ánh sáng phía trước. Chúng tôi cần có nhau để chia sẻ, để tâm sự nên chúng tôi lập ra tập san "Qua cầu" để thông tin, chia sẻ, vì chúng tôi phải đi qua nhiều cây cầu thì mới đến được với nhau! Tôi còn nhớ bài viết của anh Phước "Khi tôi đánh mất anh em tôi", vừa hài hước, nhưng cũng đượm tình anh em! Hai anh em chở nhau trên chiếc xe đạp, tới vũng nước, người anh em nhảy xuống cho nhẹ xe, thì người kia vẫn tiếp tục đạp một cách nhẹ nhàng, bỏ rơi anh em ở phía sau! Vâng đã có lúc chúng tôi đã quên Chúa đang đi bên mình, mà bỏ rơi Ngài, bỏ rơi anh em!

Anh em chúng tôi phải tự rèn luyện mình theo châm ngôn: huấn luyện qua cuộc sống, trong cuộc sống, và cho cuộc sống. Chúng tôi vừa làm việc lao động để sinh sống,vừa học hỏi, vừa mòn mỏi đợi chờ ngày Chúa xót thương nhìn đến "phận nữ tì này".

Thiên Chúa luôn xót thương kẻ trông cậy Ngài. Và tháng 4 năm 1990, Anh Phước được mời gọi lãnh nhận chức vụ Linh mục. Vào thời điểm này ở Nha trang được tin thụ phong linh mục quả là một tin trọng đại, và hiếm hoi. Chúng tôi tất cả vui mừng vì Anh Phước được chọn trước. Chắc chắn Cha Phước là người nhớ nhất về ngày trọng đại này. Nhớ lại để tạ ơn, nhớ lại để lấy nguồn sức mạnh đã cho chúng ta sống còn. Khi anh từ Thầy lên Cha, chắc chắn anh không quên lời nhắc nhở: "đừng quên người nghèo nhé, những người từng đồng hành với Cha đó!" như một hồng y Phan sinh đã nhắc ĐGH Phanxicô! Thế mà ngày trọng đại ấy đã qua 25 năm rồi, trong 25 năm trong chức vụ LM, cha đã sống thế nào? Chỉ có cha Phước mới trả lời được trước mặt Chúa. Nhưng chúng tôi có thể chắc chắn một điều đó là cha đã sống hạnh phúc với Chúa và với anh em, vì dấu bề ngoài có thể cho thấy điều đó, cha đã mập hẳn ra từ ngày chịu chức, cha ngủ rất ngon, "thư thái bình an, vừa nằm con đã ngủ", ngáy cũng to; khuôn mặt và nụ cười biến đổi từ "Đức Mẹ sầu bi" sang "Đức Mẹ Phục sinh". Chúng tôi tạ ơn Chúa với cha về những ơn lành Chúa đã ban cho cha trong suốt 25 năm qua! Đương nhiên, không ai có thể vượt qua được thử thách của tuổi tác, của thời gian, của những biến cố vui buồn trong cuộc đời. Trong Thánh lễ Dầu năm nay, ĐGH Phanxicô đã phân tích cho các linh mục về 3 hình thức "mệt mỏi". Thứ nhất: "Sự mệt mỏi của người dân, sự mệt mỏi của đám đông" Đây là một sự mệt mỏi tốt. Đức Giêsu cũng đã mệt mỏi và cần nghỉ ngơi khi đám đông đến với Ngài, và Ngài đã chăm sóc họ đến mức không có giờ để ăn uống. Nếu Cha Phước có sự mệt mỏi này, cha chỉ cần nghỉ ngơi với Chúa và xin Chúa tăng sức cho mình, thì mệt mỏi sẽ khỏi ngay thôi! Thứ hai "Sự mệt mỏi của kẻ thù", đó là sự mệt mỏi gây nên bởi ma quỉ và đồng bọn, chúng không bao giờ ngủ và luôn tìm cách bóp méo lời Chúa. Để thắng được nó thì người linh mục phải biết bảo vệ chính mình và bảo vệ đàn chiên khỏi sự dữ. Muốn thắng được sự mệt mỏi này thì Cha Phước phải ra khỏi mình để ngăn chặn cái ác, mà không lâm vào chỗ quá khích! Thứ ba là "sự mệt mỏi với chính mình", đây là thứ mệt mỏi có vẻ nguy hiểm nhất. Đây là sự mệt mỏi kết hợp giữa "muốn mà không muốn" đã muốn từ bỏ tất cả, nhưng vẫn nhớ "củ hành củ tỏi" thời Ai cập! Đây là thứ mệt mỏi đã được nói đến trong sách Khải huyền: "Ngươi đã có lòng kiên nhẫn và đã chịu khổ vì danh Ta mà không mệt mỏi. Nhưng ta trách ngươi điều này: ngươi đã để mất tình yêu thuở ban đầu" (Kh2,3-4).

2. Sống hiện tại cách say mê, nhắm đến tương lai với niềm hi vọng

Hi vọng sau 25 năm, cha Phước không bị thứ mệt mỏi thứ ba này gậm nhấm, mà sống trong hiện tại một cách say mê, tình yêu thuở ban đầu không mòn mỏi đi, mà trái lại càng tăng trưởng. Xin ánh sáng Phục sinh của Chúa luôn soi dẫn cho Cha. Hiện tại cha đang giữ chức vụ thư ký Phúc Âm Hóa của Tỉnh Dòng, và dẫn dắt giáo dân giáo xứ Dakao, đó là một tương lai đầy hi vọng. Xin cho Cha được thấm nhuần Niềm vui Phúc âm, niềm vui Phục sinh như các tông đồ xưa, và lan tỏa niềm vui ấy cho mọi người như Chúa đã dạy: "Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo" (Mc 16,15)

Paul Nguyễn Đình Vịnh, OFM

LỄ VỌNG PHỤC SINH B

Mc 16,1-8

Trong năm 2014 và những tháng đầu năm 2015, tai nạn máy bay dồn dập xẩy đến, MH370, MH17, AsiaAirs của Malayia và Indonesia, và mới đây A 320 của Germanwings đã lao xuống dãy núi Alps. Mấy trăm nạn nhân đó họ ở đâu bây giờ? Họ không phải từ đất bay lên, mà ngược lại từ trời đâm xuống đất, và chết thê thảm. Không một ai hiện về để báo cho thân nhân giờ này họ đang ở đâu, có được siêu thoát không. Khi không biết gì thì thân nhân còn hi vọng, như các thân nhân của chuyến bay MH370, còn biết rồi thì hoàn toàn thất vọng và đau khổ. Ngay trong tuần thánh này ở Kenya đã xẩy ra cuộc khủng bố làm147 người thiệt mạng, mà phần lớn là sinh viên, rồi công trường Formosa Vũng áng đã sập giàn giáo làm 13 chết thảm. Không thấy TM của sự sống mà chỉ thấy tin buồn của chết chóc đau thương!

Thế nhưng, đêm nay, trong bầu khí long trọng chúng ta công bố Tin mừng Phục sinh, và mời gọi mọi người hãy ca lên bài ca Alleluia vì Đức Kitô đã sống lại. Phải chăng chúng ta đang sống trong một sự vui mừng giả tạo, ngây ngô, xa vời với thực tế của thế giới hôm nay! Nếu chúng ta là những thân nhân của những nạn nhân, chúng ta có thể vui mừng lên được chăng? Nhưng có một sự thật là: có chết đi thì mới có sống lại, có qua đau buồn mới biết được niềm vui là gì. Vâng niềm tin sống lại không phải là dễ chấp nhận, ngay cả với các thân nhân và môn đệ của Đức Kitô. Bài Phúc Âm tối nay soi tỏ cho chúng ta điều đó. Ba người phụ nữ đó là bà Maria Mác-đa-la, bà Maria, và bà Salomê mua dầu thơm để xức xác Chúa. Tại sao thế? Vì khi tháo đanh Đức Giêsu cả ba bà này đều hiện diện, trong khi các tông đồ đã trốn hết, vì là áp lễ Vượt qua, và là xác của một tử tội, nên việc tẩn liệm rất sơ sài, xác bị đánh tơi tả, nhưng không có thuốc thơm và các chất để ướp xác. Chúng ta biết các bà thì cẩn thận và tỉ mỉ, cho nên các bà lợi dụng ngày nghỉ lễ để chuẩn bị dầu thơm để vừa hết ngày Sabát là đến mộ liền. Có lẽ các bà đã không ngủ suốt đêm, để chờ đến sáng. Các bà cũng ngớ ngẩn, không tính trước điều gì, nên đến mộ rồi mới nhớ ra là không nhờ các tông đồ hay một người đàn ông nào để lăn tảng đá che cửa mồ. Đương nhiên là tảng đá phải to lắm mới che được cửa mồ! và điều kì diệu đã xảy ra, đó là các bà đã thấy tảng đá đã lăn sang một bên. Các bà này cũng gan thiệt đấy, thấy mở thì chui vào thôi! Đương nhiên, tảng đá đã mở ra thì chắc là có người đã đẩy nó ra, và người đó là là một thanh niên đang ngồi đấy. Cảm xúc đầu tiên đó là các bà hoảng sợ! hoảng sợ là khi người ta thấy một điều gì đó kì vĩ, bất ngờ, ngoài sức tưởng tượng, ngoài sự mong đợi! và chàng thanh niên đã trấn an các bà: "Đừng hoảng sợ!" và chỉ nơi đã đặt Đức Giêsu, và điều này thì các bà biết, vì các bà đều có mặt vào lúc đặt xác Chúa vào mồ. Điều đặc biệt nữa là người thanh niên xin các bà về báo cho các môn đệ. Sau phút liều lĩnh, khi biết không còn xác Đức Giêsu trong mồ nữa thì các bà sợ hãi. Thánh Marcô kết bằng câu: "vừa ra khỏi mộ, các bà liền chạy trốn, run lẩy bẩy, hết hồn hết vía. Các bà chẳng nói gì với ai, vì sợ hãi". Marcô đã mô tả rất hay, rất thật cảm xúc của người vừa thấy sự lạ, và cũng buồn cười là tại sao các bà

không nói với ai, thì làm sao ta biết được. Chắc chắn là các bà không nói lúc đó, nhưng sau đó thì nói nhiều nữa là đàng khác. Quả thật, việc người chết sống lại, và tự ngồi dậy, thì đây là lần đầu tiên trong lịch sử loài người, làm sao các bà không hoảng sợ được, mặc dầu các bà rất yêu mến Đức Giêsu và mong người sống lại. Trong đời, Đức Giêsu đã làm cho con trai người đàn bà góa thành Naim, cho một đứa bé, và cho Lazarô sống lại, nhưng sau đó họ cũng chết, còn Đức Giêsu "một khi Người đã sống lại thì không bao giờ Người chết nữa", như trong thư của Thánh Phaolô gởi tin hữu Roma mà chúng ta vừa nghe. Đây là biến cố quan trọng nhất trong cuộc đời của Chúa Giêsu, và nói lên Ngài là ai, và đích điểm của công cuộc cứu độ của Ngài. Vì quả thật nếu Đức Kitô đã chết một cách đau đớn và Ngài đã không sống lại thì quả là một cuộc đời thất bại đáng thương!(1Cor 15,1-12)

Trong tông huấn Niềm vui Phúc Âm, ĐGH Phanxicô đã trích lại lời của Đức Benêđictô: "Ngay trong sự kiện trở thành Kitô hữu, thực sự không có một quyết định luân lí hay một tư tưởng vĩ đại, nhưng là sự gặp gỡ một biến cố, với một con người , Đấng ban cho cuộc sống một chân trời mới và từ đó đưa đến một định hướng dứt khoát của họ". Quả thật, hôm nay ba người phụ nữ đã gặp một biến cố vừa kinh khủng vừa vĩ đại, làm họ phải thay đổi cách nhìn về Đức Giêsu. Họ cũng đã gặp Đức Kitô Phục sinh, một con người thật, và chính con người đó đã làm thay đổi chân trời của họ. Đức Kitô Phục sinh cũng đã gặp gỡ các môn đệ của Ngài, và qua cuộc gặp gỡ đó họ đã thay đổi hoàn toàn. Từ những con người nhát đảm, sợ sệt, trốn chạy họ trở thành những con người can đảm, không còn sợ chết nữa và vui mừng loan báo Tin mừng Phục sinh cho toàn thể nhân loại. Thánh Phaolô cũng đã được gặp Đức Kitô sống lại và làm thay đổi toàn bộ cuộc sống của Ngài. Ngài viết: "Mà nếu Đức Kitô đã không trỗi dậy, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng (1Cor 15,14)…Mà nếu Đức Kitô đã không trỗi dậy thì lòng tin của anh em thật hão huyền (15,17)… và nếu chúng ta đặt hi vọng vào Đức Kitô chỉ vì đời này mà thôi, thì chúng ta là những kẻ đáng thương hơn hết mọi người!". Vâng niềm tin vào Đức Kitô sống lại là niềm tin nòng cốt của đời sống Kitô hữu. Vì chúng ta tin Đức Kitô sống lại vì chúng ta, thì chúng ta cũng tin rằng Ngài sẽ cho thân xác chúng ta được sống lại trong ngày sau hết!

Tông huấn Niềm vui Phúc âm cũng nói rằng: "Có nhiều Kitô hữu chỉ có cách sống của Mùa Chay mà không có Phục sinh" (EG.8). Thưa anh chị em, mùa Chay đã qua, và chúng ta đang sống trong mùa Phục sinh. Chúng ta không thể giữ mãi nét mặt đưa đám, sầu khổ, khóc than… Vì Đức Kitô đã sống lại và đang hiện diện trong thế giới chúng ta, trong mỗi người chúng ta. Hơn bao giờ hết thế giới chúng ta đang cần đến niềm vui Phục sinh, niềm vui của Phúc âm, niềm vui của cứu độ. Hãy vượt lên trên nỗi đau mất mát để nhìn thấy vinh quang của sự sống lại, để thấy tình yêu thương vô bờ bến của Thiên Chúa đối với con người. Hãy vượt lên trên hiện tại đau khổ, chết choc hôm nay, để thấy một tương lai tươi đẹp của thế giới, của vinh quang nước Trời! Mùa đông 2002, chỉ một năm sau biến cố 11/9 tôi có dịp đến thăm nơi mà Trung tâm thương mại thế giới đã đổ sập tan tành ở New York, tôi không thấy gì ngoài một hàng rào dài khoảng 100m trên đó người ta treo những di vật, quần áo của những người đã chết, những dòng chữ tiếc thương nghuệch ngoạc. Những di vật lạnh lẽo giữa những cơn bão tuyết. Không lẽ nơi đây là nơi mà 2996 người đã chết thành tro bụi trong phút chốc. Tôi không thấy ai cả, nhưng tôi đã thấy tất cả, họ đã chết và họ đang sống. Những bông tuyết rơi lơ lửng làm tôi tưởng tượng linh hồn của họ đang bay nhảy đâu đây, họ đang ở đây, và chính họ đang an ủi tôi. Và 14 năm sau, nơi đang đã hồi sinh, họ không chết, nhưng họ vẫn sống với những người đang đến đâychiêm ngưỡng và chiêm niệm!

Thiên Chúa đã yêu thương con người hết mực, và đã đổ máu đào cứu chuộc nhân loại; thì chắc chắn Ngài không thể để con người phải hư nát diệt vong toàn diện. Đức Kitô trưởng tử của chúng ta đã sống lại, thì chúng ta tin chắc rằng chúng ta cũng được sống lại với người trong ngày sau hết. Đó là niềm tin và Niềm Hi vọng và Niềm vui của chúng ta.

Paul Nguyễn Đình Vịnh, OFM

MỪNG VUI LÊN

(Thứ bảy Tuần thánh)

Sau một mùa Chay dài 40 ngày, đêm vọng lễ Phục sinh, Giáo hội khuyên nhủ chúng ta hãy vui lên vì Chúa đã chết và sống lại. Nhờ cái chết của Ngài mà muôn người được hưởng ơn cứu độ, Người đã chết để diệt trừ sự chết và đã sống lại để đem lại sự sống cho chúng ta. Bài ***Exultet*** *(mừng vui lên) đêm nay làm cho chúng ta phấn khởi. Hãy hòa chung niềm vui với Giáo hội trong đêm vọng Phục sinh. Hãy vui lên, nhưng có vui lên được không hay chỉ thấy buồn tủi?*

Truyện: Vui buồn do lòng mình.

Khi thấy con có nét mặt buồn sầu, một hôm mẹ bảo đứa nhỏ:

- Con hãy vào rừng khóc thảm thiết xem rừng bảo con sao.

Đứa bé vào rừng khóc hu hu, khóc lóc thảm thiết lắm. Vừa khóc đứa bé vừa nghe thì thấy cả khu rừng đều khóc lóc thảm thiết như đứa bé. Đứa bé đã về học với mẹ như vậy.

Hôm sau mẹ lại bảo nó:

- Con hãy vào rừng và cười thật to, thật lớn, xem khu rừng sẽ đối với con như thế nào.

Đứa bé cũng làm như vậy và hôm nay thấy cả khu rừng cùng cười vang.

Do vậy, mẹ bảo nó:

- Vui buồn không phải do ngoại cảnh mà do lòng mình.

I. ĐỜI VUI HAY BUỒN?

Tùy theo quan niệm của từng người, tùy theo tâm trạng của từng người mà đời trở nên vui hay buồn. Đời chỉ là một, nhưng mỗi người có cái nhìn khác nhau và có thể nói là trái ngược nhau. Chúng ta hãy phân tích hai thái độ đó dưới đây.

1. Đời là buồn

Phần lớn, mọi người đều nhìn nhận đời là buồn khổ, đời vui ít mà buồn nhiều. Ta sẽ chứng minh bằng những chứng cớ sau đây:

Trong kinh Lạy Nữ vương mà chúng ta hay hát vào kinh tối, ta thấy có câu:"*Chúng tôi con cháu Evà ở chốn lưu đầy kêu đến cùng Bà... Chúng tôi ở nơi khóc lóc, than thở, kêu khẩn Bà thương"...*

Phật giáo gọi đời là bể khổ. Tất cả giáo lý của Phật là làm sao giúp con người thoát khỏi vòng bể khổ ấy.

Các văn nhân thi sĩ Việt nam xưa cũng có quan điểm nhà Phật:

Vừa sinh ra sao đà khóc chóe,

Trần có vui sao chẳng cười khì?

(Cao bá Quát)

Quan niệm nhân gian mặc nhiên công nhận sự kiện trên. Vì thế họ mới nói:

Cất tiếng khóc chào đời.

hoặc:

Trần thế hãn phùng khai khẩu tiếu.

(Ở nơi trần thế, ít gặp việc đáng hé miệng cười)

2. Đời là vui

Nhưng cũng có những lý do khác khiến cho một số người coi đời là vui tươi, chứ không buồn thảm như một số đông người ta nghĩ. Chúng ta có thể đưa ra bằng chứng:

Khi thiên thần hiện ra báo tin cho mục đồng:"*Đừng sợ chi, đây, ta loan báo cho các ngươi một tin rất mừng, cũng là tin mừng cho toàn dân nữa: vì hôm nay, Đấng Cứu thế, là Chúa Kitô, đã sinh ra cho các ngươi trong thành Đavít" (Lc,1,10-11).*

Thiên Chúa đã đem đến cho chúng ta Tin Mừng cứu độ, cứu ta thoát khỏi gông cùm tội lỗi, sống đời tự do làm con Thiên Chúa.

Thánh Phalô cũng khuyên chúng ta hãy vui luôn vì Chúa đã đến:"*Anh em hãy vui mừng luôn trong Chúa. Tôi nhắc lại:Hãy vui lên" (Pl 4,4).*

Chúa Giêsu cũng khuyên các Tông đồ hãy vui lên:"*Thầy nói cùng các con như vậy để cho các con được vui mừng, hầu sự vui mừng của các con được đầy đủ" (Ga 15,11).*

Trong các thánh lễ, chúng ta vẫn hát bài thánh vịnh với lòng tin tưởng:

Con sẽ bước lên bàn thờ Chúa,

Chúa làm hoan lạc tuổi xuân con (Tv 42,4).

Người vui vẻ tự nhiên trong người khoan khoái – lương tâm trong sạch - tâm hồn bằng an sáng sủa, và lẽ dĩ nhiên là người lành thánh. Vĩ lẽ người tội lỗi không bao giờ được bằng an cả, theo biện chứng Thánh Kinh:"*Non est pax impiis" (Is 48,22 , 57,21).*

Thánh Kinh lại viết thêm:"*Người thánh thiện luôn luôn vui cười" (Tv 51).*

CƯỜI là hiệu quả của sự vui vẻ thoả thích, cũng như khóc lóc là sản phẩm của đau buồn. Vì thế, ông **Dale Carnegie** – một nhà giáo dục trứ danh trong quyển "Đắc nhân tâm" – mới cho nụ cười nằm vào phương pháp thứ hai trong sáu phương pháp để gây thiện cảm.

Ông nói:"*Mỉm cười với ai tức là như nói với người ấy tôi mến ông... Được gặp ông, tôi vui vẻ lắm,... tôi sung sướng lắm. Và có cảnh tượng nào đẹp đẽ cho bằng, khi thấy hai con người gặp nhau trong một niềm hân hoan vui vẻ, tay bắt mặt mừng. Lẽ dĩ nhiên nụ cười đó phải chân thật, phải tự đáy lòng phát ra mới quyến rũ, mới ủy lạo được người. Còn thứ nụ cười nhếnh mép ở ngoài môi, như do bộ máy phát ra, không lừa được ai hết, chỉ làm cho người ta ghét thôi".*

Quan niệm nhân gian, một cách mặc nhiên cũng công nhận đời có vui, chứ không coi đời là vui, nên mới chúc nhau vui tươi như mùa xuân: a merry Chritmas, Joyeux Noel, bonne et sainte année, a happy new year...

3. Vậy đời vui hay buồn?

Phải nhận định rằng, đời có rất nhiều lúc buồn với sinh, lão, bệnh, tử, không mấy khi được vừa ý.. Nhưng cũng phải công nhận rằng: đời cũng có nhiều lúc vui. Phải chăng cái cười của chúng ta chẳng là biểu hiệu của niềm vui?

Cho nên phải kết luận rằng: vui buồn ở tại lòng ta. Ta vui thì đời là vui mà ta buồn là đời buồn. Chính mình phóng chiếu tâm hồn mình trên cảnh vật, tâm hồn mình vui hay buồn thì cũng theo đó cảnh vật trở nên vui hay buồn. Nguyễn Du đã mô tả trình trạng tâm lý ấy rất đúng:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Truyện:Dễ tính và khó tính.

Buổi sáng ở trạm xăng ở San Francisco, một người ngồi xe hơi đến:

Xin cho hỏi thăm ông chủ một chuyện. Hai tuần lễ vừa qua, tôi nghỉ mát ở Santa Crus. Thật hứng thú. Phong cảnh ở đó đẹp. Dân ở đó dễ thương. Còn về Redwood-Highway, ông chủ có ý kiến gì không?

Ông chủ cây xăng hớn hở trả lời:

- Ở Redwood-Highway dân cũng dễ mến lắm.

Chưa đầy một tiếng đồng hồ, một người khác cũng muốn biết nơi nghỉ mát này, chàng ta nhăn nhó:

- Vừa rồi, tôi đã uổng mất hai tuần lễ nghỉ mát. Chỉ thấy bực mình. Phòng ngủ thì thiếu tiện nghi. Dân ở đó dễ ghét. Còn về chỗ nghỉ mát ở Redwood-Highway, ông chủ nghĩ thế nào?

Ông chủ rầu rầu đáp:

- Miền Redwood-Highway cũng chẳng hơn gì.

Khách đi rồi, người ta mới hỏi ông:

- Tại sao thay đổi ý kiến chóng vậy?

Ông nói:

- Đâu có. Tôi chỉ nhận xét rằng hai ông khách kia mỗi người theo đuổi một cảm nghĩ, không ai muốn thay đổi. Ông thứ nhất yêu người đã gặp, và thích phong cảnh đã được xem. Vậy chắc là đi tới nơi nào ông cũng thích, cũng yêu nơi đó. Còn người thứ nhì thì khó tính, hay càu nhàu. Vậy tôi nghĩ rằng đi tới đâu ông ta cũng bất mãn với nơi đó.

(Vũ minh Nghiễm, Sống sống, 1971, tr 210-212).

II. ĐỜI PHẢI LÀ VUI TƯƠI.

1. Chúa là nguồn vui tươi

Thiên Chúa là sự thánh thiện, sáng láng, đẹp đẽ vô cùng, nơi Ngài không có gì đen tối, buồn thảm. Nơi Ngài chỉ thấy có sự vui tươi và yên ủi. Chúa như thế chẳng lẽ dựng nên toàn tiếng khóc, toàn đau khổ mà không dựng nên được những tiếng cười, những niềm vui tươi phấn khởi sao? Chẳng thế mà thánh vịnh 42 đã quả quyết:"Introibo ad alrare Dei, ad Deum qui laetificat juventutem meam". Chúa là nguồn sự hoan lạc, những ai đến cùng suối hoan lạc ấy cũng sẽ được vui tươi.

2. Mọi sự đều vui tươi

Nhìn vào cảnh vật, có người cho là vui, có người cho là buồn. Nhưng thực sự, mọi cảnh vật đều là vui tươi phấn khởi vì nó là công trình sáng tạo của Thiên Chúa, Đấng là chính nguồn vui của muôn vật, và Ngài thông ban nguồn vui ấy ra nơi vạn vật. Ai chỉ coi khía cạnh tiêu cực của vạn vật, công trình sáng tạo của Chúa thì kẻ ấy chỉ làm nhục cho Chúa,là kẻ vô ơn thôi.

3. Thế nào là vui?

Vui không phải là cái gì vật chất, không có hình dáng, không có trọng lượng hay mầu sắc vì niềm vui chỉ là trạng thái trong tâm hồn. Chúng ta chưa tìm được một câu định nghĩa đầy đủ khả dĩ thoả mãn được sự hiểu biết của chúng ta. Tuy nhiên, ai trong chúng ta cũng đã có lần

cảm thấy vui mà không tả ra được. Chúng ta chỉ cảm thấy niềm vui đang man mác trong lòng. Chỉ có thể cảm nghiệm được niềm vui chứ không thể định nghĩa hay mô tả đầy đủ được. Chúng ta sẽ cảm thấy có niềm vui khi lương tâm chúng ta không hối hận về một việc gì mình đã làm, song còn được vui sướng hoặc hãnh diện về công việc đó.

4. Sao lại có người buồn?

Thường thì "*Cực lạc sinh bi ai*", ngày đám cưới linh đình quá, long trọng quá, xài phí quá khả năng của túi tiền, những cái sang trọng vay nợ, nghèo mà ham sẽ làm cho cuộc hôn nhân vui mừng biến thành cuộc đời vỡ nợ.

Nhớ lại 17 năm sống trong những sự vui chơi của tội lỗi, thánh Augustinô viết những lời tự thú sau đây:"*Lạy Chúa, Chúa biết lúc bấy giờ con đau khổ dường nào!...Lòng con lúc bấy giờ tràn đầy một nỗi buồn vô hạn".*

Được giầu có, được mọi người hoan nghênh, được nếm thử các thứ khoái lạc trên đời, nhà văn hào **Anatole France** có được vui thật không? Ta hãy nghe ông nói với người thư ký của mình:"Nếu anh có thể đọc trong linh hồn tôi, anh sẽ rùng mình. Trong trời đất, không có một tạo vật nào vô phúc bằng tôi: người ta tưởng tôi sống hạnh phúc. Thật ra không bao giờ được sung sướng cả, dầu trong một giờ, dầu trong một ngày".

Thi sĩ **Alfred de Musset** đã lạm dụng sức khỏe và đời sống của mình trong những cuộc ăn chơi, đã đau đớn kêu lên:"Tôi đã mất sức khỏe và đời sống của tôi. Tôi đã mất bạn hữu, đã mất sự vui vẻ của mình" (Nguyễn hài Đồng, Tự điển câu chuyện, 1969, tr 85-86).

Lý do của buồn phiền

a) Buồn do tội mà ra:

Những người tội lỗi không bao giờ được vui vẻ như:

Cain sau khi giết em đâu tìm được giây phút bình yên vui vẻ vì con mắt lương tam tức con mắt Chúa luôn theo dõi ông khắp nơi, khiến tinh thần ông bị rối loạn.

Philatô sau khi đã tuyên án bất công cho Chúa, cũng cảm thấy lương tâm cắt rứt và muốn đi tự tử cho xong đời.

Truyện: Núi Philatô.

Theo truyền khẩu, sau khi Chúa Giêsu chết, Philatô không được bình yên nữa. Ban đêm hắn bỗng giật mình dậy. Chúa Cứu thế đẫm máu hiện ra trước mặt hắn và bảo:"Philatô, tại sao ngươi để ta bị xử oan vô tội? Thế rồi không thể chịu nổi sự hiển hiện khủng khiếp, cái con người có trái tim hèn nhát kia bèn trốn nhà đi. Hắn đi ra ngoại quốc, nhưng khắp nơi hắn đến, nơi nào Chúa Cứu thế đẫm máu cũng đứng trước mặt hắn.

Sau cùng, muốn trút hết những điều hối hận, bứt rứt, hắn nhảy xuống hồ BỐN TỔNG. Nhưng cái hồ cũng không nhận hắn bình yên. Một ngọn núi bỗng nổi lên trên xác hắn, thành một cái mồ khủng khiếp.

b) Buồn vì còn thiếu, xa cách cái gì.

Con người buồn khi phạm tội vì lúc đó họ xa Chúa, mất sự tương giao thân mật với Chúa như thánh Augustinô đã nói:"*Lạy Chúa, Chúa dựng nên con cho Chúa. linh hồn con chỉ được bình yên khi yên nghỉ trong Chúa".*

Vì thế , mới đi đến tình trạng:

Nhớ ai cơm chẳng buồn ăn,

Hồ bưng lấy bát, lại dằn xuống mâm.

(Ca dao)

Buồn vì con người bị tù túng trong xác thịt, bị tình dục lăng loàn, linh hồn còn hướng về quê hương thật đầy hạnh phúc. Tâm trạng này nàng Kiều trong Đoạn trường tân thanh đã diễn tả khi phải ngồi ở lầu Ngưng Bích ngắm cảnh bể chiều hôm:

Buồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Buồn trông ngọn nước mới sa,

Hoa trôi man mác biết là về đâu.

Buồn trông ngọn cỏ dầu dầu,

Chân mây mặt đất một mầu xanh xanh.

Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh,

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi,

(Nguyễn Du)

Trong cảnh tù túng đó, nàng Kiều thấy cái gì cũng buồn, chữ "**buồn**" được nhắc đi nhắc lại nhiều lần nói lên một nỗi buồn man mác, mênh mang...

c) Buồn vì thiếu nhiệm vụ.

Những khi thiếu sót bổn phận đối với Chúa, đối với tha nhân và đối với chính bản thân mình, chúng ta cũng thấy lạc lõng, lẻ loi, như một cung đàn lạc điệu không ăn khớp với hoà điệu của toàn thể bài nhạc mà Thiên Chúa đã sáng tác. Trong âm giai trưởng ta thấy cách xếp đặt cung và nửa cung đều đặn, đầy đủ; còn trong âm giai thứ thì số thứ

tự cung và nửa cung khác nhau, không đầy đủ, vì thế trở nên buồn. Chúa cũng muốn chúng ta hòa điệu theo âm giai trưởng cho vui tươi sáng sủa nhưng ta đã tự ý dùng âm giai thứ hòa vào với âm giai trưởng của toàn thể tạo vật, làm cho cung nhạc trở nên lạc lõng, bài nhạc trở nên khó nghe.

d) Bản thống kê số người buồn.

Bản thống kê này hơi cũ, nhưng cũng cho biết phần nào tình trạng hiện nay. Tại Mỹ có tới 70.000 đến 100.000 người tự vẫn mỗi năm, mà 50% là do bệnh buồn. Theo Viện quốc gia sức khỏe Hoa kỳ, mỗi năm có đến 8 triệu người Mỹ mắc bệnh tâm trí do ưu sầu, trong số đó có 125.000 người phải vào bệnh viện chữa trị và 200.000 người chữa trị tại nhà. Ba loại bệnh được coi là" ăn khách" nhất tại Mỹ là cần sa ma túy – phong tình – và buồn đến chán đời. Số tuổi từ 15 đến 25 tự vẫn gấp 3 lần trong 10 năm qua. Theo trung tâm bài trừ tự vẫn Los Angeles, số tự vẫn gia tăng gấp đôi trong lứa tuổi 20. Có hai nguyên nhân:

* U sầu vì muốn trốn tránh nền văn minh vật chất kỹ thuật.

* Hoặc chán nản vì coi mình đã bị biến thành những "robots" thời đại, những con người máy vô hồn.

(G.s Nguyễn tấn Chức, Bệnh nơi thanh niên, báo Phương đông, số 41)

e) Nguy hại của sự buồn.

Đứng về phương diện sinh lý, buồn rầu, gắt gỏng đã thất bại đau đớn rồi, còn đối với bản thân, buồn rầu cũng giống như cái cây sâu, nó đã không nảy nở ra được lại còn chóng già, chóng cỗi nữa. vì sâu ở trong dần dần làm cho thân cây ruỗng nát ra mới thôi.

Nào khi lòng dưới dượi buồn,

Quên ăn, biếng ngủ, kém dòn, kém xinh.

(Ca dao)

Muốn biết buồn rầu gieo tai giáng họa cho con người ra sao, thì ta chỉ cần liếc mắt qua một đoạn ngắn do nhà chuyên khảo về thuyết "trường sinh", **Hufeland** viết dưới đây:

"*Buồn rầu rất nguy hiểm cho cả thể chất lẫn tinh thần. Ta thử ngắm một người buồn xem thấy có gì? Kìa họ bắt đầu ngáp, ấy là triệu chứng làm ngăn máu không vận lên phổi được, vì thế, quả tim cùng các mạch máu bị hại lây, huyết ứ từ chỗ. Bộ máy tiêu hóa yếu đi, rồi dần dần suy nhược. Trong người mỏi mệt nặng nề, bụng anh ách, tức tối nên lúc nào cũng cảm thấy ưu uất".*

Nguyễn Du, tác giả truyện Kim văn Kiều, mới ngoài 30 tuổi mà tóc đã bạc cũng là vì buồn rầu, suy tư nhiều.

Ngũ Tử Tư lo tìm kế vượt qua cửa ải mà chỉ có một đêm, cả tóc và râu bạc trắng.

Hoa Đà, một thầy lang nổi tiếng đời Tam quốc, vì lo phương tìm kế cứu người, độ thế, mà mặt mày tuy rất trẻ, tóc bạc phơ cả đầu , vì thế mới:

Lo bạc râu, sầu bạc tóc.

Sự buồn rầu cau có gây hại cho người ta về sinh lý. Mỗi khi tức giận thì mặt mày cau có, da mặt nhăn nheo vì bị co, kéo nhiều nên chóng thành nếp nhăn trước khi tới tuổi già:

Giận chồng mà chẳng bế con,

Cha mày làm mất cái dòn của tao.

(Ca dao)

Nếu giận quá thì thân thể bị co dúm, cổ nghẽn, mặt đỏ bừng hay tái mét, các cơ thể bị xáo trộn, lệch lạc, tim đập mạnh, máu căng lên hay dẹp xuống, mà tiết ra một chất độc tàn phá sức khỏe người ta... Nộ khí ấy quật mạnh vào mớ dây thần kinh ở trước ngực làm cho quả tim như thắt lại, hay đập vào mớ dây thần kinh ở bụng khiến ruột như đứt ra. Vì thế, người ta mới có câu tục ngữ "*Buồn đứt ruột*". Tức giận vô tình đã gây nên bệnh đau tim, đau phổi và đau bao tử.

Truyện vui

Vui vẻ sẽ đỡ bệnh tật và giúp sống lâu. Có một nhà bác học muốn mở một cuộc điều tra xem tại sao người ta sống lâu. Phóng viên nhà báo chia nhau đi phỏng vấn. Phóng viên gặp một ông cụ thứ nhất:

- Thưa cụ, năm nay cụ bao nhiêu?

- 103 tuổi.

- Cụ có thể cho chúng cháu biết bí quyết sống lâu?

- Không khó gì: tôi không uống rượu, không hút thuốc, tôi không đam mê trai gái.

Phóng viên lại hỏi ông cụ thứ hai:

- Cụ năm nay bao nhiêu?

- 110 tuổi.

- Bí quyết sống lâu của cụ?

- Ăn ngủ đúng giờ, lúc nào cũng vui vẻ, không trác táng, không cáu giận.

Ông cụ thứ ba già hơn hai ông cụ trên một chút.

- Bí quyết sống lâu của cụ ra sao?

- Tôi chẳng kiêng khem gì hết: thuốc, rượu, trai, gái, cờ bạc

tôi đều chơi tuốt. Không có tiền, tôi chửi đời om lên, bạ ai tôi cũng gắt gỏng sinh sự.

- Thưa cụ, năm nay cụ được bao nhiêu tuổi?

- Tôi 30 tuổi.

III. NIỀM VUI CỦA CON CÁI CHÚA.

1. Hãy tạo cho mình một niềm vui

Đời có lắm cái buồn. Không ai được mọi cái vừa ý, nhưng để sống lâu, sống yêu đời, ta hãy tạo cho mình một con mắt lạc quan, nhìn vào cái gì cũng thấy đẹp, thấy vui tươi phấn khởi; thực sự niềm vui không phải ở nơi cảnh vật, niềm vui ở ngay tại lòng ta.

Truyện:

Trang Tử và Huệ Tử đang chơi trên cầu sông Hào. Trang Tử nói:

- Đàn cá xanh bơi lội thung dung, cá vui đó.

Huệ Tử nói:

- Ông không phải cá, sao biết cá vui?

Trang Tử nói:

- Tôi không phải ông, , sao biết tôi không biết?

Huệ Tử nói:

- Tôi không phải ông, nên không thể biết được ông. Còn ông không phải cá, ông cũng hẳn không sao biết được cái vui của cá.

Trang Tử đáp:

- Xin hãy xét lại câu hỏi đầu. Ông đã hỏi tôi làm sao biết được cá vui? Đã biết là tôi biết, ông mới có hỏi "làm sao mà tôi biết". Thì đây làm thế này: Tôi đứng trên cầu sông Hào mà biết được.

Những lời nói của Trang Tử trên đây chứng tỏ rằng cảnh vật vui buồn bên ngoài là trạng thái của tâm hồn, tức là vật ngã đồng nhất, cũng như lời một nhà thi hào viết rằng: *Le paysage est un état d' âme.*

Nếu ta nhìn đời với con mắt yêu thương, thì đời đối với ta cũng đáng yêu thương. Nếu ta nhìn đời với cặp mắt lạc quan vui tươi, thì đời đối với ta cũng phấn khởi xinh đẹp. Trái lại, nếu ta nhìn đời với cặp mắt hằn học thì nó cũng có vẻ hằn học trước mắt ta. Đời thì cũng như một tấm gương trong, ta cười thì nó cười, mà ta khóc thì nó khóc với ta. Những kẻ bi quan yếm thế, mang nặng một tâm hồn ích kỷ, đầy tư dục, thì dù sống giữa những cảnh đẹp nhất trần gian, giữa cảnh giầu sang tuyệt thế, cũng vẫn buồn khổ triền miên, vì đã mang cả một địa ngục trong lòng.

Hoán cải xã hội chung quanh mình là điều cần phải thực hiện, cần thật nhưng phải lo hoán cải lòng mình trước đã, nghĩa là phải lo hoán cải nhãn quan của mình về cuộc đời trước hết. Nếu tất cả mọi người đều có một tâm hồn tẩy sạch những mầm ích kỷ, những chồi tư dục, thì trước mắt mọi người, trần gian này là một thiên đàng đã được đưa xuống dương thế (P. Mười Chỉ, báo Thăng tiến, mục Nhân tình thế sự).

Một cách thế nữa để tạo được niềm vui trong tâm hồn, đó là bằng lòng về số phận, bằng lòng với hoàn cảnh hiện tại của mình, đừng oán trời, đừng than thân trách phận nữa.

Truyện: Ông Vinh khải Kỳ

Đức Khổng Tử chơi núi Thái Sơn, gặp ông Vinh khải Kỳ ngao du ngoài đồng, mặc áo cừu thắt lưng dây, tay gảy đàn cầm vừa đi vừa hát.

Đức Khổng Tử hỏi:

- Tiên sinh làm thế nào mà vui vẻ thế?

Ông Vinh khải Kỳ nói:

- Trời sinh muôn vật, loài người qúi nhất, mà ta được làm người, đó là một điều đáng vui – Trong loài người đàn ông qúi hơn đàn bà, mà ta được làm đàn ông, đó là hai điều vui – Người ta sinh ra có người đui què, có người non yếu, mà ta hoàn toàn khỏe mạnh, nay đã 90 tuổi, thế là ba điều đáng vui... Còn cái nghèo là sự thường của thế gian, cái chết là sự hết của đời người. Ta nay xử cảnh thường đợi lúc hết, thì có gì là buồn?

Đức Khổng Tử nói:

- Phải lắm ! Tiên sinh thế là biết cách tự làm cho khoan khoái mà hưởng sự vui thú ở đời (Liệt Tử).

Thi sĩ **Chantavoine** có câu:

Thanh niên hãy kính yêu đời,

Đường kia thẳng bước sáng tươi vô cùng.

Hân hoan ta giữ nơi lòng,

Giấc mơ bữa trước, ánh hồng ngày mai.

Người bi quan thì e dè sợ sệt, không muốn hành động mà cũng không dám hành động. Người lạc quan với nghị lực sẵn có, với dạ nhiệt thành ca hát trên đường đời, tin ở sức mình, tin ở tình thương rộng rãi của nhân loại. Thống chế **Foch** của nước Pháp nói:*"Lòng nhiệt thành là khí giới tối thiết của con người*". Với lòng nhiệt thành, người lạc quan đem hết khả năng phụng sự cho đời.

Đại diện cho người lạc quan này là DUY, nhân vật chính

trong truyện "Con đường sáng" của Hoàng Đạo. Duy mới ra đi, ham vui, rồi sa ngã. Nhưng chàng là một thanh niên giầu nghị lực, đứng trước cái sinh hoạt của con người, lòng Duy bình thản trở lại, rồi duy mạnh dạn tiến lên, cương quyết từ bỏ cuộc đời cũ, kết hôn với Thơ, một người con gái bình thường, chất phác, mở một cuộc sống mới, xây dựng đồn điền, ấp trại, hoà cái sống của gia đình mình vào cái sống vui đẹp của mọi người.

Đọc "Con đường sáng", người thanh niên yêu đời thấy thích những ý nghĩ thầm kín của Duy:"Ngày nay cũng hẳn có nhiều tâm hồn cương quyết, hồn hậu như những tâm hồn ngày xưa và hẳn cũng đang tìm tòi để mong loài người mỗi ngày một sung sướng (Minh Văn và Xuân Tước, Nghị luận luân lý, 1964, tr112).

2. Hãy tạo cho mình một nụ cười

Có người đã viết:"Cười ví như nắng và buồn ví như mưa. Nắng mãi không sao nhưng mưa một ngày thì chán một ngày. Nếu vô phúc mà mưa suốt cả năm, hay tệ hơn thế nữa là mưa suốt cả đời thì hết thảy mọi thứ từ loài người, súc vật cho đến thanh bông hoa trái, cả đến nhà cửa núi non cũng phải đành chịu mục nát luôn". Đúng thế, đời đại hồng thủy chỉ mưa có 40 mươi đêm ngày mà mọi tạo vật đã bị tiêu diệt hoàn toàn, trừ ra gia đình ông Noe với các vật đã được lệnh mang vào trong tầu (St 7,24).

Người ta không thể định nghĩa được cười là gì. Người ta chỉ biết cười là đặc tính duy nhất của con người, và trong thực tế mọi người đã có lúc cười. Có rất nhiều thứ cười và mỗi loại cười lại có ý nghĩa riêng. Nói chung, cười là một biểu hiệu của quảng đại, của hiền từ, của chiến thắng và nói lên sự hiện diện của Thiên Chúa.

Cười rất cần thiết vì nó có ích cho con người cả về phương diện tinh thần lẫn vật chất, nó giải toả được sự bực tức, sự ấm ức khó chịu trong con người. Nhà văn hào **Victor Hugo** đã nói:"Khi nào cười thì tôi mới độ 25 tuổi, nhưng lúc buồn rầu thì không khác gì ông lão lụ khụ 60" (Lorsque je ris, j 'ai 25, mais triste, j'en ai 60):

Nhất tiếu thiên địa không.

(Bật lên được một tiếng cười thì trơi đất cũng như không)

Do đó cần luôn có nụ cười trên môi, nhất là trong phép xã giao. Các cụ ta khuyên nên lấy cái cười làm đầu sự xã giao, nên viết:

Nhân thế tao phùng khai khẩu tiếu.

(Người đời gặp nhau là nhoẻn miệng cười)

Cũng trong tinh thần ấy bác sĩ **Victor Pauchet** đã viết:"*Anh hãy mỉm cười với đời trước đã rồi đời sẽ cười lại với anh*". Người Nhật lúc nào cũng có vẻ mặt tươi cười, cử chỉ nhã nhặn, nên rất được cảm tình với các dân tộc khác.

Truyện vui: Don Quirido.

Về thế kỷ 15 có một chàng thanh niên quí phái Y pha nho tên là Quirido. Một hôm, chàng thất vọng về tình, sinh ra buồn rầu, chán nản, có ý muốn quyên sinh. Nhưng may có người bạn thân biết ý ở luôn bên cạnh can ngăn và khuyên anh đi tu.

Chànhg bèn tìm một nhà dòng hẻo lánh để mau vo tròn quả phúc. Được ít lâu, tâm hồn thanh thản lại, dầu sao nét mặt vẫn còn đượm vẻ buồn. vì ở chung quanh chàng, từ các thầy tu, người làm, cho đến cảnh vật, đều nhuộm một mầu khắc khổ.

Một đêm, chàng buồn rầu đến thất vọng. Bỗng có một vị thần hiện lên trong khi chàng chợp mắt, bảo rằng:

- Ngươi cứ bình tĩnh thì sẽ tìm thấy ý nghĩa cuộc đời rồi đến thiên đàng rất dễ. Ta ban cho ngươi thứ bảo vật này. Trong sáu tháng, ngươi phải theo đúng lời ta dặn thì sẽ thấy hiệu quả.

Nói xong, vị thần trao cho chàng một cái gương và bảo thêm:

- Vật này phản chiếu bộ mặt thực của đời. Sáng dậy, ngươi nhìn vào đấy mà cười và cố giữ nụ cười luôn trên môi để cho kẻ khác noi theo.

Ngoan ngoãn nghe lời, chàng ngủ rất ngon lành và đã từ lâu chàng không được ngủ ngon như thế bao giờ. Mở mắt dậy, thấy chim chóc nhảy nhót, ca hát ríu rít trên cành,chàng cười, hát theo làm náo động cả bầu không khí âm thầm, lạnh lẽo của nhà dòng.

Thầy bề trên gọi chàng vào bắt phải tuân theo kỷ luật nghiêm khắc trong tu viện. Chàng nói:

- Thưa cha, Đấng Thượng đế đã gieo rắc những mầm vui tươi tận đáy lòng con. Hạt vui tươi ươm từ lâu đâm chồi, nảy lộc tốt tươi. Nay cành lá rườm rà, lại khai hoa kết quả rực rỡ. Ngài đã ban cho con cái sống vui vẻ ở đời thì lẽ tự nhiên con phải ngắt bông hoa "**cười**" và hái quả "**ca hát"** để dâng Đấng tối cao.

Từ đó, chàng được tận hưởng cái Trời cho, làm cho cả nhà dòng, trong vòng một tháng,

thành một cõi thiên đàng. Chỉ riêng có thầy bề trên đã nghiêm nghị lại càng nghiêm nghị hơn, vì còn phải lo phương kế tống cổ anh thầy tu trẻ tuổi kia ra khỏi tu viện. Sau cùng, ngài đẩy anh ta đến một tu viện mà kỷ luật nghiêm khắc hơn gấp bội. Nhưng trái lại, chàng lại vui cười hơn trước. Chàng không ngờ đã lập được một... đảng"thầy tu cách mạng"

Bị khép vào tội "vi phạm kỷ luật, chàng bị kết vào tội "thiêu thân". Đến khi thầy lên giàn hỏa, nhiều thầy tu khác lăn xả vào cứu đến nỗi mười một đồng chí chết theo.

Đứng trước tình trạng ấy, viên quan toà kết tội, uất ức quá cũng lăn ra chết nốt.

(Vũ Bằng, Cười đông tây kim cổ, 1970, tr 46-48)

3. Niềm vui trong hy sinh và chấp nhận

Bao lâu người ta chưa biết hy sinh, chưa biết chấp nhận cuộc sống hiện tại, bấy lâu chưa có niềm vui trong lòng. Trái lại, chính sự hy sinh xả kỷ đã đem lại cho con người một niềm vui tươi man mác mà không một ai hay của cải vật chất có thể đem lại được. Ông **Nguyễn đình Tân** đã nhận thấy như vậy và ông đã diễn tả tư tưởng ấy trong cuốn Thời bút như sau:

Xuân chỉ đến với những tâm hồn chu toàn bổn phận, với những tâm hồn biết chia vui sẻ buồn với tất cả mọi người.

Ai biết được cái vui xuân của người lính gác trong đêm giao thừa ở nơi biên giới vắng vẻ? Chỉ họ mới biết. Vì họ biết họ thức cho bao nhiêu người ngủ, họ canh gác cho bao nhiêu đồng bào bình yên, họ lẻ loi để bao nhiêu người xum họp.

Ai biết được cái vui xuân của một bà Phước trong ngày mồng một Tết vẫn cắm cúi lau chùi những vết thương đau của người khốn khổ? Ít ai biết được. Chỉ có bà ta biết được lòng mình, vì bà biết sự hy sinh của bà đã yên ủi đôi ba tâm hồn chơ vơ trong cảnh vui chung.

Ai biết được cái vui xuân của một tu sĩ một mình lặng lẽ cầu nguyện trong bóng tối của tu viện. Ít người biết được. Chỉ có người đó biết lòng mình thôi, vì họ biết họ cầu nguyện cho người giầu sang thiếu sự an ủi, cho người cao qúi thiếu sự bình an, cho người nghèo khó no đầy ơn phúc.

(Phạm đình Tân, Thời bút 1967, tr 157)

Ta mỉm cười trong đau khổ không phải luôn là hình phạt, nhưng có khi là nguyên do của một vui mừng. Chúa Giêsu đã phán:"Hạt giống gieo xuống đất phải mục nát ra, mới sinh ra trăm ngàn hạt khác'. Người mẹ lúc sinh con phải buồn phiền, nhưng sẽ khoan khoái khi biết mình đã thêm cho đời một mụn con.

Ta sẽ mỉm cười trong khi làm ăn thất bại hay phải thất nghiệp, vì có khi ta thất bại vì ta chán nản. Ta sẽ tìm giải quyết mọi sự trong vui tươi như thi sĩ **Alfred de Musset** đã để lại cho chúng ta mấy dòng sau đây:

Tôi đi qua cánh đồng vắng,

Một con chim hát trên tổ

Dưới chân nó, bầy chim con chết lăn lóc,

Thế mà chim mẹ vẫn hát trước cảnh bình minh.

Hỡi hồn ta, mày đừng khóc nữa,

Vì cho đi mày mất hết mọi sự

Thiên Chúa, Đấng ngự trên trời thanh thẳm

Vẫn là nguồn hy vọng ở trần gian cho mày.

(Alfred de Musset)

KẾT LUẬN

Đời không hẳn là bể khổ, đời có vui, có buồn xen lẫn. Sự buồn phiền có thể do Chúa gửi đến cho chúng ta đi kèm với những đau khổ thể xác, nhưng dù sao cũng phải công nhận rằng sự buồn phiền đó do con người tạo ra khi họ phạm tội. Khi họ phạm tội tức là họ thiếu bổn phận đối với Chúa hoặc đối với tha nhân, họ tự cắt đứt liên lạc với Chúa là nguồn vui tươi, tâm hồn họ bị giao động, không được yên nghỉ.

Vậy muốn tạo cho mình được một niềm vui tươi phấn khởi trong đời sống hiện tại, ta hãy giữ cho linh hồn mình được sạch tội, đón nhận tất cả những gì xảy đến với một lòng tin tưởng phó thác nơi Chúa từ ái, Người luôn săn sóc chúng ta như con ngươi trong mắt Người.

Lm Giuse Đinh lập Liễm

Giáo xứ Kim phát

Đà lạt

Trang PSTT - GTPS

MỘT CHÚT TÂM TÌNH CỦA NGƯỜI PHỤC VỤ

Những tâm tình ghi lại ở đây được gởi đến Quí cha, quí thầy Dòng Nhất, Dòng Clara và đặc biệt là Anh chị em Phan Sinh Tại Thế là những người đang cùng tôi nỗ lực sống ơn gọi của người Phan Sinh giữa đời. Chút tâm tình này được cảm nhận từ những ngày đầu của mùa Phục Sinh, sau khi đã trải qua 40 ngày sống tinh thần chay tịnh để rồi hân hoan vui mừng cùng Vượt Qua với Thầy Giêsu chiến thắng sự dữ và ác thần.

1 - Sống ý nghĩa thời gian 40 của mùa chay

Nếu thời gian 40 ngày chay thánh vẫn được Hội Thánh gọi là mùa Hồng Ân để nhớ lại 'bí tích rửa tội' mà ta đã lãnh nhận hầu sống ơn gọi của bí tích này cách sâu xa và thiết thực theo ơn gọi của người PSTT đã được nêu lên trong điều 6 Luật Dòng PSTT: "*cố gắng trở nên chứng nhân và khí cụ thực hiện sứ mạng của Hội Thánh giữa loài người bằng cách dùng đời sống và lời nói mà loan báo Đức Kitô*". Để thực hiện được những đòi hỏi ấy, thiết tưởng cần đánh giá lại bản thân trong mối tương quan với Thiên Chúa, đặc biệt trong mùa chay, qua một vài góc nhìn mà tôi tự phân định nơi bản thân mình. Đó là:

Vun trồng tình yêu đối với Thiên Chúa và tha nhân.

Tìm cách tự chủ, kiềm chế sở thích cá nhân và lưu ý đến tình liên đới với tha nhân.

Tinh thần các Mối Phúc thấm nhuần trái tim tôi thế nào rồi?

Đây cũng là thời gian rất thuận tiện để tự hỏi:

Tại sao tình yêu của tôi còn thờ ơ và quá hẹp hòi như thế?

Tại sao tôi chưa biết quí trọng tất cả anh em, cả những người yếu kém.

Tại sao tôi mặc cho đức tin một bộ áo bên ngoài hơn là một lối sống bước theo vết chân Đức Kitô là Đấng chịu đóng đinh mà cha thánh Phanxicô hết mực noi theo, bắt chước?

Và là thời gian thật thích hợp để canh tân mọi hoạt động và cũng là để nỗ lực hơn nữa:

Hiểu biết cuộc sống trong cái thực tế của từng anh em, tránh 'đóng khung' anh em bằng suy nghĩ chật hẹp của mình.

Từ đó ngày càng cảm nhận về một Đức Kitô cũng như Tin Mừng, thập giá và ơn cứu độ của Người trong các hoạt động của mình.

Để rồi biết cách dung hòa giữa 'đạo' và 'đời', giữa cái 'biết' của khối óc và cái biết của con tim mà gắn bó tha thiết với ơn gọi của mình hơn nữa.

2 - Sống ý nghĩa của mầu nhiệm Vượt Qua

Với ý thức và cố gắng sống như thế trong những ngày của mùa chay, một khi bước ra, vượt qua khỏi thời gian ấy như ông Môsê trải qua 40 ngày trên núi Xinai cùng với Đức Chúa khiến

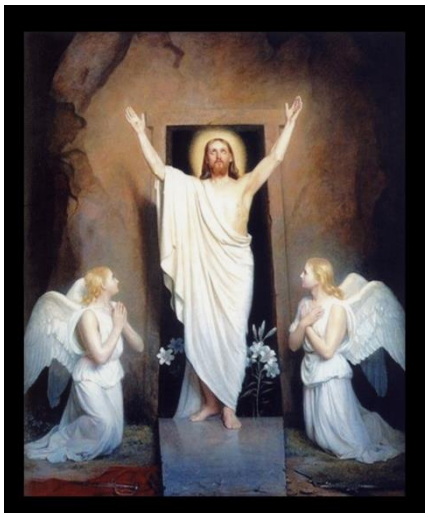

khuôn mặt của ông trở nên sáng lạn và cũng như dân Do thái thoát ra khỏi 40 năm lưu lạc để trở thành một dân mới của Thiên Chúa… và để đi vào cuộc Vượt qua, mùa phục sinh, tôi tiếp tục sống ý nghĩa của cuộc Vượt qua ấy thế nào?

Nếu Phục Sinh và mầu nhiệm Vượt Qua là trung tâm điểm của cuộc sống Kitô hữu và là nền tảng của Năm Phụng Vụ, thì điều đó lại càng đúng với người PSTT. Kể từ lúc lãnh nhận Phép Rửa, người Kitô hữu nói chung và người PSTT nói riêng cùng chết với Đức Kitô đối với tất cả những gì làm ta xa lìa Thiên Chúa, và từ đó để được sống lại cùng với với Đức Kitô Phục Sinh.

Đức Kitô đã chiến thắng sự dữ, chiến thắng ác thần, chiến thắng sự chết bằng cuộc phục sinh của Ngài. Tảng đá lấp cửa mồ đã được lăn ra một bên. Nấm mồ không còn là nơi cầm giữ thân xác của Người. Chính Luật Dòng và Hiến chương đã cống hiến cho anh chị em Phan Sinh chúng ta xác tín vào một Giêsu của cuộc vượt qua ấy và dấn thân bước theo Người. Bản *Luật* đã được trình bày cho chúng ta trước hết như một đề xuất về ơn gọi lấy Chúa Kitô làm trung tâm cho dự phóng đời sống (x. *Cẩm nang công tác Trợ uý Dòng PSTT,* trang 216). Luật Dòng khẳng định: *Luật và đời sống của anh chị em PSTT là tuân giữ Phúc Âm của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, theo gương thánh Phanxicô Atxidi" (Luật Dòng PSTT,4)*. Tổng hiến chương nêu rõ điều này hơn nữa: "*Linh đạo của người PSTT là một chương trình sống tập trung vào con người Đức Kitô và đi theo Ngài"(*THC 9,1).

Như vậy nếu người PSTT một khi lấy Đức Kitô làm trung tâm cho đời sống mình, từ tư tưởng, lời nói và thể hiện ra bằng hành động thì hãy chôn vùi sự ích kỷ, ươn lười, kiêu căng, hợm hĩnh, tính cục bộ, bè phái, bất hợp tác…, cần chôn vùi vĩnh viễn tất cả bóng đêm tội lỗi ấy vào nấm mồ của sự chết vĩnh viễn hầu sức sống của ánh sáng phục sinh, của lòng quảng đại, của sự hăng say nhiệt thành, của tình huynh đệ chan chứa, của tinh thần phục vụ vô vị lợi toả lan trong các huynh đệ đoàn của chúng ta.

3 - Tâm tình tạm kết: cần có trái tim *đầy lòng thương cảm của Chúa Giêsu*

Để kết thúc những tâm tình từ mùa chay – mùa Phục sinh, tôi xin được mượn lời và cũng là tâm tình của Đức thánh cha Phanxciô như kim chỉ nam cho mọi hoạt động của chúng ta, kín múc múc từ nguồn mạch trái tim từ ái của Thầy Giêsu chí thánh. Trong buổi đọc kinh Truyền Tin đầu tiên sau khi được bầu làm giáo hoàng, Đức thánh cha Phanxicô đã nói: "Dung mạo của Thiên Chúa là dung mạo của một người Cha đầy lòng thương xót, đầy nhẫn nại với chúng ta. Người thấu hiểu chúng ta, chờ đợi chúng ta và luôn tha thứ cho chúng ta mà không bao giờ mệt mỏi, nếu chúng ta chạy đến với Người với tâm hồn sám hối… Lòng thương xót sẽ biến đổi thế giới. Một chút lòng thương xót thôi cũng làm cho thế giới bớt lạnh lẽo và thêm công chính" (*Kinh Truyền Tin*, 17-03-2013).

Và trong buổi đọc kinh Truyền Tin ngày 11-01-2015, Đức Thánh Cha Phanxicô còn nói: "Ngày nay chúng ta rất cần đến lòng thương xót, Điều quan trọng là các tín hữu sống lòng thương xót ấy và đem vào các môi trường xã hội khác nhau. Anh chị em hãy lên đường! Chúng ta đang sống trong thời đại của lòng thương xót, đây là thời đại của lòng thương xót". Để rồi đến ngày 13-3-2015, tại Đền thờ thánh Phêrô, Đức thánh cha Phanxicô đã quyết định công bố mở một "Năm Thánh đặc biệt" gọi là *"Năm Thánh Lòng Thương xót"*.

Một khi thấm nhuần *lòng thương xót* của Thầy chí thánh Giêsu, Đấng mà chúng ta muốn được trở nên *đồng hình đồng dạng* với Người, Đấng mà cha thánh Phanxicô đã muốn *bước theo dấu* chân của Người, thì người PSTT chúng ta sẽ có cái nhìn thương cảm và bao dung hơn với anh chị em của mình.

Phêrô Nguyễn Bá Sơn, OFS

BÀI HỌC YÊU THƯƠNG

Ba mươi năm Người sống đời vâng phục
Thánh Giuse và Mẹ Maria
Để dạy ta phải thảo hiếu mẹ cha
Và vui sống cho đến ngày xuất hiện
Suốt ba năm giảng rao và khấn nguyện
Bước đầu tiên là thánh tẩy Giodan
Dạy cho ta muốn vào nước thiên đàng
Là phải biết sống theo luật Chúa
Bước tiếp theo Người bao phen cứu chữa
Kẻ phong cùi bại liệt khắp mọi nơi
Dạy cho ta muốn được sống đời đời

Là phải biết cảm thông và chia sẻ
Để vườn hoa Thiên Chúa mãi ươn mầm
Và trổ sinh hoa trái thật xứng tầm
Tình yêu Chúa cao vời không thể tả
Vậy mà có bao người không đáp trả
Lên án Người như một kẻ tội nhân
Người vẫn không một ý kiến tỏ phân
Đành phó mặc lý hình đem đi giết
Đồi Can Vê gió lùa nghe kinh khiếp
Tiếng hò reo inh ỏi một góc trời
Người lặng thinh đi mãi không một lời
Vai vác nặng một cây thập tự giá
Đến một nơi đều toàn là sỏi đá
Chúng lấy hết quần áo để chia nhau
Còn vòng gai chúng lại đội trên đầu
Rồi xô ngã đóng đinh vào thập tự
Hãy xem đó tội loài người quá dữ
Hãy xem đó biết luật Chúa cao minh
Vì tội ta mà Người phải hy sinh
Cho đến chết để thi hành ý Chúa
Bài học yêu thương luôn là điểm tựa
Dạy bảo ta phải cố gắng sửa mình
Hãy tránh xa lối sống bất minh
Mà uổng phí công trình Người cứu chuộc.

A G Bùi Công Hóa
HDĐ Clarra Tam Tòa – Miền Đà Nẵng

CON CHIÊN LẠC

(phỏng theo Luc 15: 1-7)

Kinh Thánh chép: Chúa đang rao giảng,
Số người nghe thuộc hạng bình dân
Người thu thuế, kẻ tội nhân
Say sưa đón nhận hồng ân Tin Mừng.
Thầy thông giáo, mấy ông cũng tới,
Pha ri siêu vừa mới tới sau
Sầm sì phê phán với nhau:
Ông này ăn uống bạn bầu ngu dân.
Chúa thấu suốt lòng thâm độc họ
Lên tiếng ngay,ban dụ thần thông:
"Người nào trong số các ông
Trăm chiên ,mất một mà không đi tìm?
Dù phải bỏ đoàn chiên một chỗ
Chẳng lo gì sự cố xảy ra
Tình thương chiên lạc đậm đà
Nên đành phó thác- rời xa chiên đoàn.
Khi tìm được, hân hoan phấn khởi
Về đến nhà mời gọi người thân
Láng diềng, lối xóm, ân nhân
Rằng xin đồng cảm dự phần với tôi:
Của đã mất nay hồi trở lại,
Con chiên ngoan lạc trại về đây,
May sao tôi tìm được ngay,
Rõ ràng phúc đức ơn này truyền thông...
***
Đây tôi nói các ông được biết:
Cả thiên dường nhiệt liệt hân hoan,
Khi người tội lỗi cải hoàn
Hơn bao người đã vẹn toàn phúc vinh.

(*Thế Kiên Dominic*)

CHỦ ĐỀ 2

TRỢ ÚY ĐÍCH THỰC LÀ AI?

Giuse Trần Thế Mừng ofm tổng hợp

Cổ nhân có nói: "Tri kỷ tri bỉ, bách chiến bách thắng". Để xác định **chân dung vị trợ úy Dòng Phan Sinh Tại Thế** (PSTT), việc cần làm là: tìm biết **chủ thể** và là **đối tượng** của vị trợ úy là ai? muốn gì?... Vì thế, chúng ta không thể không lược qua lịch sử, dự phóng, linh đạo và sự hiện diện tích cực của Dòng PSTT trong Hội thánh và trong xã hội.

I. LƯỢC SỬ DÒNG PSTT

1. Thánh Phanxicô và "Những người sám hối"

Học giả Sabatier cho rằng: "Thư gửi các tín hữu" là một tác phẩm quan trọng biểu lộ ý tưởng căn bản của thánh Phanxicô trong việc huấn luyện các anh chị em sống đời hoán cải. Bức thư còn biểu lộ "sự săn sóc ân cần và lo lắng đặc biệt" của thánh Phanxicô đối với phần rỗi của những tâm hồn được giao phó cho người.

2. Các anh em tu sĩ Phan sinh cùng thánh Phanxicô hướng dẫn anh chị em sám hối

Với Công đồng Lateranô IV, người giáo dân được Hội thánh quan tâm cách riêng. Vì thế, các phong trào giáo dân khởi phát mãnh mẽ, như Nhóm Valdo, Nhóm Cata, Nhóm sám hối… chủ trương thực hành Phúc Âm theo lối sống nghèo khó và lữ hành. Riêng nhóm giáo dân mệnh danh là "Những anh chị em đền tội" đi theo thánh Phanxicô, là những người sống tại gia, tại thế, đồng thời ước muốn đạt tới sự triệt để của Phúc Âm trong Hội thánh.

Thánh Phanxicô không phải là người sáng lập đúng nghĩa của Dòng Đền Tội, vì phong trào này đã có trước ngài nhiều thế kỷ.Tuy thế, ngài vẫn được xem là đấng sáng lập bởi Sắc dụ"Supra montem" do ĐGH Nicolas IV công bố ngày 18.8.1289.

Qua "Thư thứ I gửi các tín hữu", thánh Phanxicô đề ra một qui luật giản đơn cho họ. Về sau, thánh Phanxicô cùng ĐHY Hugôlinô soạn ra bản" Để cương luật sống" hay còn gọi là "Bản luật tiên khởi của các anh chị em đền tội" năm 1221. Bản luật này sau đó được thay thế bằng văn kiện năm 1228, sau khi ĐHY Hugôlinô lên ngôi giáo hoàng-lấy thánh hiệu là Grêgôriô IX. Văn kiện này bước đầu mang tính pháp lý.

Trải qua nhiều thế kỷ, tử thế kỷ XIII đến XXI, có rất Văn kiện khác của Tòa thánh ra đời nhằm giúp phát triển Dòng PSTT, hoặc chấn hưng sự suy thoái trong một số giai đoạn lịch sử nhất định. Đáng quan tâm hơn cả trong lịch sử Dòng PSTT là sự ra đời Bản luật của ĐGH Lêô XIII năm 1883 và của ĐGH Phaolô VI năm 1978, cũng như Bản Tổng Hiến Chương Dòng PSTT được cập nhật năm 2000, do Thánh Bộ Đời Sống Thánh Hiến phê chuẩn và xác lập bằng Sắc Lệnh ngày 8.10.2000.

II. DỰ PHÓNG PHAN SINH

Gồm 4 điểm chính:

1. Sống ơn gọi Kitô hữu do bí tích Thánh tẩy (GLCG , 941);
2. Sống đời hoán cải (L, 2,7);
3. Sống Đặc sủng Phan sinh (L, 2, 4; THC,2, 8);
4. Sống theo Phúc Âm ĐGK (L, 2, 4.5.7; THC 2, 8.9.10).

III. LINH ĐẠO PHAN SINH

"Linh đạo của người PSTT là một dự phóng đời sống tập trung vào con người Đức Giêsu Kitô, bằng cách đi theo vết chân Người, hơn là một chương trình để thực thi" (THC, 9; L, 5).

Cũng có thể trình bày Linh đạo PSTT theo tác giả Bortoli, trong tác phẩm "Linh đạo Phan sinh nhập môn" năm 1976, như sau: Linh đạo PS là một hình thức tinh thần được nuôi dưỡng bởi ước nguyện yêu mến Chúa mỗi ngày một hơn, và nên giống Đức Kitô qua việc tuân giữ Phúc Âm cách toàn vẹn và tha thiết.

IV. CĂN TÍNH PHAN SINH

Gồm 4 yếu tố cơ bản sau:

1.Đời sống huynh đệ: Cốt lõi của việc sống Phúc Âm là

lòng mến, được thể hiện cụ thể qua hành động phục vụ (ví dụ: mang gánh nặng của nhau, làm gương sáng, đối thoại, chia sẻ v,v), như trong Luật, điều 13 và THC, chương 1, điều 3. khoản 3… đã đề cập.

2.Tính cách "tại thế": Dòng PSTT là một "dòng tu giữa đời". Bản sắc "tại thế" đã được Hội thánh nhìn nhận, qua Sắc lệnh "Người Kitô hữu giáo dân". Luật Dòng PSTT chương 1, điều 3 đã xác quyết: "Tính chất TẠI THẾ làm nên nét đặc biệt trong linh đạo và đời sống tông đồ của các thành viên Dòng PSTT".

3.Tính tự trị: Dòng PSTT là thành viên của gia đình PS, vốn TỰ TRỊ; nhưng Dòng PSTT lại được Tòa thánh giao phó cho Dòng I Phan sinh và Dòng III Tại Viện" chăm sóc" về mặt mục vụ, cũng như "trợ giúp tinh thần" (L, 1,4). Sự chăm sóc này không đồng nghĩa với "sự thay thế"trong việc quản trị Dòng PSTT ở các cấp.

4.Tính thống nhất: Chương trình hiệp nhất của Dòng PSTT đã được thực hiện qua sự thống nhất các cấu trúc và qua việc liên kết các trợ úy tinh thần ở tất cả các cấp.

KẾT: Trải qua 9 thế kỷ hiện diện năng động trong thế giới và trong Hội thánh, Dòng PSTT đã có những bước thăng trầm về tinh thần cũng như về cơ chế hoạt động của mình. Nhưng với sức sống luôn mạnh mẽ từ dự phóng và căn tính của mình, Dòng PSTT đã tỏa sáng sự hiện diện tích cực trong Hội thánh và trong thế giới. Sức sống có khả năng lan tỏa ấy có được nhờ chính sự hiệp thông sâu xa giữa các thành phần trong Gia Đình Phan Sinh, tham dự vào trong cùng một Đoàn sủng, cùng chia sẻ các ân huệ để cùng góp phần vào việc Phúc Âm hóa mình và thế giới.

Sau khi chúng ta đã nắm tương đối rõ "đối tượng" của vị Trợ úy, chúng ta sẽ đi vào việc xác minh "**Chân dung đích thật vị trợ úy**", hầu mỗi người trong chúng ta có thể hoàn thành sứ mạng "trợ giúp tinh thần" một cách hoàn hảo nhất.

CHÂN DUNG VỊ TRỢ ÚY

1. LÀ NGƯỜI ĐƯỢC BỀ TRÊN THƯỢNG CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHỈ ĐỊNH (THC, 89, 2)

- Trách nhiệm về Trợ úy tinh thần cho các HĐĐ địa phương mà các ngài đã thiết lập *thuộc về các Bề trên thượng cấp.*

-THC Dòng PSTT không nhắc tới chức linh mục của vị trợ úy, vì công tác trợ úy không nhằm trợ giúp về các bí tích, *nhưng trợ giúp về linh đạo. Điều này cho phép bất cứ anh em nào của Dòng I hay Dòng III Tại Viện, dù có chức linh mục hay không, cũng có thể làm trợ úy cho một Huynh đệ đoàn của Dòng PSTT, miễn là người tu sĩ ấy có khả năng và được chuẩn bị kỹ lưỡng.*

- Tuy nhiên theo THC, 89, 4: khi không thể cung cấp cho HĐĐ một vị trợ úy tinh thần như vậy, thì vị bề trên thượng cấp có thẩm quyền có thể trao phó công việc trợ úy cho những đối tượng khác, như trong bài thuyết trình của cha Bosco sáng nay.

2. LÀ NGƯỜI CÓ KHẢ NĂNG VÀ ĐƯỢC CHUẨN BỊ KỸ LƯỠNG (x THC, 90, 1)

- "Có khả năng" muốn nói: vị tu sĩ ấy có tính cách thích hợp để chu toàn công việc trợ giúp tinh thần cho HĐĐ Dòng PSTT.

- "Được chuẩn bị kỹ càng" muốn nói đến việc thụ đắc chương trình huấn luyện phù hợp (như Linh đạo PS, Kinh Thánh, Phụng vụ, Giáo lý Công giáo, Huấn Giáo, Lịch sử Giáo Hội và Gia đình Phan sinh, Công tác Trợ úy Dòng PSTT, Kỹ năng linh hoạt Nhóm, Tâm lý các lứa tuổi, v.v…).

3. LÀ NGƯỜI CỐNG HIẾN SỰ TRỢ GIÚP TINH THẦN CHO DÒNG PSTT (THC 90, 1)

"Bổn phận chính yếu của trợ úy là truyền đạt linh đạo PS và trợ giúp vào việc huấn luyện khởi đầu và thường xuyên cho anh chị em" (THC,90,1).

a. Là người truyền đạt Linh đạo PS

- THC,89,3 cho biết: "Để là nhân chứng cho linh đạo PS và lòng ưu ái huynh đệ của các tu sĩ dành cho anh chị em PSTT, và để làm mối dây hiệp thông giữa Dòng mình với Dòng PSTT, vị trợ úy tinh thần phải là tu sĩ Phan sinh - thành viên Dòng I - hoặc Dòng Ba Tại Viện." Điều khoản trên cho thấy tầm quan trọng của nền linh đạo PS nơi vị trợ úy và trong sứ mạng chăm sóc tinh thần cho anh chị em PSTT.

- Trợ úy phải là một người làm chứng cho đoàn sủng Phan sinh đang thấm nhuần cuộc sống của toàn thể Gia Đình Phan Sinh qua Linh đạo, tình huynh đệ và mối dây hiệp thông. Điều đó đòi hỏi họ phải hết lòng tìm hiểu, yêu mến, và kính trọng các giá trị nơi đoàn sủng, vốn là di sản chung của Gia Đình Phan Sinh. Sự lãnh đạm và thờ ơ sẽ gây ra nhiều hệ lụy mang tính tiêu cực.

b. Là người trợ giúp việc huấn luyện cho HĐĐ

- Giữa HĐĐ PSTT, trợ úy phục vụ như *một người anh em* trong đoàn sủng PS, như một *thày dạy* và *người hướng dẫn* đại diện Chúa Kitô và nhân danh Hội thánh (CNCTTU tr 117). Họ phải là những người dẫn đường tinh thông trong đời sống thiêng liêng, và nhằm mục đích ấy, họ cần tu dưỡng" ân huệ quí giá" là Thần Khí.

- Khi cộng tác vào việc huấn luyện, trợ úy sẽ tạo điều kiện để củng cố tình liên đới với các anh chị em PSTT, đồng thời cũng là cơ hội để học hỏi nơi anh chị em. Trợ úy giống như một mạch dẫn, qua đó tài ba và năng lực được chuyển từ các anh em tu sĩ PS sang cho các anh chị em PSTT và ngược lại. Nhờ vậy đoàn sủng được bổ sung và thêm phong phú trong cách sống và thể hiện sứ mạng của thành viên cả hai Dòng.

- Trong các cuộc họp của HĐĐ và của Hội đồng HĐĐ, trợ úy vừa làm chứng cho linh đạo PS, vừa cộng tác trong việc huấn luyện và nuôi dưỡng dưỡng đời sống Kitô hữu của HĐĐ (CNCTTU tr 118). Nên nhớ rằng: Trong bất cứ trường hợp nào, trợ úy cần dành cho anh chị em quyền ưu tiên trong việc điều hành, phối hợp và linh hoạt HĐĐ. Phần việc của trợ úy luôn thuộc lãnh vực tinh thần: nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu và Phan sinh của HĐĐ (như: tham gia thảo luận, gợi ý dựa trên kinh nghiệm tu trì và cảm nhận Phan sinh của mình,…).

- Trong quá trình huấn luyện, trợ úy bảo đảm cho nội dung huấn luyện mang tính chất thần học và Kinh thánh. Ngài trình bày về những thực tại siêu nhiên và quan tâm đến các khía cạnh tinh thần, như kinh nguyện, học hỏi và suy niệm Lời Chúa, v.v...

- Trợ úy là mục tử, là người dẫn đường, là thày dạy. Vì thế cần biết rõ từng cá nhân anh chị em, để có thể phối hợp hài hòa việc huấn luyện với khả năng từng người, sao cho không ai bị cô lập.

c. Là người kiến tạo tình huynh đệ và xây dựng bình an

- Trợ úy là nhân chứng của đời sống huynh đệ và là sợi dây hiệp nhất bên trong HĐĐ; nối kết HĐĐ với các anh em tu sĩ với các Cộng đoàn PS khác trong vùng và với cộng đoàn Hội thánh địa phương. Điều đó đòi hỏi trợ úy phải sống và diễn tả mối dây hiệp thông đem lại sự sống cho mọi người.

- Trợ úy quan tâm sao cho HĐĐ không rơi vào chỗ khép kín và trở thành một phe nhóm trong nhau hay trong giáo xứ.

- Trợ úy thúc đẩy tất cả đến chỗ "hiệp nhất yêu thương" và có ý thức mạnh mẽ tính "thuộc về" (Hội thánh và HĐĐ).

d. Là người cộng tác vào việc linh hoạt ,nới rộng sự cộng tác,thực hiện liên hệ hỗ tương

- Trợ úy *cộng tác vào việc linh hoạt các HĐĐ* do các lãnh đạo giáo dân trong Hội đồng phụ trách. Công việc của Trợ úy là soi sáng, chứ không áp đặt. Tiếng nói cuối cùng không phải là của Trợ úy. Nó thuộc về Hội đồng cùng với anh/chị phục vụ.

Viêc linh hoạt chiếm một chỗ lớn trong đời sống HĐĐ: huấn luyện, suy tư, cầu nguyện, các công tác tông đồ do HĐĐ tiến hành, yểm trợ và chịu trách nhiệm.

- Trợ úy phải *nới rộng sự cộng tác* vì lợi ích chung như tông huấn" Đời sống thánh hiến" mời gọi: thực hiện sự chung sức cộng tác và chia sẻ các ân huệ giữa các thành phần của Hội thánh, nhằm giúp đáp ứng cách hữu hiệu hơn các thách lớn của thời đại.Được sự thúc đẩy bởi sự tham gia của giáo dân,họ sẽ được học tập cách sâu xa hơn một số khía cạnh trong đoàn sủng của họ, dẫn đến một cách hiểu thiêng liêng hơn, và từ đó hoạch định đường hướng cho những công tác mới trong đời sống tông đồ.

- Trợ úy luôn hướng đến *mối liên hệ hỗ tương*, có khả năng vượt qua những bất bình đẳng, nhưng không loại trừ những khác biệt, thậm chí yêu cầu phải có sự khác biệt. Mối liên hệ hỗ tương giữa Dòng I, Dòng PSTT và Dòng III Tại Viện mang tính"đoàn sủng." Các thành phần trong mối liên hệ ấy có sự bình đẳng chân thực về phẩm giá và hành động, cùng góp phần vào việc xây dựng Thân Thể Đức Kitô. Mối liên hệ hỗ tương này đối với anh chị em PS trở nên một dự phóng đời sống. Liên hệ hỗ tương xuất phát từ việc nhìn nhận phẩm giá của nhau và biểu lộ qua cách giao tiếp chân thành; cùng nhau chấp nhận những phương thế để cộng tác, dựa trên suy tư và bàn bạc.

-Cha trợ úy quốc gia Bosco Nguyễn văn Đình đề xuất một số hướng đi cho việc đẩy mạnh mối liên hệ hỗ tương giữa Dòng I và Dòng PSTT như sau:

+ Các bề trên cần khuyến khích hình thành các dự án trong đó tu sĩ và giáo dân cùng tham gia.

+ Việc cộng tác giữa giáo dân và tu sĩ cần được đặc biệt thực hiện ở cấp địa phương.

+ Cần tổ chức các khóa huấn luyện cho những người lãnh đạo về trách nhiệm của người giáo dân. Qua đó, các Hội Dòng sống đời thánh hiến có thể đóng góp

đáng kể vào việc giúp giáo dân ý thức mạnh mẽ hơn về phần vụ của họ.

+ Trong bối cảnhcủa việc chia sẻ đặc sủng của Dòng, cần vận động khả năng của người giáo dân để điều hành các loại công việchành chánh và tổ chức, trước nay vẫn do tu sĩ đảm nhận.

Gia Đình Phan Sinh họp mặt trong thánh lễ mừng thánh tổ hằng năm: 4.10

+ Cần hình thành những nhóm (thường trực hay đặc biệt) gồm những người giáo dân cùng chung một đặc sủng và có khả năng chuyên môn để trợ giúp các vị làm công tác huấn luyện trong quá trình lượng định ơn gọi, việc huấn luyện khởi đầu và thường xuyên.

+ Cần thúc đẩy các dự án phát triển trong các Hội thánh trẻ thông qua việc hợp tác và trao đổi giữa giáo dân và tu sĩ trong sứ mạng đến với lương dân.

+ Cần đưa ra những đề xuất nhằmphát triển một nền văn hóa cộng tác trong sinh hoạt của HT.

KẾT LUẬN

Vị Trợ úy Dòng PSTT là một chứng nhân cho đoàn sủng đang thấm nhuần cuộc sống của toàn thể Gia Đình Phan Sinh qua LINH ĐẠO, TÌNH HUYNH ĐỆ VÀ MỐI HIỆP THÔNG. Do mối hiệp thông này, công tác trợ úy tinh thần có thêm bổn phận "gia đình", nhằm vun trồng và giúp cho Đoàn sủng Phan sinh lớn mạnh trong các HĐĐ ở mọi cấp.

Tương lai của Dòng PSTT phụ thuộc mức độ đầu tư vào công việc huấn luyện các thành viên, không những từ các thành viên PSTT, nhưng còn từ phía Dòng I và Dòng III Tại Viện- vì các Dòng này sống trong mối hiệp thông và liên đới với Dòng PSTT - và vị Trợ úy là DẤU CHỈ CỦA CÁC GIÁ TRỊ ẤY.

TÀI LIỆU NGUỒN:

1. "Luật và Tổng hiến chương Dòng PSTT", 2001
2. "Lược sử Tỉnh Dòng AEHM", Tập 3, Lm Trần Phổ
3. "Cẩm nang công tác trợ úy Dòng PSTT và GTPS", 2013
4. "Tìm hiểu Dòng Phan Sinh Tại Thế", Lm Nguyễn Thanh Minh, 2005

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Nên chăng phải nghĩ tới vấn đề đào tạo trợ úy giáo dân?
2. Công tác trợ giúp tinh thần cho Dòng PSTT có thể còn ách tắc nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề về đào tạo (tri thức, cách thức phục vụ và thích ứng v.v…). Bạn chỉ ra đâu là vấn đề của bạn và cho biết cách khắc phục?
3. Anh em tu sĩ Dòng I là những người được Tòa thánh ủy thác công việc "trợ giúp tinh thần" cho Dòng Phan Sinh Tại Thế.

THƠ.. THƠ.. THƠ

Tin và yêu

Nhờ tin vào Chúa phục sinh,

Giúp anh sống được chữ Tình tối đa.

Trước tiên với Chúa là Cha,

Sau cùng kẻ khác như là Đệ huynh.

Nơi anh có một trái tim,

Chứa chan tình mến Thánh Linh Chúa Trời.

Từ nay anh sống cuộc đời,

Toàn chân thiện mỹ với người chung quanh.

Ngày đêm tích cực góp phần,

Dựng xây xã hội ngàn lần đẹp hơn.

Mọi người nhận được muôn ơn,

Từ Cha nhân ái cội nguồn tình thương.

Để rồi đi đúng con đường,

Giêsu Đức Chúa luôn thường đề ra.

Cuối đời tất cả về nhà,

Trên nơi thiên quốc gặp Cha nhân lành.

"Phàm ai tin rằng Đức Giêsu là Đấng Kitô kẻ ấy đã được Thiên Chúa sinh ra. Và ai yêu mến Đấng sinh thành thì cũng yêu thương kẻ được Đấng ấy sinh ra." (1 Ga 5, 1)

CN II PS B 12.042015
Hai Tê Miệt Vườn

Cộng đoàn tình thương

Cộng đoàn tín hữu đầu tiên,

Dựng xây cuộc sống ở trên nghĩa tình.

Nơi đây hai chữ "Đệ huynh",

Dựa vào tình mến Thánh Linh Chúa Trời.

Khiến cho đời sống mọi người,

Bình an, hoan lạc của thời hồng ân.

Đâu còn chỉ biết tranh giành,

Tiền tài dan vọng làm phần riêng tư.

Con tim chan chứa nhân từ,

Để yêu nhân thế chẳng trừ một ai.

Cùng nhau xây dựng tương lai,

Ấm no, hạnh phúc ngày mai huy hoàng.

Dắt nhau về cõi thiên đàng,

Nghìn thu chiêm ngắm thánh nhan Chúa Trời.

Sau khi sống trọn kiếp người,

Trên nơi dương thế một đời Tin yêu.

"Các tín hữu thời bấy giờ đông đảo mà chỉ có một lòng một ý... Trong cộng đoàn không ai phải thiếu thốn..." (Cv 4, 32.34)

CN II PS B 12.042015
Hai Tê Miệt Vườn

TIN MỪNG PHỤC SINH

Tin Mừng của Chúa Phục sinh,
Ngập lòng nhân thế, thọ sinh muôn loài.

Cùng nhau xây dựng tương lai,
An bình thiện hảo ngày mai huy hoàng.

Thánh ân cứu độ chứa chan,
Cuộc đời người thế đầy tràn bình an.

Sẵn sàng để biết trao ban,
Những điều thiện hảo cho ngàn chúng sinh.

Đây là Hoa quả Phục sinh,
Giêsu ban tặng vì tình yêu thương.

Mọi người biết sống can trường,
Bước theo Đức Chúa trên đường trần gian.

Tiến tài danh vọng chẳng màng,
Trí lòng thanh thản hát vang chữ Tình.

Tiến nhanh về chốn thiên đình,
Sau khi đã được Phục sinh với Ngài.

Chính Chúa Kêu Gọi

Vì yêu Chúa đã ***kêu mời,***
Mong anh đáp lại sống đời hiến dâng.
Quyết tâm để sống đến cùng,
Con đường theo Chúa tín trung lời thề.
Chính nhờ luôn biết khinh chê,
Giàu sang danh vọng chẳng hề chạy theo.
Giữ cho tâm trí trong veo,
Ngõ hầu sống trọn ***Đức nghèo Phúc âm****.*
Giúp người đang bị giam cầm,
Ở trong tội lỗi, sai lầm dối gian.
Bởi nhờ anh biết trao ban,
Bản thân cuộc sống cho ngàn chúng sinh.
Muôn loài được hưởng an bình,
Chính bằng tình mến Thánh Linh Chúa Trời.
Mọi người từ giã cuộc đời,
Cùng nhau họp mặt bên người ***Cha yêu.***

"Các anh hãy theo Tôi, Tôi sẽ làm cho các anh thành
những kẻ lưới người như lưới cá"(Mt 4,19)
CN 4 ps NA. CN. Chúa Chiên Lành
Cầu cho ơn thiên triệu Linh mục, Tu sĩ

Hai Tê Miệt Vườn.

CÁC LỚP NHẠC QUÊ HƯƠNG (TỪ 1982)

V. ÂM NHẠC PHAN SINH (FAM, liên kết với LCM)

Tu viện_Giáo xứ Phanxicô Đakao

50 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.I

THÔNG BÁO

v/v Nội Dung và Lịch Học các môn nhạc Hè 7-2015 và Quanh Năm 2015-16

Xin kính gửi đến quý Anh Chị Em trong Đại gia đình Phan Sinh Việt Nam và tất cả quý vị quan tâm đến Thánh nhạc **Nội Dung các môn học Thánh nhạc, Lịch học *dài hạn_quanh năm*** (từ đầu tháng 09 đến giữa tháng 05 năm sau), và **Lịch học *cấp tốc tháng Hè*** (tháng7 hằng năm) được tổ chức tại Đakao, để quý vị tuỳ nghi gửi người đến học về phục vụ trong các cộng đoàn và giáo xứ.

Từ đầu năm 2013, Các Lớp Nhạc Quê Hương, nay gọi là *Viện Âm Nhạc Phan Sinh (Franciscan Academy of Music, FAM),* phối hợp với ACMS (Viện Âm Nhạc Đương Đại Suối Nhạc), liên kết với **Hội Đồng Khảo Thí Âm Nhạc LCM** (London College of Music Examinations) thuộc University of West London[21] mở những khóa luyện thi lấy bằng quốc tế về Chỉ huy (Conducting), Thánh nhạc (Church Music), Sư phạm nhạc cụ (Teaching) và Nhạc Pháp (Musicianship**):**

- Bằng **DipLCM** (Diploma ~ Năm I Đại học)
- Bằng **ALCM** (Associate ~ Cao đẳng)
- Bằng **LLCM** (Licenciate ~ Cử nhân)

Từ tháng 6/2013 đến nay, chúng tôi đã tổ chức 4 kỳ thi LCM Theory Grade 5 (Môn Lý thuyết Cấp 5 của LCM), -là *chứng chỉ bắt buộc để có thể dự thi các bằng cao hơn*. Các học viên đã đậu với kết quả cao. Chúng tôi đã mở khóa Hè cấp tốc vào tháng 7-2014 cho trên 250 học viên, với các môn Xướng âm 1&2&3, Thanh nhạc 1&2, Điều khiển 1&2, Hòa âm 1A, Bản Đệm Đàn, Organ 1&2&3. Năm học 2014-15, chúng tôi đã và đang tiếp tục điều chỉnh chương trình cũ và mở các lớp Luyện thi cấp 5-6-7-8 (LT_G5-6-7-8) và Luyện thi DipLCM về Sư phạm nhạc cụ cho một số học viên. Trong lễ Phát bằng do Việt Thương Music tổ chức ngày 17-01-2015 tại Trung Tâm MV Tgp Sài-Gòn[22], 60 học viên đã đậu LCM Theory Grade 5. Tám trên 8 học viên đã đậu DipLCM in Music Teaching. Hiện chúng tôi đang Luyện thi ALCM cho các học viên đã đậu DipLCM.

Ngoài ra, chúng tôi còn tổ chức những **Khóa *cấp tốc_lưu động***, đến dạy tại những nơi có nhu cầu hợp lý, ở cấp Giáo phận, liên Hạt, Học viện, Tập viện, hoặc Nhà Huấn luyện. Xin vào trang mạng dưới đây, và tìm bài Các Khóa Cấp tốc lưu động để biết thêm chi tiết.

Chúng tôi cảm ơn sự quan tâm của quý Anh Chị Em.

Lm Giuse Nguyễn Xuân Thảo, ofm, kính báo

[21] Xin xem chi tiết tại http://www.uwl.ac.uk/lcmexams/Welcome.jsp

[22] Xin xem http://hailinhquehuong.com/le-phat-bang-lcm-tai-trung-tam-muc-vu-tgp-sg-le-phat-bang-lcm_a104-103

Ghi chú: **Ghi danh trên mạng**: http://hailinhquehuong.com

- **Các buổi sáng**, xin liên lạc với **Bác Quang (0907188317/ 08.38222294), Phòng trực tu viện** 7-12g

- **Các buổi chiều**, xin liên lạc với **Cô Tô thị Ánh Nguyệt** (**0983270859**), **Văn phòng giáo xứ**, từ 3g30, trừ chiều thứ 2.

- **Chi tiết khác**, xin *nhắn tin*: Cô Hoàng Oanh **016 6666 8126**; Cô Khánh Trân **016 93537448**; Lm Xuân Thảo **0907300275,** hoặc email**: jxuanthao12@yahoo.com.**

A. NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

Môn học	Nội dung- Thời lượng	Điều kiện
XA1*	**Nhạc lý và Ký xướng âm cấp 1:** học xướng âm tròn vành rõ chữ thang âm CM&Am (+ thang âm có 3#/4b); Nghe và ký âm giai điệu + nghe 3 h.âm chính I, IV, V. Phân tích cấu trúc nhạc phẩm; Lý thuyết âm nhạc cơ bản ch. I-II-III-IV. 96 tiết (Hè 24 buổi x 4 tiết; Quanh năm 32b x 3t)	Khả năng nghe cao độ+Org1
HX	Lớp Hợp Xướng: Học viên tham gia ban Hợp Xướng/Ca Đoàn Quê Hương 2-4 học kỳ.	CT1_2_3
XÂ2* (lớp từ 20 hv)	**Nhạc lý và Ký xướng âm cấp 2**: học FM/Dm và GM/Em (+ thang âm có 6#/6b); Kỹ năng phân tích nhạc phẩm; Nghe 3 chức năng hợp âm T(I, vi), D (V, iii, vii$^{0)}$, S (IV, ii); LT chương IV-V-VII-VIII-IX; Kỹ năng đặt Hợp âm chính vào bản nhạc; Khái lược các Thời kỳ âm nhạc + tác giả tiêu biểu; 96 tiết (Hè 24 buổi x 4 tiết; QN 32b x 3t).	XÂ1 +Org2
XÂ3* (15 hv)	**Nhạc lý và Ký xướng âm cấp 3**: học DM/Bm và BbM/Gm (+thang âm có 5#/5b); Kỹ năng nghe Hợp âm, và ký âm 2 bè. Đệm Đàn thang âm lên xuống trong CM/Am; DM/Bm; BbM/Gm. Khái lược Lịch sử âm nhạc T.phương; 96 tiết (Hè 24b x 4t; QN 32b x 3t).	XÂ2 +Org3
TN1*	Kỹ năng cơ bản để nói/đọc/hát "tròn vành rõ chữ" và diễn cảm (phân câu chiết tự, vang tiếng, rõ lời và có tâm tình); Khám phá giọng ngực và giọng đầu; Kỹ năng Phân tích ngữ âm VN để đọc/hát rõ lời; 36 (Hè 9 buổi x 4t; QN 24b x 1t5).	Kh năng hát +XÂ1 (+Org1)
TN2* (20 hv)	Nguyên tắc và Kỹ năng nâng cao để hát "tròn vành rõ chữ" và nhất là diễn cảm; 36 tiết (Hè 9 buổi x 4t; QN 24b x 1t5).	TN1+XA2 (+Org2)
TN3** (15hv)	Mở rộng âm vực; Dân ca ; Tiếng hát tự nhiên; các cách diễn âm, luyệnVibrato; 36 tiết (QN 24b x 1t5)	TN2+XA (+Org3)
ĐK1*	Kỹ năng Chọn bài hợp PV, Tập dượt và Điều khiển các loại nhịp cơ bản; Thánh nhạc nhập môn1; 60 tiết (Hè 15b x 4t; QN 24b x 1t5 +8b x 3t).	XÂ1 + TN1 (+Org1)

ĐK2* (20 hv)	**Nhạc Bình ca**: Xướng âm, Phân tích, Phác họa TT& Áp dụng vào nhạc mới, Pha trộn Đánh nhịp với Phác hoạ tiết tấu; Kỹ năng phân tích các nguồn diễn tả để trình tấu diễn cảm; Thánh nhạc Nhập môn 2; 60 tiết (Hè 15b x 4t; QN 24bx1,5 + 8b x 3t)	ĐK1 +XÂ2 +TN2 +HA1 (+Org2)
ĐK3** (lớp từ 20 hv)	Phân tích và Điều Khiển Lối viết/Lối kết dệt nhạc Hợp ca; Phân tích Hòa âm; Phân tích & Hát Dân ca; Chức năng Dàn nhạc; Phối hợp các thủ pháp điều khiển và phác hoạ tiết tấu trong Nghệ thuật Trình tấu Sống động; 90 tiết (QN36bx1,5+8b x 3t).	ĐK2XÂ3 +TN3 +HÂ2 (+Org3)
Org1* (12 hv)	**Làm quen Đàn phím 1 (Keyboard/Piano):** Dựa trên Methode Rose; Đệm đàn cơ bản1 (Hợp âm + giai điệu); Hè 30 tiết (12 buổi x 2,5t); QN 35tiết (14b x 2,5t)	XÂ1
Org2* (lớp 10-12 hv)	**Làm quen Đàn phím 2 (Keyboard: chọn tiếng ngân dài như Church Organ hoặc đàn hơi/đàn giây)** Dựa trên Ecole d'Orgue (tr.1-47): Kỹ năng nhìn đánh được các bài 2 bè loại dễ ; Đệm Đàn cơ bản 2 trên cùng 1 bàn phím; Hè 30 tiết (12 buổi x 2,5t); QN 35tiết (14b x 2,5t)	XÂ2+HA1A (=LTG5) + Org1
Org3* (Lớp 6-10 hv)	**Đánh và Đệm Thánh ca trên Quản cầm điện tử (Electronic Organ)** : dựa trên LCM Step 1&2 + Dựa trên Ecole d'Orgue (tr.48-62): Kỹ năng nhìn đánh được bài 2-4 bè loại khó vừa trên đàn 2 bàn phím tay+1 bàn phím chân + Sử dụng phím chân biến cường. Đệm Hợp ca1(Bản đệm đàn Hải Linh); Soạn lại bản đệm cho Quản cầm 3 bàn phím. **Hè 60 tiết** (24 buổi x 2,5t); QN 70tiết (28b x 2,5t)	Org2 + HÂ1B (=LTG6)
Org4** (Lớp 6-10 hv)	**Đánh và Đệm Thánh ca trên Quản cầm điện tử (Electronic Organ)** : Dựa trên LCM Grade 1&2 + Dựa trên Ecole d'Orgue (tr.63-73 CM/Am ; GM/Em;) + Đệm Hợp ca 2 (Bản đệm đàn Hải Linh); Kỹ năng ứng tấu giai điệu trên một mô tiến các hợp âm (Chord Sequence)/Đệm 1 giai điệu cho sẵn bằng 1 đối đề (counter-melody) ở tay phải, và phần đệm hợp âm ở tay trái và chân trái.. Hè 60 tiết (24 b x 2,5t); QN 70 tiết (28b x 2,5t)	Org3 +HÂ2A (= LTG7)
Org5** (8hv)	**Đánh và Đệm Thánh ca trên Quản cầm điện tử (Electronic Organ)** : Dựa trên LCM Grade 3&4 + Ecole d'Orgue (tr.87-93 FM/Dm; BbM/Gm) + Đệm Hợp ca 3 (Bản Đệm Đàn Hải Linh); Tập đánh 2 chân trên bàn phím chân Hè 60 tiết (24 b x 2,5t); QN 70 tiết (28b x 2,5t)	Org4+ HÂ2B(=LTG8)
Org6** (Lớp 6-10 hv)	**Đánh và Đệm Thánh ca trên Quản cầm điện tử (Electronic Organ)** : Dựa trên LCM G5&6+Ecole d'Orgue 2c (tr.73-75 DM/Bm; 93-95 EbM/Cm): Đánh bàn phím chân nâng cao; Đánh Các bản dạo đàn (Organistes Celebres); Hè 60 tiết (24 b x 2,5t); QN 70 tiết (26b x 2,5t). Tiếp lên …	Org5 +BĐĐ +ĐA
NCDT	Nhạc cụ dân tộc: Tranh, Bầu, Sáo, T'rưng (l/l với LM Ns Phạm Sỹ Tùng (0902564811). Hè 36t (24b x 1t5); QN 45t (30b x 1t5)	XA1,Org1

HÂ1* (20 hv)	Kỹ năng viết Hòa âm [HA1A(=LTG5*) hoặc 1B (=LTG6)]: 48 tiết (Hè 12 buổi x 4t; Quanh năm 16b x 3t); tiếp lên HÂ2-3. Học theo chương trinh LCM Grade 5-8.* LTG5=Luyện Thi LCM Theory Grade 5	Đã/đang XÂ2 + Org3
BĐĐ	Viết Bản Đệm Đàn Piano/Organ	LTG6=HA1B
ĐÂ1**	Đối âm 2bè (Hè 12 buổi x 3t; QN 15b x 2t5); tiếp ĐÂ2;	HÂ2
PN1**	Phối nhạc (Hòa âm, Phối khí): Làm nhạc trên vi tính cho phòng thu; 96 tiết (32b x 3t); tiếp lên PN2	XA3 +HA2
PK**	Phối Khí 1 (96tiết); tiếp lên PK2	XA3 +HA2
ST1**	Sáng tác Thanh nhạc1: ca khúc; Phân tích Dân ca+Bình ca; QN 96t (32b x 3t)	XÂ2+HÂ1-2
ST2**	Sáng tác Thanh nhạc 2: Hợp ca tiếng Việt; Thể loại thanh nhạc; Đối âm; 96 t (32 x 3t)	XÂ2+HÂ1-2
ST3**	Sáng tác Khí nhạc 1: Thể loại khí nhạc chính; Phối khí; Soạn lại & Chuyển thể (Arrangement và Rearrangemen); 96 t (32 x 3t);	XÂ3+HÂ3-+ST1
LSÂN**	Lịch sử Âm Nhạc1 qua các thời kỳ; LSAN 2-5: Phân tích và Thưởng thức tác phẩm…; 96t (32b x 2t) mỗi lớp.	XÂ2+Org3 +HA1
LT**	**Luyện thi** lấy các văn bằng của LCM (London College of Music), bắt đầu bằng Grade 5-8 (LT_G5-8); Năm I ĐH, Cao đẳng, Cử nhân về Chỉ huy, Thánh nhạc, Nhạc pháp, và Sư phạm nhạc cụ; 48t (Hè 12bx4t; QN 16b x 3t)/mỗi cấp.	XA2_3+CT1_4 ĐÂ1_3 Org2_4

**Môn dạy trong kỳ Hè*, và cũng *dạy dài hạn quanh năm*, mỗi tuần 1 buổi bắt đầu từ tháng 9 mỗi năm.

***Môn chỉ dạy trong khoá nhạc dài hạn quanh năm mà thôi*

B. LỊCH HỌC CÁC LỚP NHẠC

KHÓA CẤP TỐC (NGẮN HẠN) từ t.4 (ngày 01/07) đến t.5 (ngày 30/07/2015)

	Phòng học	**Thứ 2** 6,13,20,27	**Thứ 3** 7,14,21,**28**	**Thứ 4** 1,8,15, 22,**29**	**Thứ 5** 2,9,16,23,**30**	**Thứ 6** 3,10,17,24	**Thứ 7** 4,11,18,25
8g-9g40--- **10-11g40**	***P1+3+5*** ***HT2L1*** ***P.4*** ***P.2***	**XÂ1/ XÂ2/ XA3 LT_G5**	**XÂ1/ XÂ2/ XA3/ LT_G6**	**XÂ1/ XÂ2/ XA3 LT_G5**	**XÂ1/ XÂ2/ XA3/ LT_G6**	**XÂ1/ XÂ2/ XA3 LT_G5**	**XÂ1/ XÂ2/ XA3/ LT_G6**

7g45-9g35 *9g45-11g35*	*P. Đàn1*	*Org1A* Org2B	Org2A *Org1B*	*Org1A* Org2B	Org2A *Org1B*	*Org1A* Org2B	Org2A *Org1B*
7g45-9g35 *9g45-11g35*	*P.Đàn2*	*Org3A* *Org4A*	*Org3A* *Org4A*	*Org3A* *Org4A*	*Org3A* *Org4A*	*Org3A* *Org4A*	*Org3A* *Org4A*
2g-5g30	*P1+3+5* *P.4*	TN1/ ĐK2	ĐK1/ TN2	TN1/ ĐK2	ĐK1/ TN2	TN1/ ĐK2	ĐK1/ TN2
2g30-5g30	*HT2L1*	*LSAN1*		*LSAN1*		*LSAN1*	
2g-5g30	*P.2*	LT_G5	LT_G6	T_G5	LT_G6	LT_G5	LT_G6
2g-4g 4g-6g	*P. Đàn1* *P.Đàn1*	Org1C Org2D	*(Org2C)* *(Org1D)*	Org1C Org2D	*(Org2C)* *(Org1D)*	Org1C Org2D	*(Org2C)* *(Org1D*

CÁC NGÀY GHI NHỚ

THÁNG 5&6 NĂM 2015

BỔN MẠNG CÁC CỘNG ĐOÀN

Ngày	Thánh Hiệu	Cộng Đoàn
01/05	Giuse Thợ	Sông Bé
13/06	An tôn	Cầu Ông Lãnh
13/06	An tôn	Thủ Đức
13/06	An tôn	Vĩnh Phước
29/06	Phêrô	Hòa Hội

CÁC ANH EM QUA ĐỜI

Ngày Qua Đời	Họ Tên
04/05/2003	Raphaen Nguyễn Văn Huyên
07/05/1944	Colomban Dreyer
14/05/2004	Bônaventura Trần Văn Mân
15/05/2001	Gioan Baotixita Nguyễn Công Quý
23/05/1994	Chrysostome Fourny
29/05/1983	Giuse Nguyễn Đức Trinh
31/05/1969	Paul Joseph Baillie
Ngày	**Họ tên**
06/06/2000	Gáp ri en Nguyễn Văn Hoa
07/06/1986	Gioan Thánh Giá Nguyễn Ngọc Toàn
14/06/1989	Sturmius Johannes Renners
17/06/1976	Archange Staelen
21/06/1999	Bonaventure Beaufort
22/06/1951	Maria Gioan Hoàng Văn Vĩnh
24/06/2013	Jean Marc Leurs
28/06/1958	Michel Marie Cordiez
28/06/2007	Maria Antôn Trần Phổ

MỪNG BỔN MẠNG CÁC ANH EM

Ngày	Tên Thánh	Họ Tên	Cộng Đoàn
01/05	Giuse Thợ	Nguyễn Ngọc Châu	
03/05	Philipphê	Lê Văn Tâm	Vĩnh Phước
03/05	Philipphê	Đinh Thanh Tân	Thủ Đức
14/05	Mátthia	Nguyễn Văn Đồng	Thủ Đức
17/05	Pát-can	Nguyễn Ngọc Tỉnh	Đakao

THÁNG SÁU

Ngày	*Tên Thánh*	*Họ và Tên*		*Cộng đoàn*
06	Nobectô	Nguyễn Văn	**Khanh**	Thanh
13	Antôn	Nguyễn Xuân	**Thắng**	Bình Giã
	Antôn	Phạm Xuân	**Khiết**	CL Giêng
	Antôn	Nguyễn Trung	**Trực**	Đakao
	Antôn	Phan	**Vũ**	Đakao
	Antôn	Vũ Hữu	**Lệ**	Du Sinh
	Antôn	Trần Minh	**Thạch**	Du Sinh
	Antôn	Đặng Đình	**Sĩ**	Gia Hòa
	Antôn	Nguyễn Đình	**Hải**	Sông Bé
	Antôn	Trần Văn	**Cai**	Thủ Đức
	Antôn	Vũ Văn	**Chính**	Thủ Đức
	Antôn	Lê Văn	**Hiếu**	Thủ Đức
	Antôn	Nguyễn Ngọc	**Kính**	Thủ Đức
	Antôn	Nguyễn Thành	**Tài**	Thủ Đức
	Antôn	Đồng Văn	**Thượng**	Thủ Đức
	Antôn	Nguyễn Anh	**Tôn**	Thủ Đức
	Antôn	Bùi Xuân	**Vinh**	Thủ Đức
	Antôn	Trần Văn	**Biên**	Tuakrosa
24	Gioan B.	Trần Huy	**Hoàng**	CL Giêng
	Gioan B.	Phạm Xuân	**Thanh**	Đakao
	Gioan B.	Nguyễn	**Kỳ**	Đồng Dài
	Gioan B.	Đoàn Minh	**Sáng**	Đồng Dài
	Gioan B.	Phan Duy	**Hải**	Du Sinh
	Gioan B.	Nguyễn Duy	**An**	Gia Hòa
	Gioan B.	Nguyễn Anh	**Tuấn**	Hà Nội
	Gioan B.	Đinh Ngọc	**Hoàn**	Hoa Kỳ
	Gioan B.	Nguyễn Gia	**Thịnh**	Myanmar
	Gioan B.	Nguyễn Văn	**Hậu**	Sông Bé
	Gioan B.	Hoàng Văn	**Ái**	Thủ Đức
	Gioan B.	Nguyễn Văn	**Diệu**	Thủ Đức
	Gioan B.	Trần Khắc	**Du**	Thủ Đức
	Gioan B.	Vũ Trí	**Đức**	Thủ Đức
	Gioan B.	Nguyễn Đình	**Khải**	Thủ Đức
	Gioan B.	Đậu Quang	**Luật**	Thủ Đức
	Gioan B.	Đậu Tiến	**Dũng**	Tuakrosa
28	Irênê	Nguyễn Thanh	**Minh**	Du Sinh
29	Phaolô	Nguyễn Hồng	**Phúc**	Cần Thơ
	Phaolô	Nguyễn Thánh	**Bình**	Đakao
	Phaolô	Nguyễn Văn	**Dám**	Đất Sét
	Phaolô	Nguyễn Văn	**Hồ**	Du Sinh
	Phaolô	Nguyễn Thanh	**Hải**	Gia Hòa
	Phaolô	Nguyễn Văn	**Long**	Hà Nội
	Phaolô	Vũ Xuân	**Quế**	Hòa Hội
	Phaolô	Nguyễn Quốc	**Huy**	Hoa Kỳ
	Phaolô	Hoàng Thanh	**Quân**	Philippin

	Phaolô	Trần Anh	**Tuấn**	Sông Bé
	Phaolô	Đỗ Thanh	**Diệu**	Thủ Đức
	Phaolô	Nguyễn Xuân	**Diệu**	Thủ Đức
	Phaolô	Lê Văn	**Đoán**	Thủ Đức
	Phaolô	Rơchâm	**H'Ring**	Thủ Đức
	Phaolô	Lê Văn	**Lưu**	Thủ Đức
	Phaolô	Trịnh Minh	**Trí**	Thủ Đức
	Phaolô	Rôđa	**Tuấn**	Thủ Đức
	Phaolô	Nguyễn Đình	**Vịnh**	Thủ Đức
	Phaolô	Trần Ngọc	**Tiềm**	Hà Nội
	Phêrô	Nguyễn Thọ	**Dũng**	Bình Giã
	Phêrô	Trần Văn	**Huấn**	Cần Thơ
	Phêrô	Phạm Phúc	**Linh**	Cần Thơ
	Phêrô	Nguyễn Văn	**Quý**	Canada
	Phêrô	Trần Quang	**Danh**	CÔL
	Phêrô	Phạm Bá	**Đình**	CL Giêng
	Phêrô	Nguyễn Hồng	**Cẩm**	Đakao
	Phêrô	Nguyễn Văn	**Khoan**	Đakao
	Phêrô	Phan Văn	**Mười**	Đakao
	Phêrô	Phan Xuân	**Dương**	Đồng Dài
	Phêrô	Nguyễn Văn	**Hảo**	Du Sinh
	Phêrô	Lê Hoàng Thế	**Minh**	Du Sinh
	Phêrô-	Nguyễn	**Tín**	Du Sinh
	Phêrô-	Mai Văn	**Công**	Gia Hòa
	Phêrô	Bùi Minh	**Tuệ**	Gia Hòa
	Phêrô	Trần Phú	**Nhuận**	Hà Nội
	Phêrô	Đậu Văn	**Minh**	Hoa Kỳ
	Phêrô	Nguyễn Trung	**Phát**	Pleiku
	Phêrô	Nguyễn Đình	**Phục**	Pleiku
	Phêrô	Trần Xuân	**Hướng**	Sa Thầy
	Phêrô	Nguyễn Văn	**Ánh**	Sông Bé

	Phêrô	Hồ Tùng	**Ngọc**	Sông Bé
	Phêrô	Nguyễn	**Quế**	Suối Dầu
	Phêrô	Nguyễn Quốc	**Bảo**	Thủ Đức
	Phêrô	Trần Văn	**Bình**	Thủ Đức
	Phêrô	Nguyễn Văn	**Chiến**	Thủ Đức
	Phêrô	Vũ Lương	**Chinh**	Thủ Đức
	Phêrô	Mai Đông	**Đăng**	Thủ Đức
	Phêrô	Nguyễn Văn	**Dũng**	Thủ Đức
	Phêrô	Trần Đình	**Duy**	Thủ Đức
	Phêrô	Trần Minh	**Giàu**	Thủ Đức
	Phêrô	Lê Minh	**Hải**	Thủ Đức
	Phêrô	Nguyễn Minh	**Hiếu**	Thủ Đức
	Phêrô	Bùi Đức	**Hoàng**	Thủ Đức
	Phêrô	Võ Minh	**Hoàng**	Thủ Đức
	Phêrô	A	**Lih**	Thủ Đức
	Phêrô	Nguyễn Văn	**Lợi**	Thủ Đức
	Phêrô	Lê Duy	**Lượng**	Thủ Đức
	Phêrô	Cao Hữu	**Nghĩa**	Thủ Đức
	Phêrô	Trần Ngọc	**Phú**	Thủ Đức
	Phêrô	Nguyễn Duy	**Phúc**	Thủ Đức
	Phêrô	Đặng Đình	**Quản**	Thủ Đức
	Phêrô	Nguyễn Văn	**Tâm**	Thủ Đức
	Phêrô	Hoàng Cao	**Thái**	Thủ Đức
	Phêrô	Dương Văn	**Thiên**	Thủ Đức
	Phêrô	Lê Đình	**Trị**	Thủ Đức
	Phêrô	Trương Quang	**Vinh**	Thủ Đức
	Phêrô	Trần Thanh	**Bảo**	Vĩnh Phước
	Phêrô	Trần Ngọc	**Niên**	X. Sơn

Lễ an táng Cha Guy Maria Nguyễn Hồng Giáo

Lễ mừng Thượng Thọ Cha Phaolô Nguyễn Văn Hồ

Lễ Phong chức Linh mục và Phó tế

Địa chỉ liên lạc: 03 Mai Thị Lựu, Đakao, Quận1, Tp. HCM

☎(08)3822 2294 Báo chia sẻ: ofmvietnam@gmail.com http//:www.ofmvn.org